GIỮ THƠM QUÊ MẸ

Tạp chí văn nghệ * Lá Bối xuất bản

Coi sóc : TRỤ VŨ

2	**Minh Dũng**	*Nỗi lòng Âu Cơ — Giấc mơ*
3 — 4	**Trụ Vũ**	*Đàn kiến khuya*
5	**Ngô thị Sương**	*Ngoại ô*
6 — 7	**Hạnh Linh N.V.P**	*Chuyện một loài chim*
8	**Đoàn Minh Hải**	*Con sông Thu Bồn*
9 — 11	**Chinh Văn**	*Tiếng đêm*
12 — 16	**Lưu Nghi**	*Được như chúng nó*
17 — 22	**Sơn Nam**	*Ngày hội tháng giêng ở Saigon*
23 — 27	**Văn Lệ Thiên**	*Lý do*
28 — 30	**Dương Xuân**	*Tháp Phù Ngọc*
31 — 40	**Chinh Ba**	*Bí*
41 — 45	**Hồ Hữu Tường**	*Ngôn vô từ*
46 — 50	**Tư Hồng**	*Đính chính một vài sai lầm*
51 — 55	**Trụ Vũ**	*Mùa xuân bắt cá*
56 — 60	**Nhất Hạnh**	*Nói với tuổi hai mươi*
61 — 78	**Erskine Kaldwell**	*Khi em nghĩ đến tôi*
79 — 86	**Vương Pền Liêm**	*Giáo dục quần chúng tại Việt Nam*
87 — 90	**Chín**	*Viết liến*
91 — 101	**Nhất Hạnh**	*Nẻo về của ý*

Số 9 tháng 3 năm 1966

nỗi lòng âu cơ

bàn chân giao chỉ em đây
bước qua vũng lạnh hồn này gió theo
năm mươi con đứng trên đèo
năm mươi tay vẫy ngón chào nước lên
lòng buồn núi cũng rộng thêm
thôi miền khe đá nhớ tên gọi về
một trăm tim nhớ người đi
ngàn sông nước lớn trôi gì ở trên
mẹ còn tay vẫy trong đêm
rừng già lá quét lũng rên rĩ sầu

thưa người mẹ sống bao lâu
đàn con đói lạnh ở đâu hết rồi

MINH DŨNG

•

giấc mơ

Giấc mơ nhỏ bé vô cùng
Một gian nhà nhỏ, ba vồng khoai lang
Thế thôi mà lạy mười phương
Hai mươi năm lẻ chưa tròn giấc mơ

TRỤ VŨ

đàn kiến khuya

những con kiến và tôi
làm việc trong đêm vắng
kiến tha mồi về tổ
tôi tha nhật nguyệt về thơ

kiến tha mồi xây sự sống cho đàn
tôi làm thơ xây sự sống cho em

trong đêm vắng nhiệm mầu
— giữa lúc ra đi ô trời bài cuồng loạn
mà tôi không nghe — chỉ có nhiệm mầu
trong khi thế gian đều ngủ cả
chỉ có kiến và tôi

những con kiến Việt Nam !
ba mươi năm xưa, thằng bé là tôi thường chơi bên đàn kiến
xung quanh chúng tôi là vũ trụ
là suối là hoa
những con kiến đi hành hương trên muôn dặm đường xa
hồn tôi theo kiến hành hương về vũ trụ

thủa lên năm lên mười
tôi thường theo kiến đi chơi
nhớ giải nước trong sầm uất bờ mây
sức sống dạt dào
nở từng bông hoa súng trắng

những tấm lá tre trôi về vô định
bước kiến đi : khúc nhạc muôn đời

tôi theo kiến thủa lên năm lên mười
thủa mười lăm mười tám
uống giọt sương trong cành trúc quê hương
những lá xoài ban trưa
thế giới bình yên
ấn độ

những ông sải vàng những con kiến nhỏ
nơi miền Trấn quốc hoang sơ

kiến với tôi thân ái tự bao giờ
tiềm thức ân tình kết chặt
lịch sử Việt Nam trên ngàn đẫn gỗ
đáy nước trong con cá vẫy vùng

kiến ơi, đến tự bao giờ
tiếng ru lòng mẹ, ngọn cờ tổ tiên

tôi nhớ bài thơ con kiến
tình đoàn kết, nghĩa cần lao
chúng ta cùng sống trong lòng mẹ
kiến với tôi, tình nghĩa sít sao

đêm hôm nay, bên ngọn nến trung thành
ngoài kia trời đen tối quá
mọi vật quanh tôi đều ngủ cả
nhưng còn kiến thức với tôi đây

nghĩa là tôi còn tất cả

4-9-65

TRỤ VŨ

ngoại ô

« Người ấy tên là Nguyễn Lê Xuân ».
Chị bảo đôi mắt anh rất buồn
Người ấy bây giờ không còn nữa
Ngoại ô một mình chị ôm con
Đứa trẻ sinh ra đôi mắt buồn
Đôi mắt rất hiền như cha nó
Một mình chị nhìn con đặt tên
Thành phố màu vàng như da chị
Ngõ hẻm màu đen như tóc con

Người ấy bây giờ không vịn thành cầu
Người ấy bây giờ không huýt sáo
Không còn điếu thuốc đôi mắt nâu
Không còn từng đêm ôm hôn chị.

Người ấy tên là Nguyễn Lê Xuân
Chị bảo lời anh rất buồn
Nửa đêm đứa trẻ ra đời khóc thét
Ngoại ô tiếng súng mắt chị vàng

Người ấy đâu rồi Nguyễn Lê Xuân
Nước mắt trên môi chị mấy lần
Ôi chiến khu nào hơi thở chị
Ôi nhớ thương nào đôi tay con

Buổi chiều chị được tin anh chết
12 giờ khuya chị sinh con

NGÔ THỊ SƯƠNG

chuyện một loài chim

Em ạ trên núi có một loài chim
Tên là chim ca cút
Mà ngày ngày đêm đêm
Người lính vượt núi vượt rừng
Rồi khi dừng chân lại
Vẫn còn nghe tiếng chim
Tiếng chim buồn thê thiết...

Nhiều khi anh thầm hỏi
Có phải vì chim cô đơn
Hay vì thương người lính cô đơn
Mà chim còn kêu mãi mãi...

Người lính già một hôm kể chuyện
Xưa chim là cô gái Thượng
Yêu một chàng lính chiến tiền sơn
Chàng là lính đóng đồn
Quê hương ở miền xuôi xa thẳm...

Em ạ, người lính thì thường hái măng
Nhất là những ngày mưa dầm gió buốt

Chàng lính trẻ một sáng vào rừng
Trở về lạc lối...
Bỗng có một cô gái
Mà theo chàng trai kể lại
Nàng đẹp và thanh khiết như suối ngọc lưu ly
Chàng lính chiến bỗng nhớ
Ngày xưa những cổ tích thần kỳ
Chàng thầm nhủ :
Biết đâu nàng không là tiên nương ngọc nữ

(Nhưng làm gì đẹp bằng em
Hơi cô nữ sinh thành phố)

Rồi mùa măng ấy
Tình của chàng thì nồng thắm
Của cô gái thì lạ lùng
Bởi vì có một hôm
Trong gian chòi nhỏ
Chàng đặt lên môi nàng
Ôi nụ hôn đầu tiên
(Nụ hôn đã khiến nàng
Trở nên người có tội
Với thần núi thần sông)

Em ơi kể từ đó...
Nhưng chàng là lính tiền sơn
Năm sau từ giã tiền đồn về xuôi
Rừng xưa bỗng lạnh dáng người
Nẻo măng bỗng tự muôn đời hoang vu
Lá vàng đã bít lối thu
Đồn xanh dáng cỏ, bóng mù xót xa
Nai vàng đâu dẫn lối ta
Tình xưa còn đó hay là đã quên...

Rồi đến mùa măng mọc
Nàng lại phải vào rừng
Ôi nhìn măng nàng khóc
Khóc nhiều nên hóa chim
Đó là chim ca cút
Loài chim thường đêm đêm
Đánh thức người lính chiến

Có người bảo khi chim thấy lính
Chim tưởng là chàng
Có lẽ vì màu áo quân nhân
Màu áo của rừng
Mà ngày xưa chàng đã mặc

Em ơi cũng vì thế
Mà người lính vượt rừng
Cũng thấy bớt cô đơn...

Dù mưa dầm gió buốt
Dù thung lũng non cao
Nơi đâu còn dáng lính
Là còn chim bay theo...

HẠNH LINH N.V.P

con sông thu bồn

rồi em dõi mắt nhìn theo
hỏa châu cháy sáng chân đèo hôm qua
nát luống khoai, nát dậu cà
thôi giòng sông đó cũng nhòa máu tươi

thương con nên mẹ sống đời
trong đôi mắt đẹp rạng ngời về sau
đêm nghe súng vọng rừng sâu
như đôi con nhạn bỗng sầu buông tơ

rồi em dõi mắt trông chờ
tóc đêm đen với trăng mờ ngoài hiên
lời ru con vẳng ưu phiền
cũng xin gió thoảng ra miền biên cương

thương con lời mẹ thơm nồng
máu đêm qua chảy đỏ sông sau nhà
con kinh, con rạch ngoài xa
chiều nay còn thấy người ta chôn người

ĐOÀN MINH HẢI

tiếng đêm

cho dung

tôi mở mắt đi trong đêm hồng thủy
đầy phong ba, đầy rắn rít, tha ma
tiếng cú rúc len vào cơn mộng mị
chân bước đi, tay bưng mặt khóc òa

tay rời rã, mười ngón dài khô héo
với giữa trời như với lấy bao la
trong đêm tối có tiếng gì tru tréo
ngẩng nhìn ra nào rõ thú hay ma

tôi lắng im tìm trong hơi thở nhẹ
không tiếng người, chỉ có tiếng đêm thôi
tôi đứng lại soi mình trong quạnh quẽ
nước mây trôi, tôi ngồi lại bên đời

trong cô tịch, tôi nghe tôi đằng hắng
rừng núi sâu vang vọng mãi lời tôi
trong xa vắng một loài chim cánh trắng
mang dư âm vào cay đắng mất rồi

tôi chẳng dám ngẩng đầu trông lên nữa
rủi trời cao đất rộng biết làm sao
tôi chẳng dám chờ mong dù đốm lửa
sợ cô đơn, tôi sợ cả câu chào

úp mặt xuống, tôi bước đi thờ thẫn
mười ngón chân hằn trên đất bơ vơ
tay thỏng buông mười ngón suông đờ đẫn
xác thân này mòn ruỗng nét hoang sơ

hai mươi tuổi — rõ ràng hai mươi tuổi
không dám xanh, tóc lấm tấm vài nơi

không dám khóc, chỉ xin cười rũ rượi
tiếng chim quen tôi gửi lại cho trời

và mây trắng nắng vàng hoa lá biếc
ôm làm sao trong những ngón tay buông
và non nước và trăng sao bất tuyệt
nở làm sao trên những khóm môi buồn

tôi thổ mộ khuya về trên phố vắng
kiếp đi hoang, tôi là gió không nhà
tôi núi đá đã vạn đời câm nín
nghe hải triều ngờ ngợ giấc bao la

không biết nữa, vì đâu tôi ủy mị
cứ run hoài như chiếc lá đêm đông
không hiểu nữa, vì sao tôi rền rĩ
giọng thương đau cứ ngân mãi bên lòng

có phải mẹ đã sinh con thời nhỏ
trong ca dao tiếng võng quá u trầm
có phải mẹ đang mồ lên xanh cỏ
mấy mươi năm vẫn quen sống âm thầm

hay tại cha đã sinh con quá vội
mớm cho con quá sớm những hờn oan
hay bão tố đã giậy lên từ cội
nên lá hoa không héo cũng phai tàn

hay tại đất đã không ngừng lở lói
hay tại ngày cứ tối mãi đêm đêm
hay tại trăng cứ treo hoài không nói
nên mặt trời chang chói mãi thân em

hay tại gió vừa ghé thăm nghĩa địa
chở thêm hờn trong tiếng rít cuồng điên
hay tại mưa nghiêng đầu trên bãi chiến
nên sông đầy nước lặng chảy triền miên

tại anh đấy, chết không hề nhắm mắt
một hôm nào ngã xuống chẳng toàn thây
hay tại gió may về đau nhức chắc
nên em ôm mặt khóc giữa ban ngày

hay tại những người già không chịu chết
ra vô hoài khoảng ngỏ trước vườn sau
phải đâu đó từng đốt xương đã mất
ông đi tìm mong xoá bớt thương đau

thằng bé ấy xem chừng già trước tuổi
những ông già đã trở vỏ thơ ngây
những cô gái đã ôm duyên hờn tủi
những đời trai không còn biết mai ngày

●

tôi đâu biết, tôi chẳng hề hay biết
mở mắt nhìn tôi chợt thấy tôi đây
tôi đâu biết, tôi chẳng hề chém giết
mũi súng nào chợt bay khói trên tay

●

tôi đứng đó, giữa tháng năm hờ hững
bàn tay không lạnh ngắt gói bàn tay
tường ngói đồ đứng ngồi sao cho vững
ôi tương lai, ôi thế hệ lưu đày

●

bỗng đâu đó, trong mầu đêm dày đặc
có tiếng gì như tiếng lửa chân mây
nghe đâu đó từng nhịp cầu đã bắc
từng đoàn người vui trẩy hội ngày mai

●

đêm nay trời rộng sông dài
có con thuyền nhỏ chở hai đứa mình

CHINH VĂN
(Đêm Việt Nam)

lưu nghi

ĐƯỢC NHƯ CHÚNG NÓ

THẰNG lớn nhất tên là Vinh, 10 tuổi, học lớp nhất. Đứa nhỏ hơn tên là Tuấn 8 tuổi, học lớp nhì. Hai đứa nhỏ hơn nữa chừng 5 tuổi, ba tuổi. Thằng 5 tuổi mặc áo sơ mi đỏ. Đứa 3 tuổi ở trần, mặc quần treo. Cả bốn đứa ngồi trên chiếc chiếu trải trên nền gạch hoa. Ba đứa chụm đầu vào nhau sắp đồ chơi : thằng Vinh cắt giấy dày, dán thành một chiếc máy bay kiểu chở hành khách, có chong chóng, có cầu thang lên xuống. Đồ chơi của ba đứa kia là những mãnh plastic vụn xanh đỏ, trắng, vàng, có thể gắn vào một tấm carton đục lỗ.

Cả nhà đi vắng, giao mấy đứa trẻ cho người vú già. Lúc bấy giờ, người vú già rửa chén trong nhà bếp.

Bỗng một giọng nói con gái vọng lớn từ nhà vệ sinh :

— Làm sân khấu hát cải lương đi.

Đó là tiếng nói của con Lựu, con của người vú già. Con Lựu chừng sáu, bảy tuổi gì đó, đang vui chơi với mấy đứa con trai, vì «mắc cầu», bỏ dở cuộc chơi. Mới vào nhà vệ sinh có hai phút đồng hồ nó đã nói vọng ra như thế. Và chừng hai ba phút sau đó, con Lựu vừa cột quần vừa chạy ra nhảy vào chiếc chiếu. Nó lặp lại :

— Làm sân khấu hát cải lương đi.

Thằng Tuấn không thèm nhìn con Lựu nói lớn :

— Khoan đã. Tao đang làm nhà trường... không lo học hành gì hết; cải lương, cải lương hoài.

Thằng Vinh vừa dán cái đuôi máy bay vừa nói :

— Con Lựu đâu có đi học.

Con Lựu làm im, mở đôi mắt thật to nhìn vào tấm carton đục lỗ có những mãnh plastic xanh, đỏ, trắng, vàng. Con Lựu không đi học vì mẹ nó, người vú già không có tiền, phải đi làm thuê cho gia đình này. Nó được ở chung với mẹ nó, được chơi chung với mấy đứa trẻ con chủ nhà, đã là may mắn lắm cho nó rồi. Nó mặc cái áo cánh vá hai miếng vải đen thật lớn hai bên vai. Tóc nó xỏa xuống quanh khuôn mặt chỉ để lộ phía trước cái

cổ cao nhòng.

Thằng Tuấn vừa đặt những mảnh plastic màu vàng cách khoảng rất đều, vừa nói :

— Đây là bàn học trò. Tao ngồi chỗ này nè, gần sát cái bàn cô giáo.

Thằng mặc áo sơ mi đỏ — tên là Quang — chỉ vào mảnh plastic màu xanh, nói :

— Bàn cô giáo đây hả ? Không phải. Không có bàn cô giáo.

Thằng Tuấn mở to đôi mắt, bĩu môi :

— Ê, sao không có bàn cô giáo ? Không biết gì hết,

Thằng Quang cũng mở to đôi mắt đen lánh, cãi lại :

— Cô giáo đi, đi vầy nè. Cô giáo không có bàn.

Thằng Vinh ngừng dán máy bay, xen vào :

— Trường Quang khác. Trường của anh khác.

Thằng Tuấn ngước mắt về phía thằng Vinh hỏi lớn :

— Vậy cô giáo ngồi đâu ! Đi hoài à ? Giả bộ...

Thằng Vinh cắt nghĩa :

— Trường mẫu giáo, cô giáo đâu có giảng bài. Cô giáo phải đi từng bàn bày cho mấy đứa viết chữ, tô màu. Không biết gì hết.

Thằng Tuấn tiếp tục đặt mấy mảnh plastic màu đỏ vào tấm carton. Thằng nhỏ nhất hỏi :

— Cái gì đó ?

Thằng Tuấn vừa sắp thêm mấy mảnh plastic đỏ xiêng xiêng trả lời :

— Đây là xe trường. Xe trường bự vầy nè...

Nó ngừng tay, nhìn vào mặt thằng Quang, con Lựu và thằng mặc quần treo kể chuyện :

— Trên xe trường, có một đứa mập thù lù, cao vầy nè (nó đưa một cánh tay lên quá đầu), mà học dốt lắm ! Trong lớp nó không học gì hết, cứ nói chuyện hoài, cô giáo bắt nó quỳ ngoài sân... xấu ghê...

Thằng mặc áo sơ mi đỏ bỗng nhiên dập bàn tay lên đầu nói :

— Voici... la tê... te.

Thằng Tuấn, chỉ vào lỗ mũi nó hỏi :

— Cái nầy là gì ?

— Le nez.

Thằng Tuấn kéo lỗ tai thằng mặc áo sơ mi đỏ lại hỏi :

— Còn cái này ?

Thằng Quang (mặc áo sơ mi đỏ) mở to đôi mắt nhìn sững rồi chớp chớp. Thằng Tuấn vừa dằn mạnh cái tai thằng Quang vừa hỏi nữa «Cái gì ? Cái gì ?». Cái miệng thằng Quang lần lần méo xệch một bên, rồi nó òa lên khóc, nước mắt tuôn ra, nhỏ từng hột sáng. Thằng Vinh lại dừng dán máy bay, hỏi lớn :

— Gì đó ? Khóc, khóc hoài.

Thằng Quang mếu mó :

— Nghỉ anh Tuấn ra. Anh Tuấn béo tai đau quá..

RỒI nó tiếp tục khóc òa lên, trong khi thằng Tuấn, con Lựu cười rần rật. Thằng nhỏ mặc quần treo không cười, không khóc, chăm chú phá vỡ cả

những khuôn plastic trên tấm carton đục lỗ. Thằng Tuấn chợt ngưng tiếng cười, cốc vào đầu đứa nhỏ :

— Sao phá hết vậy ? phá hết nhà trường rồi. Xe trường hư hết rồi.

Đứa nhỏ mặc quần treo khóc rống lên, hòa theo tiếng khóc của thằng Quang. Người vú già từ dưới bếp nói vọng lên :

— Gì đó nữa ? Khóc điếc lỗ tai quá. Khóc khô nước mắt chết bây giờ.

Con Lựu nói với thằng Tuấn :

— Làm sân khấu : hát cải lương đi.

Thằng Vinh vụt đứng dậy, cầm chiếc máy bay bằng giấy chạy quanh chiếc chiếu, đưa chiếc máy bay lên xuống vừa làm tiếng vù vù và tiếng bom dạn : tạch tạch tạch... ầm ầm ầm... Thằng Tuấn kéo cả con Lựu, thằng Quang, đứa nhỏ mặc quần treo, ngã dài trên mặt chiếu, vừa nói :

— Chết đi, máy bay thả bom, chết đi, chết đi...

Con Lựu ngồi dậy, vùng vẫy :

— Tao có làm lính đâu mà máy bay bắn tao

Thằng Tuấn kéo con Lựu nằm xuống, nói tiếp :

— Mặc kệ. [redacted] Máy bay thả bom cũng chết... Chết đi...

Con Lựu cố vùng dậy :

— Tao không muốn chết. Tao không muốn chết... Làm sân khấu hát cải lương đi.

THẰNG Quang và thằng nhỏ mặc quần treo nằm im, không khóc nữa, mở mắt thật lớn nhìn theo cái máy bay bằng giấy lượn vòng theo bước chạy của thằng Vinh Cái cánh máy bay chợt rơi xuống mặt chiếu. Thằng Vinh ngừng chạy, nói một mình :

— Chết cha. Máy bay bị bắn. Rớt cái cánh rồi.

NÓI xong, nó buông chiếc máy bay đâm chúi xuống nền gạch hoa. Nó chạy xuống bếp, lấy hộp quẹt, chạy lên, quẹt lửa đốt chiếc máy bay. Ngọn lửa cháy bùng, tỏa ánh sáng chập chờn trên 4 cặp mắt mở thao láo, sáng long lanh như những cặp mắt mèo.

Người vú già từ nhà bếp chạy lên, hét lớn :

— Trời ơi, mấy đứa bay đốt nhà hả ? Hết cách chơi rồi hả ?

Thằng mặc quần treo nói trống không:

— Máy bay bị bắn, cháy hết rồi.

Ngọn lửa yếu dần, tắt đi rất mau, để lại trên nền gạch hoa tàn giấy đen thui. Người vú già vừa quay xuống nhà bếp vừa nói lớn :

— Đừng đốt giấy nữa nghe. Cháy nhà bây giờ. Đứa nào đốt nữa bị đòn bây giờ.

Con Lựu kéo tay thằng Vinh :

— Làm sân khấu hát cải lương đi.

Thằng Vinh ngồi xuống mặt chiếu, sắp những mảnh plastic xanh đỏ trắng vàng, vừa cắt nghĩa :

— Đây là cái sân khấu, hai bên là chỗ thay quần áo. Đây là ghế cho khán giả, nhiều nhiều lắm...

Thằng Tuấn xen vào :

— Ban nhạc ngồi đâu ? Nó lấy những mảnh plastic màu đỏ đặt vào tấm carton, gần cái khung làm sân khấu — Đây là ban nhạc... Từng từng tưng, la la la...

Thằng Vinh tiếp tục sắp những mảnh plastic màu vào tấm carton, lẩm bẩm ;

— Bữa nay làm đại nhạc hội Cù Léc.

Thằng Tuấn vụt đứng dậy, cởi phăng

cái áo sơ mi, chỉ còn cái quần cụt, phơi da bụng trắng như bông. Nó dạng hai chân, chống mạnh, nghếch mặt lên một bên :

DÂY là... Tarzan nổi giận. Ta ở trên rừng 20 năm nay, ăn thịt cọp, beo, sư tử...

Con Lựu, thằng Quang và thằng nhỏ mặc quần treo đều cười. Thằng mặc quần treo cũng đứng dậy, ưỡng cái bụng ra trước, nói tiếp :

— Ta là Tarzan, ăn thịt chó...

Thằng Vinh ngửng mặt lên, cười rúc rích, lặp lại :

— Targan mà ăn thịt chó.

Con Lựu vuốt mái tóc đồ xòa trên trán, nói với thằng Vinh :

— Thôi, hát cải lương đi.

Không đứa nào trả lời con Lựu cả. Nó chớp chớp cặp mắt đen lánh, ướt long lanh như muốn khóc. Thằng Quang và thằng mặc quần treo bỗng cất giọng một lần :

— Son,.. (ne)... les... tambours... Son (ne)... les... tambours...

Thằng Tuấn dẩy vai thằng mặc quần treo, trợn mắt :

— Biết có một câu mà hát hoài. Hát dở khẹt...

Thằng nhỏ mặc quần treo quay nhìn thằng Tuấn, cũng mở to đôi mắt :

— Ở trường Chim Xanh, cô giáo có bày hát Son... (ne) les tambours...

Thằng Vinh hét lên :

— Im. Cãi nhau hoài. Bây giờ đến màn khác... (Rồi nó trịnh trọng nói tiếp theo) ... Để tiếp tục chương trình, xin mời qúy vị khán giả thưởng thức tuồng Lương Sơn Bá Chúc Anh Đài...

Thằng Vinh nói chưa dứt lời, thằng nhỏ mặc quần treo lại cất giọng, vừa uốn mình, nẩy cái mông qua bên phải, qua bên trái, đưa hai bàn tay lên múa thật dịu :

Sáng sén hanh xĩu huynh xiêu tài. . Ỳ sư li sì ní sư thài... Tào thì tào sứ nánh hay sự nu...

Thằng Quang hát tiếp theo :

— ... Ni sanh tài thồn choàng chì chu din thải...

Con Lựu vẫn qùy trên chiếu, ngước mặt nhìn hai đứa hát, nở một nụ cười để lộ hàm răng vàng ngàu. Thằng Vinh kéo thằng Quang và đứa nhỏ mặc quần treo ngã quay trên mặt chiếu :

— Thôi, bây giờ hát cải lương.

Con Lựu đứng thẳng dậy vuốt lại mái tóc, sửa lại cái áo cụt vá hai miếng vải đen, chắp hai tay trước bụng, chờ đợi. Thằng Tuấn hỏi :

— Hát tuồng gì ?

Thằng Vinh nói :

— Thưa qúy vị khán giả. Đây là tuồng Tiếng chuông chùa.

Con Lựu chớp chớp đôi mắt, nghiêng khuôn mặt về một bên như đang đứng trước máy vi âm, cất giọng hát :

— «Thế rồi cho nên mỏi mắt dăm dăm trời một góc, bóng chim tăm cá xót xa chan chứa lệ ứa đôi hàng, bởi gặp cơn giông tố phũ phàng như gió táp mưa sa, bờ bến nơi đâu tôi đành để chiếc thuyền sầu mênh mang trên giòng nước lũ... ư...ư...»

Cả ba đứa nhìn con Lựu không nháy mắt, yên lặng nghe con Lựu kéo dài mấy câu vọng cổ bất chấp nhịp nhàng. Thằng Tuấn chợt nói :

— Thôi, đừng hát cải lương nữa. Buồn lắm..Đánh chưởng đi.

Nó vừa nói vừa đá vào tấm carton trên mặt chiếu. Những mảnh plastic bắn tung đi khắp nơi. Thằng Vinh giận dữ nắm lấy bàn chân thằng Tuấn, hét lên :

— Kệ nó, để nó hát cho hết. Đang hát cải lương mà chưởng, chưởng gì...

Thằng Tuấn mất thăng bằng, bám vào vai thằng Quang. Thằng Quang ngã vào đứa nhỏ mặc quần treo. Đứa mặc quần treo té nhào ra khỏi mặt chiếu. Nó vừa lòm ngòm bò dậy, khóc thét lên, vừa mếu máo :

— Nghỉ anh Quang ra... Nghỉ anh Quang ra...

Thằng Tuấn nhảy tới, dấm vào ngực thằng Vinh, làm thằng Vinh loạn choạng ngã vào cái ghế mây. Thằng Vinh ôm ngực, cái miệng méo xệch, hai hột nước mắt chảy dài trên gò má :

— Ba về, Vinh mét cho coi. Em mà hung lắm. Em mà đánh anh.

Thằng Tuấn sừng sộ :

— Tại anh Vinh đánh Tuấn trước...

Thằng Vinh cãi lại :

— Đánh đâu ? Vinh nắm cái chân Tuấn, chứ đánh đâu ?

Trong lúc đó, thằng Quang và đứa nhỏ mặc quần treo cũng cải nhau chí chóe:

— Tại anh Tuấn đẩy Quang chớ...

Thằng mặc quần treo cứ khóc rống lên vừa nói :

— Nghỉ anh Quang ra. Nghỉ anh Quang ra...

CON Lựu ngừng hát, trố mắt nhìn bốn đứa cải nhau, khóc lóc. Hắn lui vào sát bờ tường, đứng im như pho tượng. Người vú già lại xuất hiện, nói lớn :

— Om sòm quá. Chơi với nhau rồi đánh lộn, la hét, khóc lóc om sòm. Thằng Tuấn, Thằng Quang, ông nhỏ đó nữa, ngồi hết xuống đi. Im đi. Đừng khóc nữa. Đứa nào la nữa bị đòn bây giờ. Anh em với nhau mà đánh lộn nhau hả ? Lớn lên rồi giết nhau hả ?

Chẳng có đứa nào trả lời cả. Ba đứa trẻ ngồi xuống, quay mặt mỗi đứa một nơi. Thằng Vinh vẫn ngồi trên ghế mây. Con Lựu vẫn dứng tựa vào tường. Người vú già đi xuống nhà bếp.

THẰNG nhỏ mặc quần treo khóc nhỏ dần, quệt cánh tay ngang mắt, ngồi yên một chút, rồi nằm xuống chiếu. Thằng Quang lim dim cặp mắt, ngồi xếp bằng như tượng Phật. Chỉ một lát sau, thằng nhỏ mặc quần treo đã ngủ yên lành. Thằng Quang bắt đầu ngủ gật. Thằng Tuấn lấy ngón tay vẽ từng vòng tròn trên mặt chiếu. Con Lựu đưa tay vuốt mái tóc, vẫn tựa lưng vào tường. Chợt thằng Quang ngã chúi xuống bên cạnh thằng nhỏ mặc quần treo. Nó trở mình gác chân phải lên bụng thằng Quang. Hai đứa ngủ say sưa. Con Lựu ngồi chồm hổm, lưng vẫn tựa vào tường. Thằng Tuấn vẫn cứ vẻ những vòng tròn tưởng tượng trên mặt chiếu. Thằng Vinh đưa bàn tay xoa ngực.

Bỗng giọng nói thằng Quang vang lên giữa yên lặng :

— Voici... la... tê... te...

Thằng Vinh, thằng Tuấn, con Lựu đều nhìn thằng Quang. Nó vẫn ngủ say, đôi mắt nhắm nghiền, một cánh tay đặt trên mình thằng nhỏ mặc quần treo. Nó lại mớ :

— Voici... la tê... te.

Thằng Tuấn và thằng Vinh chợt cùng nói một lần : Ngủ mà cũng mớ. Hai đứa cùng cười. Con Lựu cười theo. Rồi cả ba đứa cúi nhặt những mảnh plastic xanh đỏ trắng vàng vung vải trên nền nhà. Thằng Vinh nói :

— Thôi cất hết, sáng ngày chơi.

Con Lựu và thằng Tuấn cùng đáp :

— Ừ, mai chơi nữa.

Trong lúc đó thằng Quang lại mớ :

— Voici... la tête..., le nez, la bou.. sờ...

SƠN NAM

ngày hội tháng giêng ở saigon

NHỮNG ngày đầu tháng giêng, đồng bào Sàigòn — Chợ lớn tham dự hai ngày hội quan trọng :

Đó là ngày hội ở lăng Ông Bà Chiểu,— lăng ngài Tả quân Lê văn Duyệt — từ đầu xuân đến ngày rằm. Đây là cuộc hành hương để cầu tài, hái lộc. Già trẻ trai gái đều tấp nập, không phân biệt tôn giáo. Nhang khói nghi ngút, lúc chiều cũng như lúc trưa. Đúng là ngựa xe như nước, áo quần như nêm. Người ta hái lộc quá nhiều, lộc nẫy không kịp để cung ứng nhu cầu. Mặc dầu có lời yêu cầu tha thiết của ban quản trị, lắm khi vườn kiểng bị hái sạch (đến mức hư hại) ; nhiều người chờ đợi xin xăm, chen chúc nhưng chẳng tài nào tiến vào chánh điện được, người yếu tim có thể bị ngột vì khói hương.

Xin tóm tắt công đức ngài Tả quân : sinh trưởng ở Định Tường, giòng chúa Nguyễn Ánh phục quốc, lãnh trách vụ Tổng trấn Gia định thành, lập đồn điền ở Cái Bè, Cai Lậy (Định Tường), đào những con kinh chiến lược nối liền Hậu giang đến biển Vịnh Xiêm La. Ngài cai trị toàn cõi Nam Kỳ nhưng dường như uy lực tinh thần của ngài không vượt qua bên kia bờ sông Tiền Giang.

Mặc nhiên, sau khi mất, ngài đóng vai trò thần Thành Hoàng và cũng là vị Thổ công tối cao của tỉnh Gia Định. Nếu tò mò, chúng ta thấy rõ : số người đến chiêm ngưỡng ngài Tả quân gồm đa số dân Saigon - Chợ lớn, nhất là các người Việt gốc Hoa ở Chợ lớn, các bà « xầm già ».

Tại sao người Việt gốc Hoa ở Chợ lớn

lại sùng bái một công thần Việt Nam? Đó là lòng sùng bái chân thành, kính cẩn, được vẻ huyền bí, cha truyền con nối, trở thành tập tục. Ở Gia Định, còn có lăng Trương tấn Bửu, Võ di Nguy nhưng tại sao ít người đến bái yết?

NGƯỜI Việt Nam ở Gia Định và người Việt gốc Hoa ở Chợ lớn kiên nễ oai linh ngài Lê văn Duyệt. Ngài là vị công thần, khai sơn phá thạch có quyền tiền trảm hậu tấu đã nghiêm trị các quan lại hời hợt với nhiệm vụ cương quyết thanh trừng bọn du đảng, bọn trẻ con bất hiếu. Sau khi ngài mất, Lê văn Khôi nổi loạn, vì lề lối cai trị hà khắc của quan Bố chánh Bạch xuân Nguyên. Lê văn Khôi chiếm tất cả sáu tỉnh Nam kỳ, chiếm nhanh chóng - điều ấy chứng tỏ Khôi thâu phục được nhân tâm và đa số quan quân đều nhớ công đức Lê văn Duyệt. Hai năm sau giặc Khôi bị dẹp tan. Vua Minh Mạng vốn có nhiều thành kiến đối với Lê văn Duyệt « ra lệnh cho quan đốc phủ Gia Định đến nấm mộ của Duyệt san phẳng làm đất bằng, đặt một tấm bia đá trên có khắc tám chữ to : «Quyền yêm Lê-văn-Duyệt phục pháp xứ » (theo Bản Triều Bạn Nghịch Truyện của Giá Sơn Kiều Oánh Mậu, soạn năm 1901 — bản dịch do Viện Khảo Cổ ấn hành). Cũng theo tài liệu nói trên, sau khi bị san phẳng, tại mộ Lê-văn-Duyệt « có những lúc trời âm u, đêm yên tĩnh, có tiếng ma quỷ khóc than, hoặc tiếng ồn ào người ngựa ; dân cư nơi đó không dám lại gần, người đi đường đều dời lối khác để tránh đi »

Vào năm Tự-Đức thứ 2 (1849), ở Kinh-Đô Huế «đầy bịnh dịch khí», các quan bèn tâu lên vua — thừa dịp ấy — rửa tội xưa cho Lê-văn-Duyệt : «Đến lúc vua sai quan địa phương đem giấu bỏ tấm bia và cho con cháu tự ý sửa chữa ngôi mộ thì tiếng ma quỷ trong ban đêm mới dứt ».

Các chi tiết trên chứng tỏ : Khi Lê-văn-Dnyệt bị hạ nhục, nhiều người phẫn nộ, chống đối ngấm ngầm bản án quá tàn nhẫn do vua Minh-Mạng ban xuống. Họ phao tin [redacted] Lê-văn-Duyệt đã là vị khai quốc công thần, xứng danh là anh hùng. Anh hùng tử, khí hùng nào tử ! Sau khi lìa dương thế, ngài Tả Quân tiếp tục điều khiển một đạo binh ma. Khi anh hùng mang bản án oan ức thì xảy ra hiện tượng quỷ khóc thần sầu. Vùng Bà Chiểu, Bình Hòa lúc bấy giờ hoang vu sầm uất nên giới bình dân dễ tin nơi hiện tượng huyền bí, chứng tỏ ngài Tả Quân luôn luôn hiển hách, chánh khí mãi trường tồn với núi sông.

Lúc sống, ngài Tả Quân lo giữ nước, giữ dân, đến chết rồi, ngài vẫn không rời nhiệm vụ ấy.

VIỆC người Việt gốc Hoa — nhứt là nữ giới — từ Chợ lớn qua Bà Chiểu để cúng vái, xin xăm có thể giải thích được. Lúc sinh thời, hằng năm đúng ngày mùng sáu tháng giêng, ngài Tả Quân đích thân cử hành lễ ra binh, kéo binh sĩ đi vòng quanh thành Gia-Định để thị oai và để tống ôn tống quái. Về chi tiết cuộc lễ ra binh, xin quí độc giả xem thêm trong «Sài Gòn Năm Xưa» (do Vương hồng Sển soạn) : ngài Tả Quân tắm gội trai kỳ, trong thành dân cư vọng bàn hương án, những người

có tang khó nhứt là đàn bà bụng mang dạ chửa đều phải lánh xa...

Sài gòn ngày xưa tức là vùng Chợ lớn — Khu vực đường Nguyễn Trãi — Triệu quang Phục ngày nay. Khu vực thương mãi ấy khá trù phú người Huê Kiều sống tập trung để buôn bán. Sau buổi lễ ra binh tống quái, các tiệm phố mới yên tâm khai trương, đầu Xuân.

Khi ngài Tả Quân còn sống, đích thân ngài điều khiển lễ tống quái.

Lúc ngài mất, người Việt gốc Hoa từ Chợ lớn vẫn nhớ « tiền lệ » tống quái ấy. Họ đến chiêm ngưỡng công đức ngài tại lăng, tại đền thờ để cầu mong được tấn tài, tấn lợi, nhờ oai danh của ngài tống quái giúp họ.

NGƯỜI Việt gốc Hoa sống tập trung tại Chợ lớn, thời xưa. Họ lập thành làng, với qui chế ít nhiều tự trị: Làng Minh Hương. Dân làng Minh Hương chọn sự cai trị trực tiếp của ngài Tả Quân Lê văn Duyệt. Họ có nhà công sở riêng với những ông Hương Lão, Hương Trưởng, Hương Trùm. Dân làng theo một Hương ước khá chặt chẽ.

Theo tài liệu do Hội Minh Hương Gia Thạnh ấn hành, hằng năm, cứ đến ngày 16 tháng giêng âm lịch, vào giờ mùi (2 giờ trưa), cử lễ Nghinh Thần để cầu an.

Công sở làng Minh Hương, trải qua bao biến cố lịch sử nhứt là biến chuyển văn hóa — đã mất vai trò hành chánh, trở thành ngôi đình: Đình Minh Hương Gia Thạnh. Đình nầy nổi danh là đẹp đẽ, tu bổ khéo nhứt, tổ chức có qui cũ nhứt tại Chợ Lớn (số 380 đại lộ Đồng khánh, ngay Ty Cảnh Sát quận 5).

Người Minh Hương đến miền Nam trong hoàn cảnh nào? Các quyển lịch sử Việt Nam đã ghi chép khá nhiều. Xin tóm lược và đưa ra vài nét chánh.

TRÊN đường Nam tiến, người Việt ở Bình Định, Quảng Nam đã bắt đầu chán chê những thửa ruộng nhỏ hẹp nằm giữa dãy Trường Sơn khô cằn và biển Đông đầy giông bão thường niên. Chính trên vùng đồng ruộng nhỏ hẹp này, người Chiêm Thành bị tiêu hao khá nhiều sinh lực.

Người Việt sẵn sàng đi xa hơn, vào thời Trịnh Nguyễn phân tranh; họ làm ruộng tận Biên Hòa, Bà Rịa, đánh lưới tận hải đảo Phú Quốc phía cực Tây, sống rải rác ở ven rừng góc biển, thiếu tổ chức. Đất quá rộng, người quá thưa.

[redacted] vào năm 1679, các di thần nhà Minh chở hơn 300 thuộc hạ đến xin ra mắt Hiền Vương. Hiền Vương cho phép họ vào đồng bằng sông Đồng Nai và sông Cửu Long để lập nghiệp:

1) Trần thắng Tài chú trọng mở mang thương mãi ở vùng cù lao (Biên Hòa). Sau khi chợ này bị quân Tây Sơn đốt phá, đám thương gia rũ nhau xuống vùng Chợ lớn ngày nay để lập cơ sở khác, nơi có địa thế thuận lợi hơn.

2) Dương Ngạn Địch đến vùng Mỹ Tho lập trang trại, cho thuyền vào cửa Tiểu. Chắc chắn rằng họ đến lập nghiệp tại các giồng đất cao ráo mà trung tâm là giồng Tân Hiệp (quận lỵ Bến Tranh, Định Tường) chớ không phải vùng chợ

Cũ Mỹ Tho. Vùng đất này trở thành Trấn Định ; quyển «Lịch An Nam thông dụng trong Nam kỳ» do Thống đốc phủ ấn hành vào năm 1907 còn ghi rõ : Chợ Trấn Định nằm trong làng Tân Hiệp, tổng Hưng Nhượng, tỉnh Mỹ Tho.

3) Di thần Mạc Cữu đến Hà Tiên trong trường hợp khác hơn. Ông nầy đến với vài kẻ mưu sĩ và không có trình diện với chúa Nguyễn khi mới đến Về sau, khi bị áp lực quân sự của Xiêm la, Mạc Cữu mới xin thụ phong. Mạc Cữu nhắm vào việc tổ chức sòng bạc, dùng Hà Tiên làm hải cảng để giữ độc quyền mua bán giữa Cao Miên và ngoại quốc.

TRỪ trường hợp Dương Ngạn Địch ở Mỹ Tho, các ông Trần thắng Tài và Mạc Cữu đều nghiêng về việc tổ chức thành thị, sống tập trung, nắm vững giềng mối thương mãi.

Đám lưu dân Việt Nam đến trước dường như không thắc mắc về việc chúa Nguyễn đón rước các di thần nhà Minh Đám lưu dân chịu thiệt thòi về kinh tế, bán sản phẩm qua tay trùng gian, nhưng họ vẫn vui, bằng cớ hiển nhiên là họ không nổi loạn chống đối. Họ sống vui vẻ vì sản phẩm bán có giá, so với lúc trước. Ngoài ra còn lý do khác :

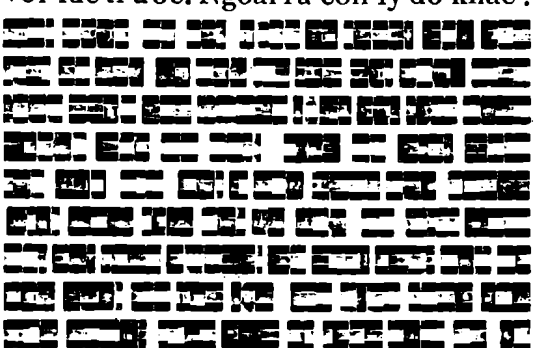

Trong sự chung đụng nầy, bao nhiêu tập tục, mê tín, dị đoan hoặc tín ngưỡng lại cọ sát, dung hòa nhau.Nhiều danh từ hoặc thổ âm Triều Châu được Việt hóa. Lễ Thanh Minh lễ cúng Giới Tử Thôi, Khuất Nguyên... Đượm vẻ long trọng. Ảnh hưởng của Thiên Địa Hội lan tràn vì bọn di thần nhà Minh vẫn ôm ấp giải mộng bài Mãn

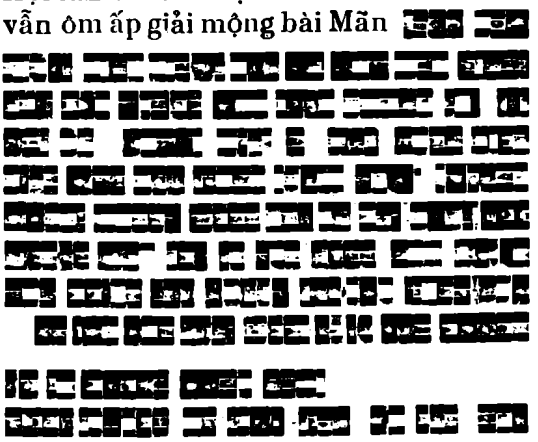

Cuộc Nam Bắc phân tranh chấm dứt Năm 1698, Minh Vương Nguyễn Phúc Chu phái một vị quan văn võ toàn tài vào Nam : ông Nguyễn Cảnh. Ông nầy lãnh trách nhiệm đặt cơ sở hành chánh ở miền cực Nam biên thùy, xem hai huyện Phước Long và Tân Bình (Biên Hòa và Gia Định ngày nay) là hai đơn vị hành chánh đầu tiên thành lập ở đất Nam kỳ.

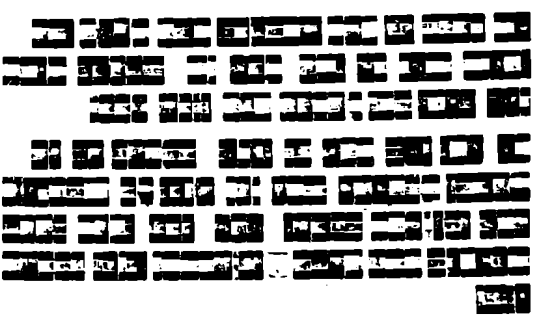

Năm sau (1699) ở đất Cao mên xảy ra cuộc làm phản. Nguyễn hữu Cảnh lại kéo quân sang Cao Mên, đến tận Nam Vang. Ông thắng trận nhưng khi trở về, cánh quân ấy tan rả dần dần, rút lui theo đường Châu đốc xuống Long xuyên

(Hậu giang) rồi qua Tiền giang đến Vĩnh kim (Định tường). Tại Vĩnh kim ông Nguyễn hữu Cảnh mang bệnh thổ huyết mà chết.

Cánh quân ấy vượt ngang hai con sông Tiền giang và Hậu giang bao nhiêu thương binh, bịnh binh và quân sĩ được dịp giải ngủ — hoặc đào ngũ. Quân sĩ mệt mỏi vì phong thổ bất đồng nhơn cuộc viễn chinh; cái chết hơi đột ngột của Nguyễn Hữu Cảnh lúc thắng trận lui quân khiến cho chúng ta liên tưởng đến một cuộc chiến thắng theo kiểu Nã phá Luân chiến thắng Nga Hoàng rồi rút lui giữa mùa đông tháng giá.

SUỐT con đường lui quân của Nguyễn Hữu Cảnh chúng ta thấy khá nhiều đình thờ, dành riêng cho ông. Đó là những cựu quân nhân thờ vị tướng lãnh của họ, đó là những người lính giải ngũ, trở thành dân bạch đinh, tôn thờ vị thần Thành Hoàng Bổn Cảnh: đình thờ ở Châu Đốc, ở làng Ông Chưởng (tại các làng An Thạnh Trung, Long Kiến, Long Điền, Kiến An nối liền sông Tiền Giang qua Hậu Giang) đình thờ ở Biên Hòa. Ngoài ra còn đình thờ ở Nam Vang, do Việt kiều đảm nhiệm phần hương khói. Và đáng chú ý nhứt là ông Nguyễn Hữu Cảnh còn được thờ tại đình Minh Hương Gia Thạnh, bên tả Chánh điện, thờ chung một bàn với di thần Trần Thắng Tài, người lần đầu tiên sáng lập đình Minh Hương tại Biên Hòa.

Người Việt gốc Hoa từ Chợ lớn đến Bà Chiểu chiêm bái ngài Tả Quân Lê văn Duyệt.

Vị công thần Việt Nam từ miền Trung vào Nam được thờ tại đình Minh Hương dành cho các vị thần nhà Minh

Cuộc gặp gỡ ấy thật đầy ý nghĩa và dễ hiểu.

Người Việt gốc Hoa xem ngài Tả Quân như vị Thổ Thần cao cả đầy đủ uy linh.

Người Minh hương muốn chứng minh lòng thành thật và thiện chí của họ trước sự kiện lịch sử, văn hóa. Tài liệu của đình Minh Hương Gia Thạnh xác nhận: «Trong số hơn 210 hội viên Minh Hương Gia Thạnh, mặc dù có gốc Trung Hoa mà đã nhỏ giọt xuống năm sáu đời sống theo nếp sống bên ngoại Việt Nam thì thành ra hoàn toàn dân Việt về nếp sống và phong tục».

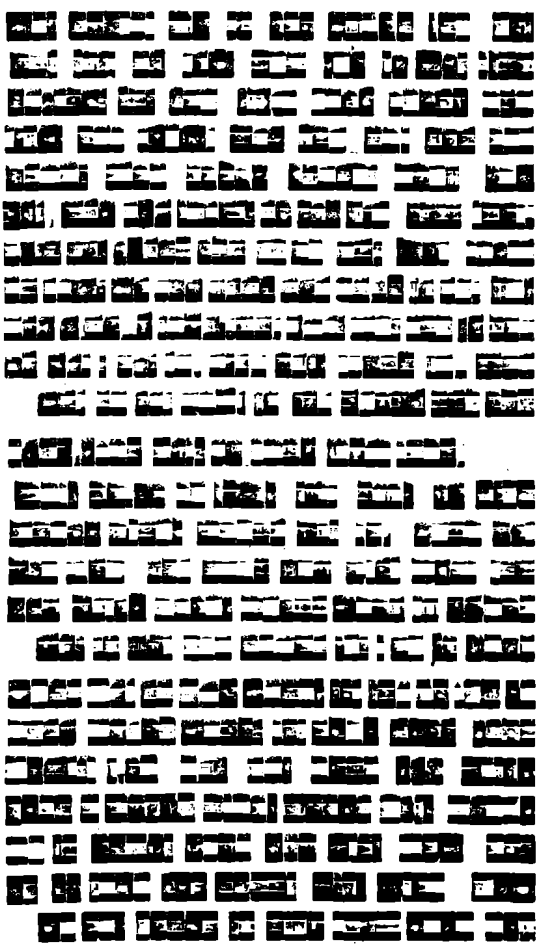

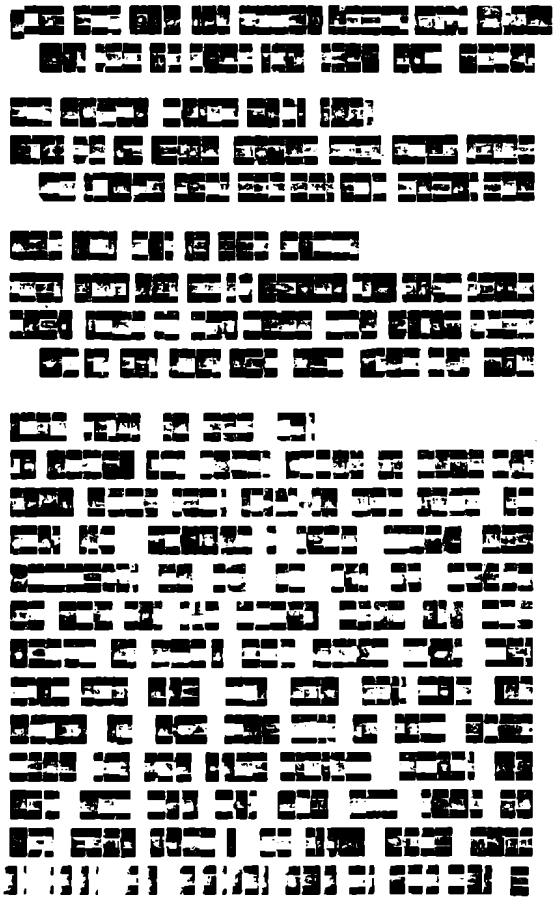

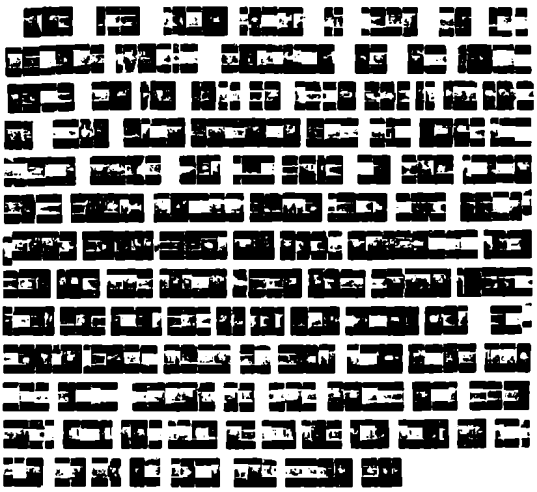

LĂNG ngài Tả quân, đình Minh hương Gia thạnh đã tượng trưng phần nào cho văn hiến miền Nam, góp thêm phần độc đáo cho văn hiến Việt Nam.

văn lệ thiên

LÝ DO

TRỨ nép mình dưới hố, đưa mắt quan sát phía trước mặt. Khóm cây bên trái bỗng động đậy, rồi một cụm cây nhỏ trườn tới, và sau mô đất gần đó hai cụm khác nhô ra, lom khom chạy đến, lắc lư trông như những con nhím.

— Đoành!

Một tiếng nổ to vang lên sau tia chớp sáng lòe. Trứ nâng cao súng, bấm cò. Phút chốc tiếng súng vang rền. Địch quân hô xung phong rền trời, ồ ạt tiến lên. Ở hố bên cạnh có tiếng lầu nhầu :

— Tổ mẹ, mới nổ mấy phát đã câm cứng.

Tiếng thằng Quyền. Trứ chồm lên nói vói sang :

— Cả tháng mày chả thèm chùi lau lần nào thì bảo nó nhả ngon sao được.

Tiên, thằng tiểu đội trưởng hét lớn :

— Ê, đánh giặc mà nói chuyện hở, coi chừng mấy cha nghe được phạt chết bây giờ.

Quyền gọi :

— Tiên ơi, tới sửa giùm súng tao cái coi.

— Nghẹt rồi hả?

— Ừ, từ nãy giờ.

Trứ nạp gấp đạn thứ hai, tay bấm cò liên hồi. Ba bốn tên địch chạy dồn sát nhau trước mặt Trứ. Một tên la :

— Thằng Lực chạy xê ra xa chứ mậy, đi chùm ngụm hết bây giờ. Hổng biết dàn hàng ngang à.

Ngộ bật cười :

— A, bọn giặc này kỳ thiệt, chẳng coi đạn ra cái thá gì cả, nói chuyện rùm beng. Tao bắn vỡ sọ bây giờ.

Súng vẫn nổ chát tai, địch quân vẫn hùng hổ vừa cải nhau, vừa bắn, vừa hô xung phong. Đột nhiên một trái sáng nổ tung, chói lòa. Trứ đứng dậy, phủi quần, mang súng lên vai nhảy khỏi hố. Quyền ngáp dài :

— Buồn ngủ rồi, chán thấy mẹ, bắn mả tử chẳng sướng chút nào.

Toán giả địch vừa tới kịp. Lực xuýt xoa :

— Chà, lâu lâu ria một bữa tê vai.

Vừa nói nó vừa kéo vứt lá ngụy trang.

Về tới sân tập họp, trung đội giả địch bị phạt vì tội làm ồn lúc tấn công. Trung úy sĩ quan huấn luyện viên chắp hai tay sau lưng, thong thả đếm :

—... Chín... lên, mười... lên, mười một... lên.

Có tiếng thì thào :

— Mau mau chút... trung úy ơi! Bết tay quá trời.

— Mười bốn...

Những cánh tay khuỳnh rộng ra, run run đưa thân hình các... chiến sĩ hạ thấp xuống.

—... Lên, mười lăm.

Những cặp giò thẳng hàng loạt. Các mũi giày cắm xuống đất, mấy cái gót lắc lư muốn ngã.

— Mười chín... lên, hai mươi... Thế thủ!

Tất cả nhổm vội dậy, khom mình, chỉa

súng về phía trước:

— Sát ! sát !

Trình diện xong, mãn giờ huấn luyện. Không khí như muốn tan loảng ra vì tiếng ồn ào, hô hét. Trứ xách súng chạy nhanh tới một bóng cây mát, mắc ba lô lên cao, lôi võng ra treo. Lực và Ngộ giành nhau sợi giây gai, hai thằng đều chạy tới một lượt, mỗi đứa nắm mỗi đầu.

Vào tuần lễ thứ mười, chương trình huấn luyện dày đặc những bài. Khóa sinh không có giờ nghỉ trưa, giấc ngủ đêm bị rút ngắn. Hôm nào gần mười một giờ tối mới lần mò về đến phòng. Quần áo ỉ mèm vì mồ hôi, đất cát bám đầy; toát mùi khó ngửi. Trưa, lúc ra bãi trời nắng gắt, nóng bưng mày mặt, cây súng cầm trên tay mỗi lúc càng nặng. Nhưng lượt về chân bước không còn thấy mỏi, người nhẹ nhàng như bay trên mây, lúc đó nhiều anh vừa đi vừa ngủ. Cái cảm giác bước lâng lâng này chỉ tan biến khi chợt vấp phải một hòn đá.

Trứ leo nằm trên võng, Ngộ và Lực đã thỏa thuận về sợi giây gai, Lực cắt đứt đoạn dài hơn phân nửa, Ngộ lãnh phần còn lại.

DƯỚI bóng duối trước mặt Trứ, nhóm bảy tám người đã nằm xuống nghỉ mệt. Hai người khác vừa cởi giày vừa nhìn chăm chăm về đằng xa, thật xa, dưới dãy núi xanh. Nơi đó bốn chiếc máy bay đang oanh tạc. Ở đây nghe rõ tiếng động cơ nhưng chỉ thấy hình dáng bốn thỏi thép rất nhỏ, sáng ngời, từ tít trên cao rớt xuống, rồi quay trở lên kêu ầm ĩ. Lát sau có tiếng nổ rền, và bốc lên mấy cây khói đen kịt.

Vùng núi đó đã ba bốn hôm, ngày nào cũng bốc khói. Lúc hai, lúc bốn, những chiếc phi cơ thay nhau vần vũ dội bom. Ban đêm lại vang rền tiếng súng lớn. Tối qua ngồi gác trên pháo đài, Trứ nghe những tiếng súng ấy như gần lắm. Trứ đếm thầm trong miệng xem bao lâu lại nổ một tiếng, nhờ thế mà bớt gật gù.

Trứ như trông thấy rõ ràng trong đầu cái làng dưới chân núi, nơi bị dội bom, chuyển động theo những tiếng nổ kinh hồn. Năm tháng trước, tại quê nhà, Trứ đã một lần trông thấy tận mắt, nghe sát bên tai những tiếng bưng đầu ấy.

CÁI hầm hình chữ V bề ngang chỉ vừa đủ thân người. Trứ nằm sấp hai tay chống lấy cằm. Nắng gắt đốt nóng bỏng da lưng. Một đồi sau, Trứ xoay nghiêng mình, mỏi như xương cốt, đất cát bám đầy tay chân, dính nhám mặt mày. Bên trên súng vẫn nổ dòn. Trứ nhớ lại tốp người lúc sáng. Một cây súng thật dài choàng qua vai anh chàng mặc bộ đồ bà ba màu xanh da trời. Cái mũ vải rộng vành đội nghiên trên đầu như người Mễ Tây Cơ trong các phim Cowboy Mỹ. Anh ta xách hai con cá hố phơi chưa được khô, vào quán bà Rớt xin nướng nhờ. Rồi bày gói cơm ra giữa sân ngồi ăn, bỏ cây súng nằm gác đầu trên lan can sân, cạnh cái xách ka ki bạc màu có quai lụa đen láng, cái xắc no phồng to bằng chiếc cặp da lớn. Anh ta ngồi ăn, bình thản, không nhìn ai, gói cơm tròn trĩnh bọc trong cái khăn tay sứt mẻ dần. Hai mẹ con bà Rớt thập thò trong cửa ngó ra, xem một cách lạ lùng. Trứ ngồi trên xe đạp vịn hàng rào nhìn sửng. Một đồi sau thằng Giác ở lối xóm trên đi xuống, lại gần Trứ nó nói nhỏ:

— Dưới nhà làng có một ông đang viết bảng, với một người giống ông Chân ghê hồn, cũng cao cao, ốm và mặc áo bà ba không gài nút cổ, ông ấy trèo lên cây xoài trước đình treo tấm băng thật là dài. Mình xuống dưới đó coi chơi anh năm.

Trứ cười và chở nó đi. Chân là người đàn ông bỏ đi cách đây hai năm, trong một đêm chó sủa dậy làng, đêm mà mấy anh thanh niên chiến đấu võ trang thô sơ đã phải ôm vũ khí : 2 quả lựu đạn, một cây gậy và cuộn dây dừa, lủi trốn biệt. Những tốp đàn bà trẻ con bị lùa về sân đình ngồi mít ting thấy hai người mang súng dắt Chân ra bỏ ngã dưới gốc xoài. Bốn tháng sau Chân xách súng về làng lần đầu tiên với mấy người đã bắt anh trước kia. Những con chó lại được dịp sủa từ xóm trên đến xóm dưới. Chân còn xuống nhiều lần nữa, cho đến hôm Tết vừa rồi, lần cuối, anh ta về nằm ở sân vận động trước quận.

ĐÊM ba mươi trời tối, Trứ phụ với em sắp bánh trái ra bàn cho mẹ cúng rước ông bà, bỗng nghe một loạt súng nổ rất gần, đâu trên mé rừng. Theo sau đó là nhiều tràng dài khác. Hoảng quá Trứ thổi phụt ngọn đèn, nhà bỗng tối bưng, mọi người im thin thít Sáng ngày mồng một, ba chiếc xe quận đầy nhóc lính chở Chân ra bỏ nằm ở sân đình, nơi trước kia anh ta thường lùa đồng bào tới mít ting. Dân làng chạy ra xem kinh ngạc Anh ta chết bên mấy cuốn biểu ngữ và cả tập truyền đơn. Nghĩa quân xã lập được một chiến công đầu năm. Trưa đoàn xe chở anh ta về quận để nằm trước sân vận động. Nơi đây người ta đến xem vòng trong vòng ngoài, đông nghẹt. Tới xế cái xác đã khô đét, những vết máu đọng lại loang lổ khắp mình. Cặp cẳng duỗi thẳng đuột, mốc khính, đôi dép đen quai tréo vẫn còn dính chặt trong chân. Mấy đứa nhỏ ngồi xề lại gần chỉ chỏ những vết đạn ở hông, ở đùi. Các cô gái mới bước vào, trông qua, đã rùng mình chen vội ra ngoài... Cái người nói thật hùng hồn giữa đám đông trước sân đình giờ đây nằm yên lặng, bộ mặt hốc, trắng bệch, mắt trợn trừng. Rừng người chen lấn ồn ào, quần áo đủ màu sặc sỡ, thật khác hẳn với cái xác mặc quần cộc đen, áo bà ba hở cổ.

TRỨ dừng xe, Giác nhảy xuống. Bọn trẻ chạy lại bu quanh tấm bảng đen, mà mới hôm qua còn ghi tin chiến sự : «...Địch bỏ xác 13 tên, ta tịch thu một đại liên 30, 2 tiểu liên Tiệp khắc. Bên ta hoàn toàn vô sự». Người đàn ông cao, mặt xương, da tai tái cầm cúi viết từng nét trên tấm bảng trơn. Chữ đỏ không nổi trên bảng đen láng trợt, ông ta chắc lưỡi, nói với lũ trẻ mà không quay lại : « Phải được nền xanh hay trắng thì tuyệt ! » Mấy đứa nhỏ đứng kiễng chân theo dõi, chăm chú. Thằng Định đánh vần lập bập, nó vốn dốt : « Rê-i-a-ga... gải, gải phóng ». Giác với tay cốc đầu thằng bạn ngu si : « Vậy mà đòi học lớp ba. Gải, gải cái gì, giải phóng chứ. Cu u... quân đội giải phóng ». Người đàn ông im lặng cười.

Một tấm biểu ngữ giăng giữa hai cây xoài trước mặt đình có hàng chữ thật to tướng, đỏ tươi. Bên hàng rào kẽm gai gần phòng thông tin cũng mắc một tấm tương tự. Trứ đạp xe về. Thằng Tấn ôm một mớ những lá cờ to nhỏ từ xóm trong đi ra. Có mấy lá bị xé rách bay lòng thòng dưới tay nó. Chú Xê và hai người con lớn lui hui đào hầm. Thằng Bơi rinh mấy tấm ván trong nhà ra bỏ gần đó. Nuôi từ ngoài ngõ chạy vào, leo ngồi trên chồng ván :

— Anh tư ơi, em gặp thằng Tấn, nó có súng.

— Thiệt hả ? — Bơi hỏi, ngạc nhiên.

— Ừ, cây súng to lắm.

Nuôi chu miệng nói nhỏ hơn :

— Còn có một ông đi trước nó ôm một chồng sổ gia đình thiệt là cao. Cái ông hồi

sáng vô nhà mình thâu cờ đó mà.

Bơi gục gặt đầu:

— Tao biết.

Trứ dừng xe vô xem. Chú Xê hỏi:

— Hầm nhà mày đào xong chưa Trứ?

— Dạ rồi, nhưng không có gì tủ ở trên hết.

Chú dừng cuốc:

— Về kiếm bậy tàu dừa, bẹ chuối, rơm rạ bỏ lên, đỡ lắm cháu ơi. Họ về đây thì thế nào [redacted] hai đàng choảng nhau, mình kẹt nguy to. Nằm trần trần giữa trời lỡ nó rớt xuống một trái thì nát bét.

BÂY giờ nhớ lại lời chú: «... lỡ nó rớt xuống một trái thì nát bét». Trứ càng sợ run người.

Trứ khó nhọc trở mình, nghe mẹ thì thầm: «Cầu trời Phật phù hộ mẹ con tôi . .». Chân con Liễu run lẩy bẩy, cựa quậy luôn. Dễ chừng hai bên chạm nhau đã hơn một giờ. Hình như không giảm mà tiếng súng càng lúc càng rồn rập thêm. Và bỗng nghe có tiếng rít dài, vì vèo bay đến, qua mau và phút sau là một tiếng nổ dội đất rung rinh nhà cửa. Trứ nhắm mắt, cúi đầu thật sát đất. Con Liễu hỏi, run, đứt quảng: «Canh nông phải... hông má ?» Những tiếng rít dài xé gió lại đến, qua mau, rồi sau đó là một tiếng nổ. Gần quá, có lẽ ở trên mé rừng, cạnh đường xe lửa. Trứ hối hận, nếu khi sáng nghe lời chú Xê đào hầm rộng ra và phủ cây, đất lên trên thì lúc nầy đâu phải khổ... Nắng vẫn dữ, súng vẫn nổ, cho đến khi Trứ toát mồ hôi khắp người, hết biết sợ và bớt thấy nóng.

Nằm ráng dưới cái hầm nung người đó một lúc lâu sau khi tiếng súng im bặt, mẹ Trứ bước lên khỏi hầm trước tiên, Liễu lòm còm ngồi dậy phủi quần áo, Trứ đi và sờ cái lưng đã xộp da của mình. Mâm cơm trong nhà vẫn còn nguyên. Bát cơm Trứ ăn dở đã khô trên mặt. Con chó nhỏ không xúc phạm món gì, nó lủi nằm trong hốc cửa. Trứ vớ cái áo thung phủi đất trên mình. Hồi nãy trước khi ăn Trứ đã cởi bỏ nó cho mát. Ba mẹ con tiếp tục bữa cơm, Liễu vẫn còn xanh mặt, mẹ Trứ không nói câu nào. Bên ngoài im lặng hoàn toàn. Lúc đó khoảng gần hai giờ chiều.

Xế, khi Trứ ôm mấy chiếc chiếu chạy theo sau mẹ và em, ngó ra Trứ thấy những người mang dép quay tréo, mặc áo bà ba không còn lần quần ở đình làng nữa. Đường xuống biển người ta đi thành dãy dài, ngoài tiếng trẻ nhỏ khóc, chẳng ai nói gì. Liễu gánh chạy trước mẹ, mấy cái nồi nằm sắp phơi đít đen lánh. Qua ngòi, Trứ đội giùm em hai bao gạo, nước lớn đến cồ, xao động vì gió. Mấy đứa nhỏ ngồi trên vai mẹ sợ quá khóc thét lên. Tốp đầu đã lên khỏi bãi, qua đến vườn dương, số đông còn bì bỏm lội dưới ngòi. Trên không hai chiếc oanh tạc cơ bay vòng quanh, kêu rợn người. Vẫn không ai nói tiếng nào.

MỘT giờ sau đó người ta đã đi xa khỏi nơi sinh sống bao năm. Họ phải rời bỏ tất cả. Tối hôm ấy được yên, không phải sợ thấp thỏm vì tiếng trống thúc và tiếng chó sủa ran như đêm trước, nhưng Trứ vẫn không ngủ được. Ở nhà dưới dì ba và mẹ Trứ nói chuyện rầm rì, Liễu kể cho mấy cô em họ nghe về đám người mang súng mang đèn đi khắp làng hồi hôm, trận đánh có canh nông khi sớm. «Thằng Tấn biết cái gì mà theo lên núi hả anh năm»? Liễu hỏi. Trứ im lặng không biết trả lời làm sao. Thằng Tấn mấy hôm trước, chiều nào cũng lấp ló ngoài hàng rào chờ em tan học về, hễ thấy Trứ xách thước kẻ ra cửa là nó lúng túng ngó lơ ngoài đường, thật khác hẳn với thằng Tấn ôm xấp cờ, [redacted]

Ruộng đất vườn tược bỏ cả, đám dân làng lánh nạn đã tản mác khắp các thôn gần quận lỵ.

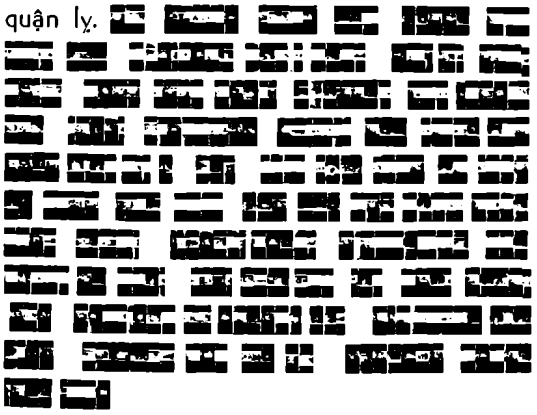

MẤY mấy tuổi Trứ ?

— Mười tám.

— Trời ơi nhỏ quá !

Đinh kêu. Trứ cười :

— Lãnh căn cước hôm trước thì hôm sau tôi đăng lính.

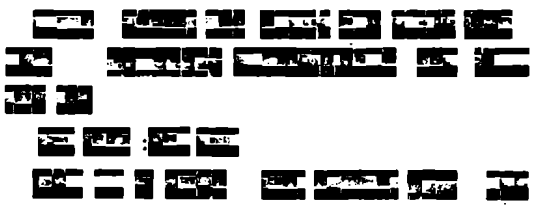

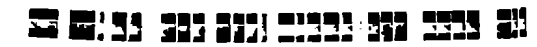

NHIỀU lần nghe các bạn bàn chuyện mình, Trứ im lặng, nhưng hôm đó bỗng dưng Trứ hỏi, thản nhiên :

— Mấy anh còn nhớ ông Chân không ? Cái ông ở sân vận động hôm Tết ấy mà. Đầu năm ông ta về nằm ngửa thiệt xui.

Hào và Đinh ngó nhau chẳng hiểu gì.

— Còn thằng Tấn nữa.

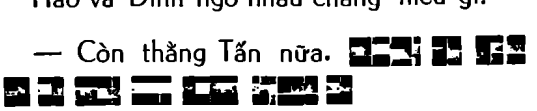

Trứ gục gặt đầu, tiếp, như nói với mình

— Hôm người ta dắt díu, bồng bế nhau chạy trông thật là vui... các anh nhỉ ?

Đinh nhìn Hào, cả hai ngơ ngác.

ĐÃ PHÁT HÀNH

LÒNG ĐẤT

truyện dài KIÊM THÊM

truyện viết về những bi thảm của đất nước

dương xuân

THÁP PHÙ NGỌC

GIỮA hồ Bích lãng, có một mảnh đất nhỏ, khi nước hồ rút xuống, bề mặt mảnh đất lớn thêm, người ta có thể bơi thuyền ra giữa lòng hồ và trèo lên mặt đất. Nhưng vì bùn lầy hoàn toàn giống bùn nổi dọng lại, bước lên chân ngập đến mấy tấc, vì thế dù khi nước xuống cũng ít người dám đi lên trên.

Ấy thế mà trên mảnh đất đó lại xây được một tòa tháp đá cao vút.

Tháp đó không bị lở sụt, cũng không lún xuống. Mỗi khi nước dâng cao, mặt đất bị nước khỏa lấp đi, trông y như chân tháp nổi trên mặt hồ

Người ta gọi là tháp Ngọc nổi. Cứ theo bô lão thuật lại, thì ở trong đó có một vật quí giữ tháp, ấy là viên ngọc đẹp có thể nổi trên mặt nước. Viên ngọc nầy là của một thiếu nữ họ Trầm : nàng ngụ bên cạnh hồ Bích - Lãng, thường bơi một chiếc thuyền nhỏ, năm tháng nhởn nhơ trên mặt hồ.

Theo lời đồn, cha nàng là một người đánh cá.

Cô gái họ Trầm khi lớn lên rất xinh đẹp. Có một lần người con của ông nhà giàu họ Tiền nổi tiếng tại Hồ Châu trông thấy nàng ngỡ là tiên, tức thì nhờ mối đến nhà họ Trầm xin hỏi. Người cha cô gái họ Trầm không cần nghĩ ngợi gì, nhận liền lễ vật. Ấy không phải vì nhà họ Tiền giàu có mà do Tiền Công tử có tài hơn người.

Nàng còn quá trẻ dại, chưa hiểu ý nghĩa hôn nhân là gì. Nên đối với việc dựng vợ gả chồng nàng cũng không thích thú. Vì vậy mà khi bạn bè đồng lứa trêu đùa, nàng mặc cho họ nói sao thì nói.

NHƯNG xế trưa một ngày kia, nàng đã thấy Tiền công tử, ấy là Tiền công tử cố ý lại hăm người vợ chưa cưới, chàng giữ nàng lại chuyện trò vui cười, mà còn lên thuyền nhỏ của nàng để cùng nàng chèo đua.

Nàng vui chơi rất là thoả thích, nhưng lúc bấy giờ nàng vẫn chưa biết chàng trai đó là người chồng tương lai của mình

Họ cũng chơi với nhau cả buổi, Tiền công tử mới lên bờ mà đi, nàng còn chèo thuyền dọc theo bờ tiễn chàng thật xa mới quay về. Lúc đó có số thuyền nhỏ lần lần bơi lại, họ ngỏ lời mừng nàng, cũng chỉ trích nàng dấu cha mẹ đi chơi lén với chồng chưa cưới.

Mãi tới, lúc đó nàng mới hay chàng trai đó là chồng chưa cưới của mình. Cùng với chồng chưa cưới gặp mặt riêng, tự nhiên là xấu hổ, nhưng nàng đã không thế mà còn ưa thích người trai đó. Từ cuộc gặp gỡ riêng đó, tình yêu nẩy nở, do đó nàng tưởng nhớ đến chàng.

QUA ngày thứ hai, nàng vẫn bơi thuyền trên hồ, nàng ngóng trông chồng chưa cưới lại đến, nhưng nàng thất vọng. Vị hôn phu còn ở trong trường đọc sách, không thể tự do ra ngoài được, chẳng phải chỉ một lòng trông ngóng, nhưng vị hôn phu vẫn không trở lại, nàng đâm thất vọng đến đau lòng, rốt cuộc nàng khóc ròng vì quá tưởng nhớ.

Cứ theo lời bô lão kể lại, trong khi nàng khóc, nước hồ Bích Lãng cũng vì nàng mà nức nở.

THẾ rồi trên hồ Bích Lãng bỗng xảy ra một chuyện lạ lùng .... một nhà sư đi trên mặt nước.

Cô gái họ Trầm vốn sinh trưởng trên hồ, từ trước tới giờ nàng chưa hề thấy người đi trên mặt nước, nàng cảm thấy lạ lùng, nhân đó nàng thôi khóc mà đứng lên coi.

Một vị Hòa thượng lướt đi trên mặt nước nhẹ nhàng mau lẹ còn dễ hơn đi trên đất bằng. Nàng vẫn còn tính trẻ con không tự chủ được liền vỗ tay khen giỏi.

Nhà sư trông thấy nàng liền từ từ đi lại, bước lên thuyền và chắp tay thăm hỏi. Nàng không chút sợ sệt, hỏi nhà sư làm sao mà đi trên mặt nước được ? Nhà sư liền nói với nàng : Trong mình ta có một vật quí nên nhờ đó có thể đứng trên mặt nước mãi mãi mà không chìm ; nhưng nàng không tin.

NHÀ sư liền lấy ở trong áo ra một viên ngọc nhỏ bằng hột đào lớn đưa cho nàng coi. Cô gái họ Trầm cầm lấy, nhận thấy viên ngọc trắng thoảng xông vào mũi mùi thơm lạ khiến nàng đưa gần lại ngửi không dè viên ngọc vừa chạm vào môi, thì như tự động lọt ngay vào miệng nuốt trôi tuột vô bụng nàng.

Nàng kinh sợ, nhưng nhà sư hướng vào nàng mà chúc mừng, nói nàng có

duyên phận được ngọc, sau đó nhờ nàng cặp bờ.

Khi đó mặt trời vừa lặn, lên bờ rồi hòa thượng nói với nàng : Viên ngọc nổi ấy đã thuộc về nàng, nếu nàng muốn lấy từ trong bụng ra, chỉ cần hướng về phương tây vái ba lần, ho ba tiếng, sẽ được như ý. Nàng mỉm cười vâng dạ, quay mình chèo thuyền, nàng tò mò làm thử, thì quả nhiên hiệu nghiệm.

Nhân đó nàng vui mừng khôn xiết, vừa ca hát vừa chèo thuyền về nhà.

Nhưng chuyện không may đồng lúc phát sinh. Trong khi nàng đưa nhà sư lên bờ, thì Tiền công tử cũng vừa tan học đi ra tìm nàng, trông thấy nàng chuyện trò thân mật với nhà sư, chàng đã hiểu lầm, nên lánh sang gốc cây không chịu lộ mặt.

NGÀY hôm sau, chàng nói lại cho người nhà nghe mà cho cô gái họ Trầm là không trong sạch, nên muốn đòi lại lễ vật; nàng không còn cách nào để bày tỏ, đồng thời nàng giận chồng chưa cưới đã bạc tình, tự cảm thấy không muốn sống nữa, nàng gieo mình xuống nước tự tử ; nhưng có ngọc nổi trong mình, xuống nước chẳng chìm nàng phải vứt bỏ ngọc đi, rốt cuộc nàng đạt được mục đích. Từ đó về sau, trên hồ Bích-lãng hằng đêm ma kêu quỉ khóc rất thảm thiết, và cũng đêm đêm trong lòng hồ có ánh sáng vọt lên. Sau này nhà sư biết tin, một mình chèo thuyền ra hồ vớt thi thể cô gái. Cũng tìm lại được viên ngọc nổi. Để tỏ lòng thương xót và để kỷ niệm nàng, nhà sư đi quyên tiền bốn phương, dùng viên ngọc làm nền tảng, xây cất một tòa tháp ở giữa hồ Bích-Lãng, tháp toàn bằng đá, cao bảy tầng, coi đó như phần mộ của cô gái họ Trầm.

Đó là công trình của tích lạ. Khi đương xây tháp thì giữa hồ nổi lên một bãi đất. Không bao lâu tháp xây xong nhà sư đề ba chữ « Phù Ngọc Tháp ».

Tiền công tử về sau ra sao không ai rõ ; nhưng tháp ngọc nổi của cô gái họ Trầm còn mãi mãi với thời gian.

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ LÁ BỐI XUẤT BẢN

Thư từ, bài vở, ấn phẩm gởi về :
TRỤ - VŨ

Bưu phiếu xin đề :
Cô CAO NGỌC THANH

702/78, Phan thanh Giản — Saigon

CHINH BA

bí • bí • bí • bí • bí

BÀ chủ tôi chẳng còn trẻ trung gì lắm nhưng bà có một nụ cười tuyệt đẹp. Tính trung bình mỗi năm bà cười với tôi chừng năm lần. Mỗi lần bà cười tôi khoan khoái đến cả tháng. Nụ cười quý giá ấy nở trên khuôn mặt phúc hậu, tròn trịa, ngon lành như một cái bánh bèo. Nếu chút nhưn tôm màu gạch cua nằm giữa lòng cái bánh bèo đã làm tôi chảy nước miếng vào những buổi sáng cạn túi tiền, thì nụ cười trên khuông mặt phúc hậu kia đã làm tôi thèm thuồng cái vẻ huy hoàng của cảnh giàu sang. Thật vậy, nụ cười ấy lóe lên những ánh vàng rất cám dỗ. Bà có thể phơi bày tấm thân trắng trẻo và mầu mỡ của bà trên bãi biển ngày chủ nhựt; nhưng dù nằm một mình trong phòng kín, bà cũng nhất quyết không để cho một chiếc răng nào được ở trần. Bởi vậy cái mồm bà là một tủ vàng óng ánh.

Hôm nay cái tủ vàng ấy mở hai cánh cửa nặng nề ra để tán thưởng tôi :

— Chú Tư à, tháng nầy chú làm việc khá lắm. Tôi trả lương sớm cho chú đây.

Bà cố gắng nhấc hai cánh tay to béo đến chiếc hộp sắt đựng giấy tờ và tiền tiêu vặt ở trên bàn. Cử chỉ đó tôi được thấy mỗi ngày vào lúc bà đưa xấp biên lai cho tôi đi thâu tiền thuê nhà, và lúc tôi đem tiền về nạp cho bà. Nhưng chỉ một lần trong mỗi tháng, cử chỉ đó đã làm tôi xúc động. Ấy là lần bà nói: « Tôi trả lương cho chú đây ! ». Tôi chưa hề được một cô gái nào hướng vào cái « thân tàn ma dại » của tôi mà nói : « Em yêu anh lắm !», nhưng giá có kẻ vừa dại vừa bạo gan như thế thì dù giây phút ấy tôi có mềm lòng thế mấy cũng không xúc động bằng lúc tôi nghe câu nói của bà chủ.

« Tôi trả lương cho chú đây ! » Ôi ! êm ái gấp mấy lần một bài diễn văn đầy rặt những từ ngữ Tự do, Độc lập, Thống nhất, Hòa bình của những chính khách. Vì rằng bà chủ tôi không nói dối bao giờ, bà nói xong thì làm ngay.

Một tiếng « tách » nhẹ, chiếc hộp sẽ sàng hé miệng, như cái hé miệng rất hà tiện sau khi đã uốn lưỡi đúng 7 lần của một người vừa khó tánh vừa cẩn trọng Thế mà cái hé miệng ấy sẽ làm tiêu hao của bà chủ tôi đến một ngàn hai trăm đồng.

BANG khi chờ đợi, tôi bỗng cảm thấy có cái gì đang động đậy. Nhìn xuống, tôi bắt gặp hai bàn tay nhẹ như bấc của tôi đang từ từ đưa lên theo một tư thế rất hợp với nghi lễ Khổng giáo. Da tôi đã xanh, mà những sợi gân máu lại còn xanh hơn, chúng phù mình lên, bò ngoằn ngoèo, như chực trường mình ra khỏi đôi tay xương xẩu để chui vào chiếc hộp sắt đầy giấy bạc. Tôi bỗng nghĩ đến cái nhóng đầu lên cao của những con rắn si mê tiếng kèn phù thủy Ấn độ, và lấy làm xấu hổ cho những sợi gân đang cóng cướng trên tay mình. Tôi biết có cái gì không phải của tôi ở ngay trong thân thể tôi. Tôi cáu lên, toan điều động hai tay xuôi xuống, nhưng một câu nói của bà chủ đã nâng vội hai tay tôi cao hơn lên với sự đồng tình rất bối rối của chính tôi.

— Đây, lương của chú đây !

Lương của tôi vào tay tôi, không phải những tờ giấy bạc, mà là ba tấm biên lai đã nhầu nát, mỗi tấm có ghi số tiền 400$. Ba tấm giấy bé nhỏ ấy đã 25 lần được bà chủ trao cho tôi, và cũng đúng 25 lần tôi trao lại cho bà chủ, kể từ ngày đầu tháng đến giờ. Bao nhiêu là khó khăn giận dỗi và đau lòng cho cả đôi bên qua những động tác tầm thường đó.

Nếu tình trạng trao đi trao về như thế còn kéo dài, thì bà chủ còn khổ vì những nỗi sân hận, và tôi e chiếc hộp sắt cũng giảm tuổi thọ đi nhiều vì bà chủ đã đập vào nắp mạnh tay quá sau mỗi lần phải bỏ biên lai trở vào hộp.

Hôm nay bà chủ giải quyết như thế thật êm đẹp. Êm đẹp cho bà và cho cả chiếc hộp ; còn về phần tôi thì chả êm đẹp chút nào. Bởi vậy tôi không vội bỏ món tiền lương ấy vào túi, mình hơi nghiêng xuống, tôi toan phân trần với bà. Nhưng không còn kịp nữa ! Mọi cái gì trên khuôn mặt trắng phúc hậu kia đã cứng lại rồi. Nhìn vào đấy, tôi không tài nào liên tưởng tới cái bánh bèo được. Tôi chỉ có thể nghĩ đến đá thôi, « phân trần với đá thì thật là dại ! ». Lời tự nhủ ấy va vào những tấm vách trong lòng tôi. Chuỗi thanh âm dội lại kết thành một nỗi gì cơ hồ sự ân hận. Ờ, đáng lẽ tôi phải nghĩ tới thứ gì mềm hơn đá một chút. Dù sao khuông mặt ấy cũng vốn là khuông mặt đàn bà. Với đàn bà ta phải vừa thương vừa nể họ !

Tôi cúi chào bà chủ bằng tất cả cái vẻ lịch sự mà một người xấu xí như tôi có thể biểu lộ ra được, rồi quay ra cửa.

CHẤM, phết — chấm, phết — chấm, phết. Đó là hành khúc chính thức của tôi, cũng như mỗi quân đoàn có một khúc quân hành riêng vậy.

Hôm nay, tiếng « phết » kéo ra quá dài làm cho bản nhạc có âm điệu buồn chán, mệt mỏi. Tôi tính cứ mỗi tiếng « phết » như thế có thể làm hao tốn của tôi chừng năm đồng xu tiền mua dép cao su. Tôi muốn tiếng « phết » ngắn lại, nhưng ba tờ biên lai đã ngấm vào thân thể tôi một thứ chất độc làm cho tất cả các bắp thịt nhão nhẽ.

Tôi không còn chơi nhạc theo ý tôi được nữa. Chấm, phết — chấm, phết...

— Anh Tư ơi! Anh Tư à, đi đâu về đó anh Tư?

Như một câu ca! Chỉ có giọng của Tám Đèn thì mới trong trẻo, êm dịu được đến thế. Chồng chết đã ba năm. Hai con. Hai mươi lăm, hai mươi sáu là nhiều. Không dại gì mà ngoảnh lại, tôi cắm đầu đi miết. Tôi không muốn nghe nàng nói, tôi không muốn thấy mặt nàng. Nỗi tuyệt vọng sẽ dựng lên trong lòng tôi những mớ miếng chai bén như dao cạo. Chấm, phết — chấm, phết — chấm, phết... Tôi cố bỏ xa Tám Đèn, qui hết tâm trí vào ba tấm biên lai. Nhưng giọng trêu chọc của nàng vẫn quái ác đuổi theo:

— Anh Tôn Tần bữa nay buồn quá há!

— Bị bà Lê sơn Thánh Mẫu thâu hết bửu bối rồi phải không?

TÔI bỏ tay vào túi bám lấy mấy tấm biên lai. Tôi xua hết những giác quan vào trú trong đó, cả tâm trí của tôi nữa. Tám Đèn không vào đấy được. Tôi quên Tám Đèn. Tôi chỉ có một điều bận lòng: làm cách nào đổi những giấy nầy ra tiền? «Anh Tôn Tần bữa nay buồn quá há!» Phải, tôi buồn quá! Không vì Tám Đèn đâu. Tôi đã nói tôi quên Tám Đèn rồi. Tôi buồn vì ba tấm biên lai mang tên ba ông nghệ sĩ. Bà chủ gọi là ba ông thần. Ba ông thần nghèo quá; mà cứ bám khẳng lấy ngôi nhà ba căn ở trên một miếng đất nhỏ, gần như biệt lập giữa cái xóm ngoại ô nầy. Tôi quên Tám Đèn rồi. Ở căn đầu là ông họa sĩ, căn giữa là ông văn sĩ, căn cuối là ông soạn giả cải lương. Ba ông biến thành ba khối chì nặng, làm trì trệ việc làm ăn của tôi, và bây giờ lại bắt đầu đe dọa đời sống gia đình tôi. Tôi quên hẳn Tám Đèn rồi! Hơn năm mươi người mướn nhà của bà chủ, có ai gây khó khăn như ba ông ấy đâu.

— Chú Tư về đó hả? Qua đây tôi nói cái nầy một chút.

Thế ra tôi đã về đến nhà. Kể tôi đi cũng mau lắm chớ. Tôi cởi áo và nói to qua bên kia vách: «Anh Sáu chờ em một chút nghen» Anh Sáu định đòi tiền nhà sao? Tôi đã hẹn cuối tháng mà. Bữa nay phải là cuối tháng đâu. Nhà anh Sáu đông miệng ăn, nhưng anh Sáu giàu có, cần gì hai tháng tiền nhà, bốn trăm bạc chớ bao nhiêu lắm. Anh Sáu có thiếu là thiếu bạc ngàn chớ đâu có thiếu bạc trăm. Tôi vứt áo lên ghế bố, nhường mình qua bên kia vách ngăn, nhìn vào bếp. Lò chưa có lửa. Thằng em tôi đi học chưa về. Sao thế, hôm nay nó chỉ học Anh văn hai giờ đầu thôi mà. Vào rạp chiếu bóng thường trực chắc? Tiền ở đâu vậy?

— Chú Tư!

Anh Sáu vào phòng tôi, ghé ngồi trên ghế bố.

— Tôi chờ chú từ sáng tới giờ. Tôi biết chú chưa lãnh lương. Nhưng tôi bí quá, thành thử phải hỏi chú...

Tôi buông người xuống ghế, không còn nhớ tới Tám Đèn nữa, nhưng tim đập mạnh và hơi thở khó khăn.

— Chú ráng chạy cho tôi chừng một trăm bạc, hay tám chục cũng được.

Tôi thở ra nhẹ trong một câu hỏi có giọng như reo mừng:

— Chi vậy anh Tám?

— Có người hứa mua dùm tôi một bao gạo Thái Lan theo giá chính phủ, chỉ có tám trăm tám mươi đồng thôi. Tôi chạy được tám trăm rồi còn thiếu tám mươi tám đồng nữa mà không biết đào đâu cho ra. Chú ráng dùm tôi được không?

Tôi gật đầu không cần đắn đo chi cả:

— Được, anh Sáu ! Để em ráng.

Anh Sáu nghi ngờ :

— Chắc nghen ! Chiều nay có chưa ?

Tôi lại gật đầu, cố dấu anh Sáu những cái chớp mắt mà tôi không kiềm chế được.

— Chú nghĩ coi — anh Sáu nói — ruộng đất tôi hàng bốn năm trăm mẫu mà phải đi ăn gạo Thái Lan thì còn ra cái nước mẹ gì nữa. Thời thế nầy hết biết đường rờ. Nói thiệt cho chú biết lúc nầy nhà tôi kiệt quệ quá sức. Chắc tôi phải bán nhà chú Tư à ! bán rồi thì dắt díu cha mẹ vợ con về dưới Chuyện chết sống phú cho ông Trời.

Tuy anh Sáu nói thế chớ không khi nào anh dám liều lĩnh đem gia đình trở về quê. Cái kinh nghiệm ở vùng an ninh đã cho anh biết rằng chọn sự nghèo đói dễ chịu hơn.

MẶT anh Sáu bỗng ngây ra, mũi anh phập phồng, anh đảo mắt nhìn khắp những xó xỉnh trong phòng tôi, rồi mắt anh sáng lên như mắt một nhà trinh thám vừa tìm ra đầu mối một vụ án. Anh hỏi tôi :

— Chú có nghe thấy mùi gì không ?

Tôi cử động phỏng chừng theo những cử chỉ vừa qua của anh, rồi lắc đầu một cách không quả quyết mấy.

— Có có ! — anh Sáu nói to — Rõ ràng có mùi chuột chết.

Anh rời ghế bố, mình cúi thấp, mũi đánh hơi khìn khịt. Anh dò từ cái khe hở giữa chiếc rương và tấm vách, đống vỏ chai nằm lăn lóc trong mớ giẻ lau, đến cái bao than lép xẹp nằm sụn xuống nền, tới chiếc thùng dăm bào đã được vét sạch; anh bắt đầu đi vòng trở ra, rồi đột ngột dừng lại trước thùng đựng sách vở của thằng Sơn :

— Đây rồi ! chắc chắn có một con chuột chết ở trong nầy.

Quả nhiên sau khi lôi hết những cuốn sách dựng bừa bãi trong thùng ra, anh chỉ cho tôi thấy một cái xác con chnột lắc to bằng quả chuối sứ. Lúc sanh tiền có lẽ con chuột không ngờ có ngày nó to lớn mập mạp được đến thế. Nó cũng không thể ngờ có đến hàng trăm sinh vật khoác màu trắng tang chế lăn lộn trên cái thây nó, không nỡ rời ra gang tấc

Tôi thấy có điều lạ là những cuốn sách ở chung quanh chỗ tạ thế của con chuột đều bị cắn rách tua tóc. Tôi đoán nó đã chết đang lúc còn tráng kiện, và chết trong một nỗi bực tức điên cuồng. Chuyện gì đã xảy ra cho nó vậy ?

Một bàn tay của anh Sáu đặt lên vai tôi. Giọng anh thật nghiêm trọng:

— Cái điềm gì lạ quá chú Tư à ! hồi sáng nầy ở bên nhà tôi cũng tìm được hai con chuột chết như vậy. Một con nằm trên máng xối, một con trong tủ quần áo của mấy đứa nhỏ tôi. Nó cắn tiêu hết mấy bộ đồ.

Tôi chưa kịp bàn luận gì về cái điềm đó, thì một đứa con của anh Sáu thò đầu vào cửa, gọi to :

— Tía ơi ! về mà coi. Có một con chuột chết trong rổ may của má (á). Nó phá nát hết mấy cuộn chỉ thêu rồi.

Anh Sáu nhướng mày nhìn tôi, như muốn nói : «Đó thấy chưa ! Cái điềm ghê gớm chưa» Anh đi về với vẻ e ngại và trịnh trọng.

Anh Sáu về rồi, tôi bỗng nghĩ đến mấy con chuột mà thằng Sơn đã đánh bẫy được cách đây độ một tuần. Nhìn vào góc nhà tôi thấy chiếc thùng thiết không còn được đậy cái nắp gỗ với những viên gạch dằn lên trên nữa. Thế thằng Sơn đã xử trí ra sao với đám tù binh tí hon của nó ? Tôi cũng nhớ từ tuần trước, thằng Sơn đã trút cả lít gạo lên mặt

bàn để bươi tìm những hạt thóc vốn còn sót lại rất hiếm hoi trong loại gạo trắng xay máy ấy. Chả lẽ nó lấy số thóc ít ỏi đó để nuôi chuột ?

Giữa chuột và thóc nhất định phải có một mối liên hệ gì, mà tôi chưa tìm ra được. Tôi không có đủ sáng suốt để khám phá điều bí mật về chuột giữa lúc tôi có nhiều mối lo nghĩ gần gũi với đời sống của con người, của anh Sáu, của tôi.

TÔI khoác áo, đứng dậy thò tay vào túi soát lại ba tấm biên lai, rồi đi ra cửa. Tôi phải đến nhà mấy ông nghệ sĩ, tôi phải đòi tiền một cách quyết liệt. Tiền họ thiếu không còn là tiền của bà chủ nữa, mà chính là tiền của tôi. Họ phải trả tôi. Thế mới công bằng.

Một cái bóng thấp lướt qua tôi thật vội, quay lại, tôi thấy thằng Sơn đang cúi đầu đi mau vào nhà. Có chuyện gì bất thường đây ! Em tôi là đứa trẻ luôn luôn ngẩng mặt lên, luôn luôn ca hát hay nói tầm phào, đôi mắt tinh nghịch thường buông phóng khắp mọi nơi để tìm tòi những trò chơi đầy tính cách phá hoại. Sao hôm nay nó lại đi như một cô gái nhà lành ? Tôi gọi to : «Sơn ! » Nó vẫn đi, tuy bước đi có ngắn và chậm lại. Tôi gọi với giọng giận dữ :

— Sơn ! Mầy không nghe tao kêu hả ?

Nó quay lại, mặt vẫn cúi gằm. Tuy vậy cũng đủ cho tôi thấy những thương tích tím bầm trên mặt nó. Tôi biết chuyện gì đã xảy đến rồi. Giọng tôi thấp và ôn tồn :

— Chai dầu nóng dưới gầm ghế bố. Đừng có dại mà trây vào mắt. Chôn con chuột. Rửa cái thùng đựng sách cho sạch. Trút hết gạo trong hủ ra nấu cơm. Anh đi chừng nửa giờ thì về.

Em tôi có sở thích đánh lộn từ hai năm nay. Có lẽ từ khi nó đọc và hiểu hết ý nghĩa một kho sách « chưởng phong »; cũng có lẽ từ khi kiến thức nó được mở rộng nhờ sự hoạt động nhộn nhịp của những rạp chiếu bóng thường trực. Nhưng có một điều tôi biết chắc chắn là một tờ báo nhi đồng đã đưa nó vào cuộc đánh lộn đầu tiên. Tờ báo ấy dạy nó rất tường tận cách làm cái bao cát giả, hình đầu người, treo ngang tầm tay, tưởng tượng đó là cái đầu địch thủ « rồi tha hồ mà đánh cho tới khi đã thì thôi » Tôi đã thấy cái đầu người giả ấy lơ lửng giữa nhà, tôi đã thấy đôi mắt nảy lửa, những nắm tay thu chặt, thân hình đỏ ao đẫm ướt mồ hôi của của em tôi. Và tôi đã thấy tờ báo được mở ra trên bàn học của nó, đúng cái trang có hình vẽ mà nó đã bắt chước theo một cách rất hết sức thông minh. Hôm sau nó đi học về với cái mặt sưng vù và một dấu máu ở trong tóc : nó đã dại dột đánh vào một cái đầu người thật. Nửa tháng sau nó lại mang về nhà cái mặt gần giống như vậy. Đó là một cuộc phục thù. Rồi cứ thế nó quên dần những thương tích ; tôi cũng quên dần những bộ mặt khác thường của nó.

Tôi dạy nó ở nhà, thầy giáo dạy nó ở trường. Những bạn bè trang lứa với nó, những thanh niên đàn anh nó, và những sách báo, phim ảnh đã dạy nó nhiều hơn, ở nhiều nơi. Tội nghiệp ! nó còn nhỏ, nó ham học và nó sẽ làm theo những điều nó học được. Vậy tương lai nó ra sao ? Tôi thấy cái gì như một lối bí trong việc giáo dục thằng Sơn.

NHỮNG nụ hoa mận rơi trước mặt, những điều tôi nghĩ về thằng Sơn cũng rơi theo. Tôi biết tôi đã vào đến sân nhà ba ông nghệ sĩ.

Trong khung cửa căn nhà giữa, một khuôn mặt xanh xao, ẩn dưới chùm tóc lòa xòa đang nhìn tôi. Cái nhìn hờ hững, xa xôi, không biểu lộ một trạng thái tình cảm nào

cả ? Chính vì vậy mà tôi quyết định đi vào căn nhà đó trước.

— Tôi lầm thầm nhiều tiếng « không, không không, ». Những tiếng ấy, theo một nhà tâm lý học, có tác dụng sinh lý làm các bắp thịt đường gân trong người căn ra. Rồi các bắp thịt, đường gân ấy ảnh hưởng ngược lại tâm lý, làm lòng người trở nên cứng cỏi Tôi đã dùng nhiều lần cái thuật đó để đòi tiền cho bà chủ tôi. Kết quả thật bất ngờ!

— A ! anh Tư ! Ông văn sĩ chào tôi, như tiếng kêu của người vừa tỉnh ngủ.

Thoạt nhìn hắn, tôi có cảm tưởng hắn là cái hình nhân vừa được lấy ra từ trong xó tối của một ngôi nhà cổ, mà bụi bặm và mạng nhện chưa được phủi sạch. Nhưng khi cái hình nhân đó cử động và lên tiếng, thì những nét đau khổ tiêu biểu nhất của con người liền hiện ra rất linh hoạt. Tôi thấy hắn quen thân như cái bóng của tôi trong gương soi. Thế rồi cũng như bao nhiêu lần trước, tôi phân vân không biết nên mở đầu câu chuyện tiền nong như thế nào.

Để mặc tôi ngồi im với chiếc ghế, hắn đi đi lại trong nhà, chốc chốc thu tay nọ đập vào tay kia, đầu lắc lư, hay gục gặc; đôi mắt chợt sáng lên rồi chợt tối lại như những bóng đèn điện ở các tỉnh nhỏ giữa đêm có gió lớn.

Không biết tôi còn phải ngồi thừ ra đó đến bao giờ, nếu cái nhìn bâng quơ của tôi không gặp được đầu vòi chiếc bình trà ; từ đó tí hơi nước mỏng như một ý niệm trừu tượng lảo đảo vươn lên, xoè ngọn, hoà biến vào khoảng không ; liền khi ấy một cái ý mọn được mớm vào đầu tôi.

Anh Bình ! — Tôi nghe tôi lên tiếng — Đã uống được trà Thiết Quan Âm chưa ?

Hắn quay lại, định thần vài giây, rồi cười đáp :

— Chưa... chưa ! Vẫn còn Thái Đức như thường.

Chán quá ! hắn còn uống trà Thái Đức thì không thể nào cạy ra được 1 đồng bạc trên người hắn. Tôi chỉ còn mỗi một hy vọng là hắn nói dối, nên với tay xách bình trà, tự rót nước cho mình. Tôi nâng vòi lên cao để nhìn rõ màu nước trà chảy vào cốc. Một vòng cung ngắn, đỏ sậm màu cánh dán, trông thật ngon lành, nhưng trong làn hơi tỏa ra, không có lấy một đồng xu hương trà. Thế là Thái Đức thật.

Thái Đức — như hắn đã giải thích với tôi hồi mấy tháng trước — là cái tên hắn gọi chung những thứ trà «vô danh tiểu tốt» mua một đồng uống hai ngày mà nước vẫn còn đậm. Uống vào thì Thức và Đái. Thức thì mệt mỏi đến trỏm lơ con mắt, mà đái thì cứ 10 phút một lần. Nếu chịu khó bươi xác trà ra xem thì trong 10 lá có đến 8 lá là lá hưu lá nai gì đâu ở trong rừng. Nếu chỉ gặp có 5 lá như thế thì trong số 5 lá trà còn lại, có đến ba lá đã từng làm xác trà một lần rồi.

Tuy biết hắn đang ở trong « tình trạng Thái Đức»thật, nhưng tôi vẫn rút tấm biên lai mang tên Bá Bình đặt thẳng thớm lên bàn, cho đúng với nguyên tắc nghề nghiệp, vô tình tấm biên lai nằm trên một xấp giấy trắng. Trên ấy một chữ «Bí» viết bằng bút nguyên tử đỏ chiếm hết một phần ba trang giấy.Tôi nhớ đã thấy chữ «Bí» ba hôm nay rồi. Lúc đầu nó còn mảnh mai trong nét bút, bây giờ đã được tô đậm như một chữ in trên bích chương.

Cái vẻ nặng nề kênh kiệu của chữ «Bí» làm tôi áy náy, né tránh những cái nhìn vô tình của Bình, lúc hắn kéo ghế ngồi đối diện tôi. Hắn thung dung tu một ngụm trà, rồi gấp đôi tấm biên lai lại, nhét vào tay tôi. Cái miệng hắn nhoẻn cười dưới hàng râu mép mọc thưa thớt như những trụ điện đứng dọc ven đường ở một miền quê.

— Cất đi anh Tư! —Hắn nói — anh thấy tôi phải uống trà Thái Đức cả tháng nay, anh biết tôi bí đến thế nào rồi. Phải chi ở được cái mức «con khỉ hộc máu» thì tôi cũng ráng trả cho bà chủ anh phân nửa. Đã quen biết và hiểu nhau lâu rồi chắc tôi khỏi nói nhiều phải không anh Tư ?

Phải, hắn chỉ nói thế tôi cũng hiểu được rằng đến khi nào hắn uống được trà Thiết Quan Âm, hắn trả đủ tiền cho tôi; uống trà «con khỉ hộc máu» hắn chỉ trả phân nữa; uống Thái Đức thì tôi còn phải đợi.

Đợi đến bao giờ? Thử hỏi trong một năm hắn uống Thiết Quan Âm được mấy lần. Còn trà «con khỉ hộc máu» thì họa hoằn lắm tôi mới thấy hắn nhấm nháp, mà thứ trà ấy nào có mắc mỏ gì lắm đâu ! Đã có lần hắn mời tôi uống trà và đưa cho xem một gói trà nhỏ, giá hai đồng.

Trên giấy có in hình con khỉ màu xanh, há cái mồm đỏ lèm nhèm. Hắn nói : « Đây là cái tài đánh lận của một tay buôn trà. Y thấy trà hiệu «Con khỉ» bán chạy, y liền tung «con khỉ giả» ra cho nó sống bám vào một số khách hàng thật thà của « Con khỉ thật ». Để khỏi bị kiện cáo lôi thôi, y cho con khỉ của y hả miệng. Thế là có hai con khỉ. « Con khỉ cấm khẩu» và «Con khỉ hộc máu». Con khỉ hộc máu tuy có huyết thống của kẻ tiểu nhơn, nhưng cái bọc trà của nó nặng hơn và hương vị cũng khá hơn. Cứ hai gói pha ba bình nhỏ nầy thì vừa.»

Còn tất cả các thứ trà ngon hơn trà « Con khỉ hộc máu » hắn đều liệt chung vào hạng « Thiết Quan âm». Tuy nhiên cũng có Thiết Quan Âm số 1, số 2, số 3, vân vân; tùy hắn thưởng thức rồi phân hạng, gọi tên không cần biết đến nhãn hiệu hay giá cả.

Tôi cầm cả ba tấm biên lai đưa ra trước mặt hắn và nói :

— Đây, anh xem, bà chủ trả lương tháng nầy cho tôi đây. Các anh không ráng «lo» giùm tôi thì cũng bằng giết tôi vậy. Nhà tôi bữa nay hết gạo, hết than, hết mắm; tiền nhà hai tháng rồi tôi cũng chưa trả, tiền học phí của thằng em từ đầu tháng đến giờ cũng chưa trả, nhà trường cứ dọa đuổi mỗi ngày, nó không học hành gì được. Các anh làm cách gì cứu tôi với chớ.

TÔI xúc động vì chính giọng nói của tôi, tôi sợ hãi những điều mà chính tôi vừa kể ra. Còn hắn dầu hơi cúi xuống, mặt vẫn bình thản như không nghe tôi nói, hay có nghe mà hoàn toàn không tin. Duy có cây viết trên bàn tay hắn thì hoạt động mạnh, mũi viết cắm vào chữ «bí» trên giấy, cào sồn sột, chất đỏ tiết ra chồng chất lên nhau đặt sánh như máu bầm.

Đột nhiên hắn ném cây bút, xô ghế đứng dậy, rời chiếc bàn, nói vào tấm vách :

— Được, chiều nay có tiền.

Hắn đi sâu vào trong, những bước chậm, mạnh bạo và đều đặn, như muốn đo thật đúng chiều dài của căn nhà, đoạn quay ra, mắt nhìn thẳng về đằng trước và nói lúc đi ngang chỗ tôi ngồi :

— Cố nhiên tôi chỉ lo xong phần của tôi thôi, còn hai người kia thì anh phải thúc vào lưng họ, đá thật mạnh vào đít họ, cho họ sáng mắt ra, cho họ biết đi, biết chạy.

Tôi tỳ tay vào bàn đứng dậy hỏi hắn :

— Anh giận tôi phải không ? chắc tại tôi vụng nói làm mích lòng anh, chớ thật ra tôi thương, tôi quý anh như...

Một bàn tay của hắn đập mạnh vào vai tôi và bíu chặt ở đó :

— Ồ anh Tư ! Làm sào tôi giận anh được. Tôi giận tôi đó chớ ! Tại sao tôi để cho tôi bí ? Tại sao không viết được một giòng

chữ nào suốt cả tháng nay. Và ba bốn năm qua tôi đã làm gì ?

Những bài ngăn ngắn của tôi có thể đếm được trên đầu ngón tay (Hắn đi lại trong nhà) Những gió giả, những trăng giả, những hoa giấy ở trong đó, mái lầu tôi trú tạm ở trong đó, chiếc ghế tôi ngồi tạm ở trong đó, tôi đem những cảm nghĩ không phải của tôi vào trong đó. Còn những máu lửa, nước mắt mồ hôi, xứ sở tôi, vợ con tôi, và những người thân thuộc với tôi như anh vậy, tôi lại đặt ra ngoài, tôi đặt dưới chân tôi, tôi nhìn xuống, con mắt tôi cố gắng kiêu kỳ. Tôi quằn quại trên một chiếc giường lạ.

Tôi không quằn quại ngay trên miếng đất thân thuộc của tôi. Tôi bí là phải.

HẮN ngừng lại, nhưng bước đi vẫn còn hăm hở, những ngón tay vẫn còn co duỗi bất thường. Tôi muốn góp một lời rất ngắn hay một tiếng cũng được vào câu chuyện của hắn song dù cố gắng hết sức tôi cũng không tìm được một cái ý nhỏ nào để phát biểu, vì tôi không hiểu trọn những điều hắn nói. Tôi vừa định từ giã, thì hắn đã nói tiếp :

— Bấy lâu nay, tôi cứ lấy cái khó khăn chung của những người viết văn trong thời buổi nầy làm nguyên cớ cho cái bí của tôi. Thật ra trước mọi khó khăn khách quan, những nhà văn đều vượt qua được, bằng một ngàn cách nếu họ quả thật là nhà văn. Tôi là cái gì ? Phải tôi chỉ là một cái gì thôi, dù một trăm năm nữa nếu tôi... vẫn co lại...

Tôi bưng chén trà đã nguội lạnh, uống cạn, rồi đi ra cửa, hắn vẫn nói một mình trong căn nhà tối tăm vì thiếu cửa sổ.

Chỉ cần lê mấy bước, tôi đã đứng trước cánh cửa căn nhà ông họa sĩ. Tôi gọi «ông» cho vui chứ thật ra Quang Triệu còn trẻ, cùng tuổi với tôi, nhưng vì ăn uống thất thường quanh năm mà người hắn già sộm đi. Tuy vậy, hắn rất vui tính, càng gần càng thấy hắn trẻ ra trong những hoạt động nhộn nhịp của hắn, tôi tưởng hắn là một đứa trẻ. Duy trong lúc làm việc thì hắn già vừa đúng gương mặt của hắn Tôi không gỏ cửa, cứ đẩy mà vào. Vì từ lâu lắm rồi, hắn bảo tôi : « Ngày nào anh cũng đến đòi tiền, gỏ cửa mất công lắm, tôi cũng mất công lên tiếng, cứ đẩy cửa vào thẳng, tiện cho cả đôi bên.

Vào nhà, tôi thấy hắn ngồi trên sạp gỗ hai chân chống xuống đất, bận một chiếc quần đùi vải hoa cũ, mình trần, mồ hôi loang loáng trên làn da xanh mướt. Hai tay hắn bưng ngửa một cái khung tranh đựng đầy những mẩu giấy đủ màu mà hắn đã xé trong những tạp chí ngoại quốc, nhiều mẩu giấy còn đủ một hàng chữ in rất rõ nét. Khung tranh chao mạnh theo nhịp lắc của hai cánh tay hắn. Toàn thân hắn rung lên, như một người lên đồng trước bàn thờ thần, khiến tôi thấy hắn là một tín đồ hơn là một nghệ sĩ trong giờ phút nầy. Những mẩu giấy trong khung tranh chạy tung lên, thỉnh thoảng một mảnh rơi ra ngoài. Chốc chốc hắn ngừng tay, nheo mắt nhìn vào khung, lắc đầu, rồi lặp lại tất cả những động tác cũ.

Sự có mặt của tôi, hắn xem như một làn gió, một chiếc lá hay một con ruồi bay vào Hắn vẫn làm việc của hắn, không chào hỏi, không ngước nhìn, không cả liếc mắt.

TÔI bỗng ngửi thấy một mùi lại, không lấy làm dễ chịu chút nào trong căn nhà đóng kín tất cả các cửa. Tôi nghĩ ngay đến điềm chuột chết mà anh Sáu vừa phát giác trước đây nửa giờ. Tôi đã toan nói chuyện đó với hắn, nhưng lại thôi, vì đã nhiều lần hắn căn dặn tôi đừng nói gì cả lúc hắn đang say sưa làm việc. Cơn hứng có thể biến mất nếu có người nói chuyện bên tai.

Phải chờ độ 15 phút tôi mới thấy hắn đứng dậy, cẩn thận đặt những khung tranh lên sạp gỗ, lấy một tấm kính ép vào lòng khung, rồi đem đựng nghiêng khung tranh vào chân vách. Đoạn hắn đi lùi ra xa, nghiêng đầu ngắm nghía. Chợt vài phút sau hắn đi mau đến chân vách dựng trở đầu khung tranh lại rồi lùi ra xa mà chiêm ngưỡng.

Cuối cùng hắn xoa tay, cười rất thỏa mãn, rồi xoay qua hỏi tôi bằng cái giọng đục ồ ồ vì bịnh nghẹt mũi kinh niên.

— Anh thấy sao ? Được không, theo anh thì nó giống cái gì ?

Tôi nhìn kỹ vào đó rồi lắc đầu. Thật tình tôi chỉ thấy nó giống những rẻo giấy thế thôi. Óc tưởng tượng của tôi không bỏ xa sự thực vài phân tây được.

Quang Triệu cười lớn, nói :

— Nghệ thuật hôm nay nó như thế đấy ! Nó phải phá phách, nó phải nổi loạn, nó phải hủy diệt, nó phải...

TÔI không thể lưu ý đến lời của hắn nữa, phần vì tôi biết tôi sẽ không hiểu gì, phần vì mùi thối xông lên trong căn phòng kín bịt bùng làm tôi khó thở quá. Tôi kêu thật to, át cả tiếng của Triệu :

— Thối quá anh Triệu ơi !

Hắn ngừng nói, giương đôi mắt kinh ngạc nhìn tôi :

— Anh vừa nói gì đó ?

— Hình như có con chuột chết trong nhà nầy. Mùi nặng quá ! — Tôi nói mau và đi mở hoác các cánh cửa ra.

Hắn cười gằn :

— Anh ngạo quá ! Anh đi về đi; đúng lúc tôi muốn mời anh ra khỏi căn nhà nầy.

Nhìn sâu vào đôi mắt hắn, tôi biết hắn không đùa. Tôi chợt hiểu ra rằng tôi đã làm hắn hiểu lầm, nên tôi tự trấn tỉnh cố giữ vẻ tự nhiên, cười vui vẻ với hắn, rồi mới nói :

— Cái điềm gì lạ quá, anh Triệu ơi, hồi sáng nầy chủ nhà của tôi có tìm được bốn con chuột chết. Trước khi chết chúng cắn phá áo quần sách vở dữ quá !

Vừa nói xong, tôi chợt thấy rằng mình đã nhại lại gần giống lời của anh Sáu. Vẻ thành thật vui vẻ của tôi, và chính câu chuyện về chuột làm cho mặt mày Quang Triệu tỉnh táo lại, hắn hỏi mau:

— Anh đã tìm biết vì sao mà chuột chết nhiều vậy không ?

— Chưa biết được.

Rồi nghiêng đầu nhìn xuống cái gầm sạp đầy rác rến, áo quần, đồ đạc nằm bừa bãi, ngổn ngang, tôi quả quyết với hắn rằng có ít nhất là một con chuột chết ở đó.

Chiều ý tôi, hắn dựng đứng cái sạp gỗ dậy, rồi chỉ một phút sau hắn đã la lên :

— Trời ơi ! Bốn con cá vàng của tôi ! Bỏ quên chúng hơn một tháng nay rồi !

Không chịu nổi mùi cá thối, tôi kéo hắn ra sân, và đặt vào tay hắn một tấm biên lai. Hắn cười gượng, không chịu nhận, và hứa chắc sẽ trả đủ tiền nhà cho tôi vào dịp «triển lãm tranh mùa xuân».Hắn cũng cho biết trong những tranh dự triển lãm của hắn sẽ có bức tranh vẽ hệt theo cái khung đầy những rẻo giấy mà hắn vừa sáng tạo xong.

TÔI không còn biết nói gì với hắn nữa, đành đi về phía căn nhà của soạn giả Văn Tề. Hắn gọi giật tôi lại, và nói cho tôi biết vợ chồng Văn Tề vừa đánh lộn với nhau chỉ vì Văn Tề đã thua bạc sạch hết tiền bán vở tuồng trong chuyến đi theo đoàn hát lưu diễn miền Trung.

Đoàn hát cũng đã tan rã trên đường trở vào Nam. Vở tuồng đó là tác phẩm độc nhất của Văn Tề trong suốt ba năm nay.

Tôi rút cả ba tấm biên lai ra đưa cho Quang Triệu xem để hắn biết tiền lương của tôi là thế đó, rồi cẩn thận xếp lại, đút vào túi.

HẮN bắt tay tôi thật chặt giọng run run nói:

— Thôi, anh Tư! anh đừng nói gì nữa. Câu chuyện của anh với Bá Bình tôi đã nghe lọt tai hết. Nhưng tôi không biết làm cách gì để giải cái bí của tôi được cả. Thú thật với anh, tôi bí đến nỗi không biết vẽ cái gì bây giờ, thành thử phải sáng tác theo lối «Xin xăm ông» như anh vừa thấy đó. Với anh, tôi không hồ thẹn gì mà không nói thật...

Về đến nhà, tôi thấy thằng Sơn ngồi tần ngần bên nồi cơm đã nguội lạnh, bát nước mắm đứng giữa hai cái chén được điểm mấy lát ớt tròn màu đỏ tươi, trông cũng hay hay Giữa bữa ăn, nếu trong hai anh em tôi có người chảy nước mắt, thì có thể nói với người kia rằng: «Ớt cay quá!». Nhưng nếu cả hai đều chảy nước mắt thì chỉ có cách cùng nhìn nhau rồi cười.

Nhưng không, anh em tôi đã qua một bữa ăn khá vui vẻ. Vui đến nỗi em tôi quên cả cái mặt tím bầm và méo xệch, trông vừa thảm hại vừa buồn cười của nó; và nhớ đến những con chuột nó đã đánh bẫy được, để sau đó nó thú thật rằng nó đã nhét hạt thóc vào đít chuột, rồi lấy kim khâu chặt lại trước khi phóng thích cả 5 con.

Hình ảnh con chuột bị bí liền hiện ra trước mắt tôi: trước nhất những chiếc lông màu xám sẽ dựng dậy, kế đến đuôi sẽ ngúc cao, rồi mắt sẽ lồi lên, răng sẽ nhe ra, sau đó con chuột mới phóng mình đi và tùy thích dừng lại bất cứ chỗ nào nó muốn cắn phá Vẫn chưa hết, mấy ngày sau nó sẽ đứng với bốn chiếc chân nhón cao, suy ngẫm chuyện đời giây lát, rồi tự nó phát quang xung quanh chỗ nó yên nghỉ cuối cùng.

Chuột mà bí được như thế thì thật là hào hùng hơn cái bí của con người. Tuy rằng cái bí của nó không có vẻ văn học, và nghệ thuật như cái bí của văn sĩ Bá Bình và họa sĩ Quang Triệu: nhưng cái bí của nó không đâm ra ngớ ngẩn, liều lĩnh như tôi, anh Sáu và soạn giả Văn Tề.

NGÀY xưa, cha tôi thường an ủi lũ con đói khát cùng cực của ông bằng một hệ từ của Đức Khổng tử: cùng tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu». Ông bảo chúng tôi đừng chán nãn, thất vọng, vì cùng bí quá thì làm gì cũng biến, biến rồi thì ắc thông..

Tôi đã thấy cái bí và cái biến của con chuột nhưng cái thông của nó thì khó thấy quá. Hay là cái thông ẩn vào hạt lúa ở bên trong mấy sợi chỉ khâu chăng? Hột lúa sẽ nẩy mầm khi con chuột được đem chôn, mầm lúa sẽ lớn lên và ra bông, rồi kết hạt để mà trường cửu.

Còn cái bí của con người sẽ biến và thông như thế nào?

TÔI nghĩ rằng nếu tất cả mọi cái bí của người ở trên bờ biển Nam hải nầy đều biến thành đá hết, thì số đá ấy sẽ đủ cho những người không bị bí bắc một cây cầu xuyên Thái bình dương, đến tận bờ biển Mỹ châu, như thế là thông, nhưng thông như vậy có cứu được chăng?

hồ hữu tường

NGÔN VÔ TỪ

NGƯỜI đất Khưu, đạo hiệu là Trường Xuân chân nhân, sống vào buổi đầu của triều Nguyên, có soạn một bộ sách khảo cứu về phong tục kỳ quái của người xứ Tây Vức. Tên của sách là Tây Du Ký Sách nầy dánh mạnh vào óc tưởng tượng của kẻ đọc. Một vị đạo sĩ, tu tiên theo phép dưỡng sinh; hình như tên là Ngô Thời Ân, nhơn đọc nó mà phát sanh ra cái tứ, mượn việc Trần Huyền Trang đời Đường, đi muôn dặm sang Thiên Trúc mà thỉnh kinh Phật, mang về Đông mà cứu độ chúng sanh, để viết một bộ tiểu thuyết. Tiểu thuyết nầy mang tên là *Tây Du Ký Diễn Nghĩa*.

Tiểu thuyết nầy rất hấp dẫn. Tựa hồ mỗi người Việt Nam đều đọc, hay ít nữa cũng có nghe nói đến một vài đoạn. Trẻ con mê say nó, vì nó tả phong tục của muôn yêu, ngàn quỷ, mỗi mỗi có tác phong riêng biệt, không yêu nào giống yêu nào, không quỷ nào giống quỷ nào . Thế mà «nhất dĩ quán chi», muôn phương tiện thảy đều để đạt chỉ có một mục đích. Mục đính của muôn yêu, ngàn quỷ, thảy

đều là ăn thịt thầy trò thầy Tam Tạng, để được trường sanh bất tử. Thế mà, mục đích có đạt, ấy bởi phương tiện có khế hợp mới thành. Muôn yêu, ngàn quỷ thảy chết sạch; mà đắc đạo, được trường sanh bất tử, thành Phật, thì không mong lại được, ham muốn mà sai, lại là thầy trò của Tam Tạng...

NĂM 1943, tôi ở mãn tù. Nhưng thực dân không cho về với vợ con, lại bắt vào trại giam, nơi An Hải, sau dời qua An Hội. Nơi đây, tôi được làm quen với vài ông đạo, cho tôi mượn một bản in bằng chữ Hán của tiểu thuyết *Tây Du Ký Diễn Nghĩa*. Đặc điểm của bản này, là sau mỗi hồi, lại có lời bàn rất dài của một vị đạo sĩ, lấy bút hiệu là Ngộ Nhất Tử. Lời bàn lại có khi dài hơn khúc chuyện đã kể trong hồi ấy. Đọc lời bàn của Ngộ Nhất Tử, tôi hé thấy một phép dưỡng sanh của đạo Lão. Bách nhật trúc cơ, thập nguyệt hoài thai, tam niên nhủ bộ Tôi vốn chẳng thích được trường sanh bất tử, nên chẳng màng nhớ đến phép dưỡng sanh ấy mà làm gì, nhưng, lối giải thích mấy cái hình ảnh tượng trưng của Ngộ Nhất Tử, kể ra cũng phải khen là tế nhị.

Trong các hình ảnh tượng trưng, cái mà đánh mạnh vào trí óc của tôi, là khi lạy Phật xong xuôi, thầy trò Tam Tạng thỉnh kinh thì lại được phát thứ «kinh vô tự». Sau hay được, phàn nàn, thì vị La Hán quản thủ thơ viện cắt nghĩa cho biết rằng, thứ kinh vô tự ấy để dành cho những người đắc đạo đọc. Kẻ phàm phu tục tử phải nhờ trung gian của chữ mới biết được lời, nhờ trung gian của lời mới biết được ý, nhờ trung gian của ý mới cảm thông được Phật, đem con tâm của mình mà đồng nhất với con tâm của đức Từ Bi, Bác Ái. Cầm một cuốn kinh vô tự, mà giở ra, chỉ thấy giấy trắng phau phau, kẻ đắc đạo được nhắc rằng nay là lúc con tâm của mình phải mở rộng minh mông, để bao quát tất cả cảnh giới của Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi.

ĐÓ là chuyện xửa, xừa, xưa, của hai mươi ba năm thuở trước.

Năm nay, không biết tình cờ dung ruỗi thế nào, mà tôi có đến. bảy đồng tiền Quang Trung, tuy có trước sau mà gần như một lượt. Ba đồng to tướng, một đồng vừa vừa, một đồng bé hơn một tí và hai đồng nhỏ. Trong *Hòa đồng* số 54, có in hình đồng tiền Quang Trung nầy lớn bằng thiệt. Tôi có dịp may, mà thấy là bổn phận, đem tiền ra dâng trước bàn thờ của vị anh hùng Đống Đa hầu hỏi ý của Ngài như thế nào, mà tới tấp gởi đến cho tôi đến bảy vị thiên sứ, mỗi vị mang theo một đồng tiền của Ngài, để làm tin ?

Đó là động cơ duy nhất khiến cho tôi Tết năm nay thay vì nghỉ cho khoẻ thân ở Đà Lạt, ở Nha Trang, hay ở Vũng tàu thay vì ở Saigon mà lên lăng Ông nhìn thiếu nữ thướt tha trong những cánh áo loè loẹt, mà vào Chợ lớn thưởng thức những món cao lương mỹ vị, mà la cà ở các hộp đêm trố mắt nhìn vũ nữ vung đít

trong các điệu tuýt giựt gân và nghe hát yé yé, tôi lại lặn lội ra Phú phong, Tôi cảm thấy rằng muốn nghe lời phán của vị anh hùng Quang Trung, tôi không có quyền nằm chổng cẳng ở tại nhà, mà tôi phải đến tận nơi mà nghe anh em Ngài khởi nghĩa để chấm dứt cuộc tương tàn do Trịnh Nguyễn tương tranh.

HƯỚNG về Phú Phong, tôi thấy hồn tôi na ná như tâm hồn của một tín đồ của đạo Hồi, lặn lội về thánh địa là thành La Mecque. Thú thật với quí vị độc giả, và nếu quí vị có mắng chưởi tôi thế nào, thì tôi dành cúi đầu mà nhận chịu, từ thuở bé tôi đã được (hay đã bị) tía tôi rèn luyện cho tôi không theo tôn giáo nào cả. Cái vô tôn giáo của tôi đã có từ xửa, từ xưa, chớ không phải tại lão Marx phết cho tôi lớp sơn bề ngoài đâu! Thế mà, nhơn dịp đi Phú Phong nầy, tôi cảm thấy rằng, tuy tôi không theo tôn giáo nào, tôi không phải là « vô đạo ». Tôi nghe tiềm thức tôi rào rạt mãnh liệt một tâm hồn của người có đạo.

Nhìn theo ngón tay của người bạn dắt đường, trỏ cho tôi xem núi Kỳ Đảo, tôi nhớ có dọc đó đây, rằng khi Nguyễn Huệ hội tại Bàn sơn mà làm lễ đội mũ miện và lấy hiệu là Quang Trung, thì nhạc của Tây sơn hùng vĩ chưa từng thấy; tôi lại nhớ Hà Hồi, quân Tây sơn chỉ nhờ những hồi trống, những hơi tù và, tiếng cồng, mà quân Thanh khiếp vía, hàng đầu ngay. Tôi hỏi bạn, thì ở trong tỉnh, hãy còn đôi người đánh được trống, một lượt mười mấy cái trống, mỗi cái tiếng khác nhau.

Một mặt, tôi nhớ tới lời thiết tha của hai anh Bảy Nhiêu và Năm Châu : « Tụi mình mà không làm gì để cứu *nhạc võ* của ta, thì chắc chắn là sẽ mất tuyệt một truyền thống quí báu vô ngần ». Một mặt trí tưởng tượng của tôi thấy gần hai trăm năm trước đây, muôn người tụ hội tại núi Kỳ Đảo, mà tế cờ khởi nghĩa, tiếng nhạc võ rền cả một góc trời, rồi trai gái thi đua đi roi múa quyền (bởi thuở ấy, vùng nầy ai cũng biết võ cả). Tôi lại tiếc sao tôi không tài xuất khẩu thành thi, để sáng tác một thiên anh hùng ca, mà cuộc khởi đầu là cuộc tế cờ để khởi nghĩa tại núi Kỳ Đảo Tôi lại càng tiếc hơn, sao hồi đó tôi ngu, học toán, đèo bòng làm một nhà toán học để làm gì; phải chi hồi đó học xinê, bây giờ quay một cuộn phim về Tây sơn, có phải là có lợi cho công chúng hơn không.

Xe đi qua gần làng của Bùi thị Xuân. Ba âm tố Bùi thị Xuân không biết có thần lực mãnh liệt như thế nào, mà câu chuyện tiểu thuyết, đã xây dựng cho anh Khái Hưng viết, sục sục sôi lại trong lòng tôi, khiến cho tôi đặt lại câu hỏi ; *Gái nước Nam làm gì* ? Bị câu hỏi ấy ám ảnh, mà khi đến Phú Phong, tôi thấy cô học trò nào, tôi cũng nhìn chòng chọc Nhìn để cho nhớ mặt. Để một ngày kia có một Quang Trung mới xuất hiện, nàng nào bây giờ là học trò, lại trở thành Bùi thị Xuân của thế kỷ thứ XX ?

MỖI cái đồi, mỗi cụm cây, mỗi khóm nhà đều là một di tích của một dân thoại về Tây Sơn. Mỗi di tích khêu gợi trong lòng tôi những cái nhìn khác thường. Quả là tôi đang sống cái tâm tư của anh tín đồ đạo Hồi Hồi viếng thánh địa La Mecque. Quả tôi là người có đạo. Và thưa quí độc giả, không biết có ai cùng đạo ấy

với tôi chăng ; vì đạo nầy không có giáo hội, không có giáo điều, không có kinh, không có nghi lễ, mà cũng chưa thấy ai cấp cho cái tư cách pháp nhân nào. Hiện ra thì muôn hình vạn trạng, hành thì triệu triệu tác phong. Nếu bằng vào hình trạng và tác phong, mà tìm người đồng đạo, tôi không thấy ai là đạo hữu của tôi. Vì vậy mà tôi nói rằng tôi không biết có ai cùng đạo ấy với tôi chăng. Nhưng mà qui về cái đạo tâm, thì cả thảy chỉ là một. Đạo tâm ấy là *lòng yêu nước mẹ*. Tôi không dám đặt tên cho đạo ấy là đạo gì. Tôi sợ tên là lời, lời phản ý, ý phản tâm. Âu là để lửng lơ, ai muốn hiểu sao thì hiểu. Không khác nào kẻ đắc đạo mà dọc kinh vô tự vậy.

TRƯỚC ngày ấy, một số nhà trí thức lòng sẵn có cái doute cartésien (sự hoài nghi của người theo phái Descartes), khi nghe nói có những đồng tiền Quang Trung, lật đật đặt câu hỏi :

— Thật chăng ? Hay là tiền giả mạo. Đúc những đồng tiền giả, rồi cao rao lên là đồng tiền Quang Trung, để tác động tâm lý của đại chúng, việc nầy ai làm cũng được. Gần hai trăm năm về trước, Nhạc đã đúc «gươm báu», dựng bia «Nguyễn Nhạc vi vương». Ngày nay cha đẻ ra anh chàng Phi Lạc, tên mõ đã bịp khắp thiên hạ, há chẳng có thể đúc tiền giả để bắt chước việc Trương Giác lãnh được thiên thơ ?

Để đáp câu hỏi nầy, ban tổ chức ngày tế lễ Đống Đa tại điện Tây Sơn đã dành cho tôi cái vinh hạnh là khởi sự chương trình bằng cái lễ «khai tế». Gọi là vinh hạnh, là đối với kẻ bàng quan kìa Còn trong thâm tâm, họ van vái :

— Đức Quang Trung ngài có thiêng xin chứng giám khi thằng này dưng tiền lên cho ngài xem, rồi mọp mà chịu phán xét trong suốt ba hồi trống và ba hồi mõ nếu thằng nầy lợi dụng uy tín của ngài đúc tiền giả để mưu đồ «bá đạo», thì ngài hạ linh cho thượng tướng Trần Quang Diệu luôn luôn theo hầu ngài, bẻ họng nó liền. Để cho người tin là ngài thiêng. Để răn đời đừng có ai dám bịp thiên hạ mà mưu tư lợi.

Thật là một cuộc thử thách. Tôi biết tôi, tự tay tôi, tôi không có đúc tiền giả Nhưng biết đâu, lại đồng tiền không thiệt bởi trước đã do một người đã giả tạo, vì một dụng ý nào đó ? Rủi mà như thế thì giữa ba hồi trống, ba hồi mõ, máu họng trào ra, thì ối thôi thôi, mặc tình mà người ta bàn tán. Tiếng trống thứ nhứt hạ linh. Tôi khép nép run sợ mà bước tới dưng tiền, và mọp mà chờ. Tiếng trống thứ hai ra linh cho tôi đừng sợ nữa. Tiếng trống thứ ba dạy tôi ngoáy lỗ tai mà nghe.

Tôi ngoáy tai nhưng không được nghe tiếng nào cả, ngay những tiếng trống tiếng mõ. Tôi cũng không nghe được lời phán nào của Quang Trung. Nhưng tôi cảm thấy rằng Ngài dạy tôi. Đến ngày nay, thật ra tôi không biết Ngài dạy tôi cái gì nữa. Bởi vì Ngài dạy tôi bằng một thứ «ngôn vô từ». Trong lòng tôi, từ ở đáy, trồi lên những cái gì không biết, trùng trùng điệp điệp, tạo ra cái phức cảm vô cùng phong phú, tạm gọi là *lòng yêu nước*, cái đạo tâm của cái tôn giáo mà tôi chẳng dám đặt tên là tôn giáo gì. Ba hồi trống dứt. Đáng lý là 108 tiếng. Ba hồi mõ nối theo. Đáng lý là 108 tiếng nữa. Trong thời gian ấy, nếu tôi đọc một bài viết sẵn, thì đã nói được năm

ngàn tiếng rồi. Cũng trong thời gian ấy, tôi cảm thấy tôi vừa nghe một bài diễn văn về quân sự, một bài diễn văn về giáo dục, một bài diễn văn về kinh tế, một bài diễn văn về xã hội, vân vân và vân vân... Những diễn văn ấy chồng chất lên nhau. Đầu óc tôi phàm tục, hiểu không hết, nhớ không xiết cái «ngôn vô từ» của Quang Trung hoàng đế.

Điều ấy làm cho tôi đờ người, không biết phải làm gì, không biết nên nói gì. Từ ấy cho đến suốt buổi lễ, tôi hóa ra người bị động, mặc tình để cho các em bao vây để chụp ảnh chung làm kỷ niệm, toán nầy nối toán kia.

GẦN đây, có người từ Bình Khê vào viếng, cho hay rằng ngày ấy, có nhiều người ở xa ba bốn chục cây số, mà phải băng ruộng, vượt đèo, để đến nghe tôi nói «một cái gì». Té ra, chẳng nghe tôi nói cái gì cả, hóa ra thất vọng. Tôi nghe thuật việc ấy, rất cảm động, nên phải viết những dòng nầy.

Ngày mồng năm tháng giêng rồi, tại điện Tây Sơn, đức Hoàng Đế Quang Trung có nói lời nào cho tôi dâu? Ngài đã «ngôn vô từ» mà đến nay, tiếng Ngài tôi nghe chưa dứt. Mà tôi cảm thấy không thể nào dứt được. Vì tiếng của Ngài cũng là tiếng của lòng tôi. Ngày nào lòng tôi còn yêu nước mẹ, ngày ấy tôi vẫn còn nghe tiếng của Ngài.

Thưa các bạn muốn nghe tôi nói,

Tôi là kẻ phàm tục vụng về. Trong năm ba ngàn chữ, tôi nói được bao nhiêu lời, lời ấy có bao nhiêu ý; ý ấy có bao nhiêu tư tưởng hay? Các bạn nghe tôi làm chi cho uổng công? Các bạn hãy bắt chước tôi, các bạn lấy một quyển sách khảo cứu về Quang Trung mà đọc cho kỹ, để «dọn mình». Rồi các bạn bắt chước tôi, đến trước bàn thờ Quang Trung mà mọp trong nửa giờ mà xin Ngài dạy bằng lối « ngôn vô từ ». Các bạn sẽ không nghe tiếng nói của đức Quang Trung. Các bạn sẽ nghe tiếng nói của « lòng yêu nước mẹ ». Nghe xong bạn sẽ phát đạo tâm. Bạn sẽ làm tín đồ của cái tôn giáo mà tôi chưa biết đặt tên là gì, một tôn giáo không giáo hội, không giáo điều, không kinh, không nghi lễ, mà cũng không «tư cách pháp nhân». Một tôn giáo huyền huyền, ảo ảo. Những tôn giáo khác có đông người đắc đạo chăng? Điều đó hãy còn ở trong vòng tranh chấp. Còn tôn giáo của chúng ta, thưa các bạn, người đắc đạo đếm khá đông, mà chẳng ai dám hoài nghi giá trị. Nào hai bà Trưng, nào bà Triệu, nào Phù Đổng Thiên Vương, nào Bố Cái Đại Vương, nào Lý Phật Tử, nào Ngô Quyền, nào Lý Thường Kiệt nào Trần Quốc Tuấn, nào Lê Lợi, nào Quang Trung,... đó là kể phớt sơ qua mà thôi nhé!

BÌNH Khê là một thánh địa của tôn giáo ấy. Tôi rất mong làm sao, mỗi vụ hè, các đoàn thể thanh niên tổ chức nơi ấy một « trại công tác » để cho sinh viên, học sinh có dịp đến viếng thánh địa, như tín đồ Hồi Hồi viếng thành La Mecque. Ai cũng có dịp đi viếng các di tích lịch sử, lượm lặt dân thoại, học một vài đường quyền, đường roi, đánh ít hồi trống của nhạc võ.

Và ai nghe rạo rực trong mình « lòng yêu nước mẹ » thì ngày ngày đến điện Tây sơn mà lạy Đức Quang Trung, mà xin ngài dạy cho bằng lối « ngôn vô từ ». Biết đâu, trong đám tín đồ trẻ trung của các tôn giáo nầy, lại có một chàng, hay một nàng, được mặc khải, mà viết những trang sử mới cho dân tộc.

(Rằm tháng Giêng năm Bính Ngọ)

tư hồng

ĐÍNH CHÍNH MỘT VÀI ĐIỂM SAI LẦM trong lịch sử Nhật bản về ĐẠI CUỘC KHÁNG NGUYÊN ở VIỆT NAM

GIỮA khoảng đầu thế kỷ 13, giống người Mông Cổ, người ta thường gọi là « con Gấu Bắc Cực » vươn mình đứng dậy cắn vỡ dày xéo nhân loại, từ Á sang Âu.

Dưới vó ngựa Thành Cát Tư Hãn và Hốt Tất Liệt tới đâu như ở đó không người, thôn tính hết Âu rồi sang Á và Trung, cận Đông.

Ngoại trừ chúng chỉ đại bại tại Nhật Bản và Việt Nam (quân dân nhà Trần).

Hai cuộc chống xâm lăng của hai dân tộc Việt — Nhật anh dũng vô song đó, không những lúc bấy giờ mà cho mãi tới nay thế giới còn phải kính phục.

Tiếc thay, khi chép lịch sử cuộc kháng Nguyên của dân tộc mình, các sử gia Nhật Bản đã vô tình hay cố ý bỏ sót cuộc kháng Nguyên của dân tộc Việt, hay nói khác hơn, họ không công nhận đại cuộc kháng Nguyên ở Á Đông ngoài Nhật Bản còn có Việt Nam, mà chỉ nhận vai trò độc nhất của họ.

Trước khi đi vào chi tiết lịch sử, chúng tôi thiết tưởng cần phải làm một bản kê khai sự việc lịch sử theo niên biểu sau đây :

Một bên là Việt Nam và sự việc đã xảy ra theo niên biểu.

Một bên là Nhật Bản và những sự việc đã xảy ra kê biên rõ như thế, để đối chiếu :

VIỆT NAM

1257.— Bắt giam Sứ Mông Cổ. Tướng Nguyên Ngột Lương, Hợp Thái từ Vân Nam xuống chiếm Thăng Long. Việt Nam phản công, Hợp Thái bị thua ở Đông Bộ Đầu, ở Quy Hóa, phải rút chạy về Vân Nam.

1257.—Sứ thần Nguyên là Nột loạt đan sang yêu sách triều cống và bắt vua Trần Thánh Tông sang chầu Thiên triều, bị ta cự tuyệt.

1263.—Sau bao cuộc giao thiệp bằng công hàm qua lại, để tránh sự chiến tranh, Việt Nam chấp nhận nạp cống vật. Nhưng không phải mỗi năm, mà là 3 năm một lần.

1266.— Việt Nam từ khước chịu cung cấp nhân tài như nho sĩ, y sĩ, thợ mộc, thợ nề giỏi. Lúc đó sứ thần Nguyên qua lại như mắc cửi hoạnh hoẹ đủ điều. Nhưng Việt Nam vẫn cứ làm thinh.

1271. — Tháng 3 sứ Nguyên tới Việt Nam vời vua Trần Thánh Tông sang chầu Thiên triều.

Trần triều không chấp thuận.

1275.— Trần Thánh Tông chống lại sứ nhà Nguyên đòi đặt chức Giám sát Hành chính tại triều đình cũng như các chức vị cố vấn hiện đại.

1276.— Nguyên lại cho Sứ sang một lần nữa, đòi vua Việt Nam sang Triều cống. Nhưng lại một lần nữa bị kháng lệnh.

1282.— Nguyên lại cho sứ sang triệu vua Trần Nhân Tôn sang triều cống. Nhà vua phái người đi thay. Sau đó nhà Nguyên phái Tuyên Phủ Ty sang giám sát các châu huyện Việt Nam, bị đuổi về nước. Sau đó nhà Trần phái quân lên Lạng Sơn đánh tan bọn bù nhìn do Nguyên Thế Tổ phong Vương Bọn Sài Thung bị thương mù mắt bỏ chạy về Tầu.

NHẬT BẢN

1268.— Nguyên Sứ khởi sự yêu sách, bắt phái Sứ thần sang chầu và cống hiến phẩm vật.

Trước sự yêu sách láo xược ấy, Mạc phủ từ chối.

1271.— Nguyên sứ tới Thái Tể Phủ, đòi Hoàng gia Nhật sang Thiên triều dâng cống vật. Mạc phủ không trả lời.

1274.— Mùa Thu tháng 9 quân Nguyên kéo từ Triều Tiên tiến đánh sang, chiếm các đảo Đối Mã, Nhật kỳ, rồi tới vịnh Bạc Đa, nã thần công và đồ bộ. Nhưng rồi bị bão to, chiến thuyền bị chìm hết.

1276.— Nguyên sứ tới Trường môn,đòi tới kinh đô để gặp Hoàng gia ở Liêm Xương. Nhưng khi Trấn Tây Thám Đề ở Cửu Châu đưa đoàn Sứ giả về tới Kinh đô, theo truyền thuyết : Đoàn sứ giả này bị Mạc Phủ giết sạch.

1279.— Sứ Nguyên lại tới, Mạc Phủ hạ lệnh giữ sứ giả ở Bạc Đa. Sau đó sứ Nguyên phải trở về không.

1281.— Quân Nguyên gồm 1000 chiến thuyền và 10 vạn quân, từ Triều Tiên, Phúc Kiến đánh sang Cửu Châu. — Mang theo nhiều nông cụ, với kế hoạch « chiến canh tương hỗ ». Đầu tháng 7 đánh chiếm Đối Mã, Nhật kỳ, Hạc đảo, Bạc đa và Phi tiêu.

Nhưng rồi ngày mồng 1 tháng 7 nhuận, bị một trận bão khủng khiếp, bao nhiêu chiến thuyền và binh, bị đắm hết.

Cuộc xâm lăng Nhật Bản của Mông Cổ, tới đây bị thiên tai kết thúc. Vì vậy mà người Nhật thường bảo rằng :

Nước Nhật là đất của Thái Dương Thần Nữ, dành cho giống người Phù Tang, không ai có thể đánh chiếm được.

So sánh niên biểu trên đây (tại Nhật năm 1281, tại Việt Nam năm 1282) thì ta thấy rằng : Cuộc kháng Nguyên của nước Nhật tới đây là kết liễu. Trái lại ở Việt Nam còn phải trải bao gian nan, ác liệt nữa mới đi tới toàn thắng.

Chúng ta hãy đọc tiếp sau đây :

1283.— Mông Cổ huy động 50 vạn quân thủy bộ do Hoàng tử Thoát Hoan chỉ huy tiến đánh Việt Nam bằng hai đường Thủy lục Lạng Sơn (lục) Thanh Hóa (thủy).

1284.— Trước họa Tổ quốc bị xâm lăng, Trần Nhân Tôn mở hội nghị Diên Hồng, toàn dân quyết chiến.

— Hưng Đạo Vương bị thua ở Lộc Châu và Chi Lăng.

— Thăng Long thất thủ, toàn trấn Kinh Bắc tràn ngập quân Nguyên.

— Nghệ An thất thủ, Trần Nhân Tôn bỏ chạy vào Thanh Hóa.

1285.— Trần Nhật Duật đại thắng quân Nguyên ở Hàm Tử quan.

— Trần Quang Khải đại thắng ở Chương Dương.

Thoát Hoan bỏ Thăng Long chạy sang Bắc Ninh.

— Hưng Đạo Vương thắng quân Nguyên ở Tây Kết, Nguyên tướng Toa Đô tử trận, Nguyên quân định do đường thủy rút chạy về Tàu, ta chặn đánh đại thắng ở Vạn Kiếp. Toàn thủy, lục Nguyên bị tan vỡ. Thoát Hoan chui vào ống đồng để thoát hiểm, sau đó do đường Lạng Sơn trốn về Tàu. Chỉ có sáu tháng, từ tháng chạp năm 1284 đến tháng 6 năm 1285, ta quét sạch 50 vạn quân Mông Cổ đã lan tràn khắp nước.

1286.— Tuy đại bại nhưng vẫn chưa hết ngoan cố, Nguyên Thế Tổ còn cố gắng phục thù, bằng phương pháp tạm đình chỉ việc thôn tính Nhật Bản giốc hết thủy lục quân ở mặt trận Nhật dồn cả vào mặt trận Việt Nam, mong để phục thù vãn hồi lại tình thế.

Nếu như bảo rằng : « Lịch sử là một sự lặp lại » thì trường hợp nầy có những điểm dị đồng với thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh tái chiếm thuộc địa ở Đông Dương.

Điểm tương đồng : Chịu bỏ Đông Dương để giốc hết quân số và vũ khí sang tái chiếm Algérie.

Điểm dị biệt : Đem cái Đông Dương khi đã bại làm vật bảo đảm. Để lấy viện trợ tiền và vũ khí dùng cho việc tái chiếm Algérie. Nhưng rồi cả đôi « sôi hỏng bỏng không » thì lại là một chuyện ngoài ý muốn của họ.

1287.— Mùa xuân tháng hai. Thoát Hoan lĩnh 30 vạn quân do hai mặt thủy lục đánh vào Việt Nam lần thứ hai. Thoát Hoan chiếm lại Vạn Kiếp, lại xuống vây Thăng Long, nhưng không chiếm nổi, Trần Nhân Tôn lánh vào Thanh Hóa. Nhưng rồi bao nhiêu lương thảo của quân Nguyên bị Trần Khánh Dư phục kích phá sạch ở Vân Đồn.

1288—. Quân ta đại thắng quân Nguyên ở Bạch Đằng, thượng tướng Ô Mã Nhi bị bắt, năm mươi vạn quân Nguyên lại một lần nữa bị đánh tan ; Thoát Hoan cũng lại một lần nữa bỏ trốn về Tàu.

1289.— Sau khi đại thắng quân Nguyên hai lần, ta trao trả hết tù binh, rồi đặt lại liên lạc ngoại giao trên nguyên tắc bình đẳng.

Sau khi đọc hết bản so sánh sự việc trong đại cuộc kháng Nguyên của hai dân tộc Nhật Việt, đã được Ông Châm Vũ kê biên trong tác phẩm «Nhật bản sử lược Tập II trang 174», ta có thể nói mà không sợ sai lầm rằng :

Đại cuộc kháng Nguyên của dân tộc Việt Nam quả là trường kỳ và vĩ đại hơn cả dân tộc Nhật Bản.

Ấy thế mà các Sử gia Nhật khi chép lịch sử kháng Nguyên của họ, họ đã cố ý bỏ quên đi. Đành rằng khi chép lịch sử của mình, họ có quyền không nói tới. Nhưng họ không có quyền nhận xét sai lầm với những tương quan lịch sử. Ví dụ những câu:

«An Nam cũng bị nhà Nguyên thôn tính» và «Nhật bản là nước duy nhất ở Á Đông còn sót lại ở ngoài vòng Đế quốc Mông Cổ».

Để xác nhận thêm, ta hãy đọc lại lịch sử Nhật Bản:

Theo bộ sách «Mông Cổ chi lai tập» tiếng Nhật gọi là: «Môkô no Raishu» có đoạn chép như vầy:

Tới đầu thế kỷ 13, khi nhà Tống bắt đầu suy nhược để bị người nước Kim ở phương Bắc đánh thua phải chạy xuống miền nam lập nhà Nam Tống ở hạ lưu Dương Tử Giang thì đồng thời các bộ lạc du mục tại Nội, Ngoại Mông cố kết hợp nhau lại và trở nên cường bạo dưới quyền chỉ huy của Thành Cát Tư Hãn (Zingisukan).

Tướng này trước hết, đem quân lực đánh chiếm các nước phương tây rồi quay lại đánh chiếm nước Kim, thu phục Cao ly, diệt Nam Tống cai trị từ Vân Nam, Tây Tạng, An Nam ở phương nam Á Châu đến Nga La Tư, Ba Lan, các nước phương tây, tạo nên một vùng trời Đế quốc bao la, rộng lớn.

Lại ở một đoạn khác viết:

«Vào khoảng sơ kỳ của Liên Xương, Mạc Phủ tiều thời đại, nhất là trong những năm cuối thế kỷ mười hai nói chung về phía trời đông như Triều Tiên, Mãn Châu và Hoa Bắc thuộc về nhà Kim, Hoa Trung và Hoa Nam thuộc về nhà Tống, còn về mạng Bắc thuộc về các bộ lạc du mục tại Cao Nguyên Mông Cổ. Đến đời Thế Tổ Hốt-Tất - Liệt (Fubirai) Mông Cổ trở nên toàn thịnh, thống nhất được Trung Quốc, dựng nên nhà Đại-Nguyên, rồi đánh chiếm luôn các nước chung quanh, ngoại trừ Nhật Bản là quốc gia duy nhất còn sót lại .....».

Đọc lại đoạn văn trên đây, ta thấy có những ngộ nhận đáng tiếc của các Sử gia Nhật, đúng như lời nhận xét của ông Châm-Vũ trong bộ «Nhật Bản Sử lược» của ông.

Ông Vũ viết:

«Như vậy, về ghi chép chung của Sử liệu Nhật Bản, chỗ thì ghi rõ «An nam bị nhà Nguyên cai trị» chỗ thì ghi «đánh chiếm luôn các nước xung quanh Trung-Quốc»; tức trong đó có cả Việt Nam, chứng tỏ từ xưa tới nay, người Nhật Bản vẫn học và vẫn tin rằng, trong phạm vi Đế quốc Mông Cổ có cả Việt Nam. Và lại, theo mấy đoạn văn trích dẫn trên: «cả Á Châu chỉ Nhật Bản là quốc gia duy nhất không bị Mông Cổ đánh chiếm, cai trị».

Không bị người Mông Cổ hung hãn chiếm hầu hết Á và Âu cùng Trung Cận đông cai trị là ở trong hai tiếng «không bị» ấy có chứa đựng sự kiêu hãnh riêng của nước Nhật, mà dân tộc khác không có được».

«Trước minh chứng lịch sử, Việt Nam không bị nhà Nguyên cai trị, ngược lại, đại cuộc kháng Nguyên của dân tộc Việt, còn cứu được Đông Nam Á châu trước họa xâm lăng của đế quốc Mông Cổ, và còn giúp cho Nhật bản được dễ hơn trong cuộc chiến thắng Mông cổ. Vì khi Mông Cổ đại bại ở Việt Nam, Mông cổ phải đành bỏ mặt trận Nhật Bản để giốc toàn lực sang Việt Nam tái chiếm trả thù.

Ngoài những điểm trên, chúng ta cũng cần nêu một điểm sau này nữa.

Chương trình Mông Cổ thôn tính Á châu, được chia ra làm ba:

— Trước nhất là đánh Tàu (tiền chiến Trung nguyên).

— Thứ hai là đánh Việt Nam và Nhật-Bản (thứ chiếm Việt Nhật)

—Sau hết là Đông Nam-Á (hậu chiếm Đông Nam-Á)

Vì vậy, sau khi thôn tính được Trung Hoa rồi, Mông Cổ bắt đầu đánh Việt Nam lẫn Nhật Bản trong cùng một thời gian, như ta đã thấy ở bản kê niên biểu sự việc trên.

Lại theo lá thư của vua Mông Cổ gửi cho vua Trần Nhân Tôn trong năm 1182, xin mượn đường Việt Nam sang đánh Chiêm Thành, càng rõ ràng hơn nữa, Mông Cổ chỉ lấy Việt Nam làm bàn đạp để đánh xuống Đông Nam Á.

Bởi vậy, đã vì lý do nào mà buộc nhà Nguyên phải bỏ dở chương trình đánh Nhật và không thực hiện được mộng xâm lăng toàn cõi Á Châu ! Nếu không phải là chúng đã bị Việt Nam bẻ gảy trong bước đầu.

KẾT LUẬN

QUA những giòng lịch sử được trình bày trên, chúng ta có thể tạm kết luận rằng :

Công cuộc kháng Nguyên của Việt Nam đã làm tan vỡ chương trình thôn tính toàn bộ Đông Nam Á của Nguyên Thế Tổ và cũng có lợi cho Nhật Bản rất nhiều. Bởi lẽ rất giản vị là nếu Việt Nam bị thua để đến nỗi bị nhà Nguyên thống trị thực sự như sử liệu Nhật Bản đã ghi chép, thì tất nhiên nhân đà thắng ấy, quân Nguyên đã tràn thẳng xuống Đông Nam Á để thực hiện mộng xâm lăng vùng này và cũng sẽ dốc toàn lực sang đánh Nhật Bản lần thứ ba nữa (vì hai lần trước bị tố bão chiến thuyền bị đắm hết) để rửa cái nhục hai lần trước chưa đánh mà đã bị thua

Lúc bấy giờ Nhật Bản có bị Mông Cổ chiếm hay không, đó chỉ là một sự ức đoán. Nhưng có điều chắc chắn rằng, cảnh núi xương sông máu không sao thoát khỏi.

Cho nên việc đại thắng quân Nguyên luôn ba trận trong những năm 1257 — 1285 và 1288 của Việt Nam, không những tự cứu được mình mà còn tránh cho Nhật Bản và Đông Nam Á cảnh chiến tranh tang tóc nữa.

Một chính trị kiêm quân sự gia Đông phương cổ,—ông Vương An Thạch—có nói « Lấy chiến tranh để chấm dứt chiến tranh, thì chiến tranh ấy cũng là một sự hợp lý » (Dĩ chiến chỉ chiến, tuy chiến khả giả.)

Quả là đúng với cuộc kháng Nguyên của dân tộc Việt Nam vậy.

Sau cuộc chiến tranh Đông Dương (1946-1954) nhiều tài liệu được xuất bản ở Pháp, viết lại sự việc trong 9 năm kể cả trận Điện Biên Phủ một cách tương đối khách quan, và tôn trọng sự thật. Vậy ta thử so sánh :

— Một đường người Pháp, công nhận điều thất bại của mình cùng những sự thắng lợi của đối phương, để bảo tồn sự thật.

— Một đường người Nhật, không chịu nói sự thắng lợi của bạn, để độc chiếm địa vị ưu việt của mình.

Đứng trên quan điểm Sử học ta thấy hơn thua nhau ở chỗ đó.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1 — Nước Nhật Bản 30 năm Duy Tân . . ĐÀO TRINH NHẤT
2.— Nhật Bản Sử lược . . . . . CHÂM VŨ
3.— Việt Sử Tân biên . . . . . PHẠM VĂN SƠN
4.— Việt Nam Sử lược . . . . . TRẦN TRỌNG KIM
5.— Việt Nam Tranh đấu sử . . . . . PHẠM VĂN SƠN
6.— Âm Băng Thất toàn tập . . . . . LƯƠNG KHẢI SIÊU
7.— Thành tích Đức Thánh Trần : HỘI BẮC VIỆT TƯƠNG TẾ

trụ vũ

MÙA XUÂN BẮT CÁ

ĐÊM giao thừa—khoảng về sáng—ở nhà quê thật là tịch mịch. Văn nằm trên chiếc chõng tre nhà dượng Quản, thao thức. Một khung trời sao hình cửa sổ hiện ra trước mắt chàng. Mắt nhìn sao, Văn nhớ xa, nhớ gần. Chàng nhớ tới bữa ăn uống họp mặt vừa rồi, những gương mặt bà con quyến thuộc, cái không khí thân yêu. Chàng nhớ tới những hình ảnh xa xưa..

Quê ngoại của Văn là làng An Thượng. Một giải đất cằn cỗi dọc theo con sông Ô, ba bề là độn cát. Trên giải đất ấy sinh sống những người dân cày — phần đông là lam lũ — trong đó có những gia đình bên ngoại của chàng.

Làng An Thượng có nhiều chuyện huyền hoặc, liêu trai. Huyền hoặc, liêu trai như chính khu rừng nứa dọc bờ sông, khu rừng mù u trong làng. Có một vị thần đã *nhập xác* nơi đây, cách đây mười lăm năm. Ngô Sơn Đỉnh Thượng Thần. Nhập xác nơi ông Thầy Giải, vốn là một bác dân cày vô học. Những khi thần nhập vào ông ta rồi thì ông ta bèn lên ngồi kiệu son cắm đầy gươm sắc, múa bút thành văn, hàng ma phục quỷ, trói người bịnh vào thân cây chuối, múa thanh long đao chém phăng ba lát qua thân thể mà không đổ giọt máu nào. Ngô Sơn Đỉnh Thượng Thần hiển thánh suốt một thời kỳ mười năm. Vị ấy đã dựng lên một triều đại thánh thần huyền hoặc ngay trên giải đất nầy của một thời đại cơ khí văn minh. Có tích Hưng Đạo Vương hàng phục hai con voi dữ phá xóm phá làng ; hiện nay dấu tích xưa còn đó: hai tượng voi bằng đá quỳ gục trước đền Vương. Lại còn vỏ hạt lúa đời Thượng cổ lớn bằng trái dừa xiêm : nay vẫn thờ trong đền ấy.

CHUYỆN thần thánh ma quái đã nhiều, e nhiều hơn là chuyện người— mà chuyện thú vật cỏ cây cũng không hiếm. Văn còn nhớ chuyện con quái xà mồng đỏ mình dài chục thước, cái đầu ngỏng cao lên thấu đọt tre... Mỗi khi rắn xuất hiện tới đâu, gió thét mưa gào...

Có chuyện về cỏ cây mà như chuyện thần tiên quyến quyện diễm tình. Đó là chuyện cây Hà Thủ Ô, cũng gọi Dạ Giao Đằng. Xứ ngoại Văn tư bề rú cát, trên rú cát trắng phau có giống cây, thân, cành tựa như sắn. Cứ về đêm, khi thế nhân đều ngủ cả, giữa trăng sao huyền diệu, những cành Hà Thủ Ô lại vươn tới tìm nhau, hai cành giao một, chẳng khác chi đôi lứa nhân tình. Cây Hà Thủ Ô rễ sâu hàng chục thước, dân địa phương thường đào sâu lấy rễ đem về làm thuốc, uống vào tóc bạc hóa xanh.

Ngay nơi chỗ đất mà Văn đang nằm đây, mà mắt Văn đang nhìn thấy hiện ra lờ mờ dưới bầu trời sao đây, ngày xưa chàng đã sống, mà bây giờ còn lưu nhiều kỷ niệm. Chỗ đất nầy ngày xưa là nhà của cậu Cát, em thứ tư của mẹ chàng Cậu Cát là người hiền lành; phải cái điều là cậu hơi tham ăn và nệ cổ. Văn còn nhớ một kỷ niệm thiết tha : vào mùa đông năm 1947, năm khởi đầu cuộc chiến tranh. Một đêm rét mướt vô cùng, cậu Cát đã lui cui đi làm thịt con gà mái độc nhất của cậu để cho chàng ăn. Hai cậu cháu đã chia nhau ăn thịt con gà luộc nơi chỗ nền nhà nầy đây, bên bếp lửa. Ăn xong—trời lạnh buốt — cậu đã co ro trong áo tơi xông xáo qua bên ụ rơm nhà cậu Đại «ôm lén» về một bó rơm để trải cho hai cậu cháu cùng nằm. Cậu Cát hay cười, cậu tốt biết bao!

Cậu Đại đã chết rồi. Chết vì ho lao, vì chiến tranh. Cậu là người anh cả của mẹ, cậu giàu nhất làng. Theo định nghĩa, cậu là người «phú nông» nhưng Văn không thấy cậu «phú nông» ở chỗ nào. Văn chỉ thấy nơi cậu một người rất hiền, rất vui và rất vô tâm. Cậu Đại ưa khôi hài. Văn nhớ hồi Văn còn nhỏ, về thăm quê ngoại, được cậu dẫn lên «Dinh» (thành phố Huế). Có anh chàng bán phở rong mời cậu, cậu nghiêm giọng bảo rằng : «Chú đừng xúi bậy, Ăn phở «bầy choa» (chúng tôi) phở ghẻ ra thì làm răng» Và cậu cười thích thú. Ấy đại khái cái đời nhà giàu của cậu thì chỉ có chọc phá người ta bằng những câu cười Thế mà bom đạn nổ tan nhà cậu; bây giờ chỉ còn trơ một cái nền. Cậu không tỏ vẻ gì. Cậu chỉ cười xề xề. Nhưng chiến tranh dè mạnh lên mình cậu với gánh nặng kinh hoàng của nó; và cậu ho lao, lên Huế chữa mãi mà không lành. Chiến tranh (Việt Pháp) dứt rồi nhưng cậu cũng không còn.

CÁI nhà mà Văn đang nằm thao thức bây giờ đây là nhà dượng Quản. Dượng là chồng của dì Thu, em út của mẹ chàng Dì Thu ba mươi sáu tuổi mới lấy chồng. Năm năm chung sống, một mụn con trai. Hồi trẻ, dì đã từng bị điên và được ông Thầy Giải chữa bằng cách cột hai ngón chân cái bằng sợi tơ ngũ sắc rút lên đọt tre mà bắn vào mình mười hai mũi tên thần, bây giờ nơi bụng nơi lưng vẫn còn dấu vết. Thằng bé con dì tên là thằng Chó, nó thật thông minh láu lỉnh. Ai đời bé thế mà nó biết phân biệt tàu bay loại gì, viên đạn loại gì, nghe canh nông nổ thì phải núp làm sao. Nó giàu tình

cảm, hay tỏ ra quyến luyến dù là người lạ. Có điều nó rất sợ Tây. Hễ thấy «thằng Tây» (đôi khi dì Thu dẫn nó lên thành phố thì nó gặp lính Tây) là cái mặt nó xanh lè như máu rút đi đâu hết cả.

GƯƠNG mặt nó in khuôn dượng Quản Cũng đôi mắt thông minh, vừng trán cao, nụ cười vừa quả cảm vừa hiền (cố nhiên nó không « già » bằng cha nó!). Dượng Quản là người kháng chiến. Dượng đánh Tây; nhưng điều ấy không cấm dượng thờ phụng ông bà thân mến bà con. Và niềm mến thân từng có tỏ ra. Ví dụ như đối với gia đình Văn, dượng đã không ngại xa phương lặn lội lên tỉnh (kể từ ngày ngưng tiếng súng) đem biếu những con gà, những gói bột Hà Thủ Ô «để chị và mấy cháu dùng cho bổ khỏe». Thế mà trong khi đó dì dượng lại rất nghèo. Chẳng là từ ngày ngưng tiếng súng đến nay, dượng chẳng làm ăn gì ... Lui tới cũng chỉ ba thước vườn khô, thôi thì ra công vun xới «khai thác cho tận mức» đặng mà có thu về chút sắn khoai. Có ba cái dìa hoang đâu tận miệt Sịa, lâu lâu cùng với cậu Kính đi tát về một rổ cá tràu, cá trê. Thì cũng có sông ở ngay bên chân đó, có mấy quảng nước cạn có thể đơm cá buổi chiều. Nhưng nghiệt vì tình trạng phòng thủ «không tiện đốt đèn lên mà soi...» Nói chung thì đời sống « cầm chừng».

Có cái người tình cảnh chẳng khác chi dượng Quản, là cậu Kính. Ôi, Văn nhớ lại, thuở trước cậu Kính mộc mạc là dường nào. Thì bây giờ cậu cũng chẳng « phức tạp » chi, nhưng cố nhiên là tâm trí cậu cũng phải nặng chĩu suy tư nhiều bề hơn trước. Cậu Kính là em thứ ba của mẹ. Cũng như dượng Quản, cậu cầm súng đánh Tây để giữ gìn mảnh đất quê hương. Văn còn nhớ là thuở xưa cậu rất cưng Văn: thôi thì mứt ổi, gà xôi đủ cả. Tội nghiệp nhất là cậu rất đông con mà lại đau phổi; cứ động trời là cậu lại ôm ngực mà ho.

Bây giờ cậu Kính thiên cư (hồi xưa, cậu ở trên cái vườn nằm cách đây chừng trăm thước) về trú trên cái nền nhà gạch xưa của cậu Đại. Dựng trên ba cái cột tre, ba tấm tranh mà chui rúc tạm, chờ qua khỏi mùa mưa gió hẳng tính toan.

Kể ra thì không phải trong vòng bà con quê ngoại Văn chỉ toàn là những người hiền lành đáng mến. Trong ký ức của Văn còn ghi lại vài ba ảnh hình hung dữ. Nhưng trong đêm giao thừa yên tĩnh nầy, cái đêm thiêng liêng nhất của tâm hồn người Việt Nam, Văn muốn rằng mình không nên nhắc nhở chi đến những hình ảnh đó ...

LÚC nầy có lẽ đã tới ba bốn giờ sáng rồi. Đã có một đôi tiếng gà gáy vọng đâu đây. Trên trời sao đã nhạt đi một phần nào, có lẽ vì bầu trời đã bớt đen đặc, cái đen đặc của đêm ba mươi rạng ngày mùng một. Văn nằm một mình trong đêm yên tĩnh— để trí phiêu du trong cái thế giới quá khứ đầy những hình ảnh kỷ niệm mến thương êm đềm — để tâm hồn chìm đắm trong lỏng suối hoan lạc của tình quê hương ... Chàng nghe như từng ngọn lá cây đều đang cất tiếng thủ thỉ — trong im lặng — với chàng những nỗi niềm âu yếm. Chàng cảm thấy như tất cả những hình ảnh của quê hương : mảnh đất, luống cày, độn cát, dòng sông... đều đang hiện-lên-thành-hồn vây bọc lấy chàng...ấp ủ lòng chàng. Tự

nhiên lòng chàng thấy dâng lên một niềm tư cảm tha thiết xót xa. Văn bồng quẫn quại lo nghĩ về tương lai của những con người thân yêu của quê ngoại nầy; không biết rồi ngày mai họ sẽ ra sao ?

«Ngày mai họ sẽ ra sao?», Văn thiếp đi trong câu hỏi buồn đen đó.

CHỢT chàng thức tỉnh vì tiếng la hét bên tai :

— Dượng Quản ơi ! Dậy ! Dậy ! Mau ! Mau !»

Tiếng la hét của một đứa trẻ con, và Văn nhận ra giọng của thằng Hòa, con trai của cậu Kính.

Một giây sau, ngọn đèn dầu bật sáng. Dượng Quản đã ngồi dậy bên giường. Mặt dượng còn ngái ngủ. Thằng Hòa bước tới, đôi mắt tròn xoe. Nó ghé tai dượng Quản nói điều gì mà Văn nghe không rõ, đoạn nhếch nhếch cái môi có vẻ như cười.

Dượng Quản gật gật cái đầu: «Ờ được rồi, được rồi. Cháu lo đi kêu cha cháu và chú Cát đi»

Thằng Hòa gật đầu, rảo bước ra cửa. Văn nghe tiếng chân nó chạy. Dượng Quản đứng lên. Đằng này, Văn cũng bước xuống khỏi giường. Chàng lo có việc gì quan trọng xảy ra ... Thấy chàng, dượng nói: «Đi cháu !» và kéo tay chàng bước nhanh ra cửa. Tới hiên, dượng Quản với tay cầm lấy một cái đơm treo trên vách rồi bước ra vườn, đi theo con đường mòn dẫn xuống bến.

Khi Văn theo dượng Quản xuống gần tới bến thì đã gặp cậu Kính, cậu Cát và ba người đàn ông nữa đứng ở đó rồi. Một giây sau lại có thêm bốn năm đứa trẻ theo thằng Hoà chạy tới.

Cậu Kính nói :

«Suỵt ! Tụi bay đừng làm ồn, nó chạy mất bây giờ». Nghe lời cậu, bọn trẻ giữ im lặng. Quanh con đường xuống bến nước, trời đã sáng mờ mờ. Ánh sáng rạng đông chiếu lên bọn người vừa đàn ông vừa trẻ con cùng họp thành một vòng tròn, nét mặt ai nấy đều có vẻ khẩn trương.

Bấy giờ dượng Quản lên giọng nói :

— « Anh em nghe tui. Lần ni đừng để trật. Nghe tui bố trí : Anh Kính, chú Dự, chú Họ : bên trái ; anh Cát, chú Lợ, tui : bên mặt. Leo lên bưng lồ ô mà đi. Thiệt nhẹ. « Canh » cở năm thước mà xuống rồi lội từ từ lại. Hai bên xáp vô bến cho đều nhau, theo hình cánh cung. Đừng có kẻ trước người sau mà để hở vòng vây đa nghe ! Lần ni ráng cho được. Để tuột luột mấy lần rồi, tức lắm ! »

Liền ngay đó mọi người làm theo lịnh dượng Quản. Cả dượng cũng theo họ, leo lên bưng lồ ô, phía mặt. Họ bước đi nhẹ như chân mèo. Văn lo lắng không biết họ làm gì, nhưng không dám hỏi. Chàng thấy họ gấp rút quá. Trong khi đó thì bọn trẻ con cùng đi lần xuống bến ; khi tới gần chừng năm thước, chúng cẩn thận dừng lại và cùng nằm sấp xuống, ngước cổ lên mà nhìn.

THỜI gian như kéo dài ra ; một phút trôi qua mà Văn tưởng như cả giờ.

Chẳng bao lâu, trước mắt chàng, trên mặt nước yên lặng đã hiện ra sáu cái bóng, sáu cái đầu người. Họ có vẻ như không chuyển động. Tuy nhiên, sự thực là họ đang từ từ tiến tới, vì mắt Văn thấy cái hình cánh cung chỉ còn lại chừng bằng cái nia...

Thế rồi thì... ầm một cái.

Trong ánh rạng đông, cả sáu cái dơm cùng đưa lên, tròn vành vạnh, nhọn chơm chởm, và chụp nhanh xuống nước, rất đều không có cái trước cái sau. Sáu cái dơm lao cùng một lúc xuống nước, nước bắn lên tung toé, gây nên một tiếng động... khó so sánh. Đồng thời, một tiếng hét lên, vô cùng hoan hỉ :

— «Được rồi!»

Dượng Quản đi lên trước. Mặt dượng hớn hở coi đến vui lây. Dượng nói với Văn :

— « Có rứa chớ, không lẽ mình đãi từng là chiến sĩ học rành quân sự mà thộp không nổi hắn à? Hai lần trước trật nhưng mà lần nầy thì phải được, kiên gan là phải được ».

— « Thôi, trưa ni thì dượng cháu mình có «chiến lợi phẩm» mà xài rồi ! »

Văn hỏi :

— Nhưng cái chi rứa dượng ?

Dượng Quản cười hà hà :

— « Cái chi à ? Con cá tràu chớ cái chi ? Coi tề !»

Văn đưa mắt nhìn xuống bến. Thì quả nhiên, trên tay chú Lự, người vừa hét «Được rồi ! » đang cầm một con cá tràu thực.

Một con cá tràu to bằng cổ tay một... đứa trẻ con.

hãy đọc: LIÊN HOA NGUYỆT SAN

Cơ quan phát huy văn hóa Phật giáo

Chủ nhiệm : THÍCH ĐÔN HẬU
Tổng thư ký : THÍCH ĐỨC TÂM
Quản lý : THÍCH NỮ DIỆU KHÔNG
66, CHI LĂNG hộp thư 24, HUẾ

nói với tuổi hai mươi

NHẤT HẠNH

V

TÔI cũng ưng định nghĩa thương yêu như một trong những nhu cầu trọng yếu của con người nên tôi không chịu người ta nói đến *bổn phận thương yêu*. Ví dụ cha mẹ có bổn phận phải thương yêu con, hay loài người có bổn phận phải thương yêu nhau, hoặc con người có bổn phận phải thương yêu đấng Tạo hóa. Tôi nghĩ thương yêu là một cái gì tự nhiên, không thể bắt buộc, không thể nói là một bổn phận. Không ai có thể bắt tôi thương yêu được một đối tượng mà tôi không thể thương yêu, mà tôi không muốn thương yêu. Tuy nhiên nếu có lúc ta không thấy được chính những nhu yếu của chúng ta thì cũng có thể có lúc ta không thấy được rằng ta vốn có sẵn tình thương yêu với đối tượng mà hiện nay ta không hoặc chưa cảm thấy yêu thương. Vì lý do đó cho nên người ta có thể đánh thức dậy tình thương yêu sẵn có ở trong ta đối với một đối tượng nào đó bằng cách chỉ cho ta thấy rõ đối tượng đó hơn hoặc bằng cách khai mở và hướng dẫn cho nội tâm ta. Nhưng công việc này chỉ có thể thành công khi nhu yếu kia là một cái gì thực có tiềm tàng trong ta. Ví dụ có một người mẹ ghẻ chưa bao giờ thực sự yêu con, và suốt trong đời sống của người con, người mẹ ghẻ kia chỉ là một hình ảnh của một ác mộng dài thì dù ta có khuyên bảo gì đi nữa người còn cũng không thể nào thương yêu bà mẹ kia với tình con thương mẹ được. Trong thực tế chúng ta thấy có những đứa con thương yêu bà mẹ nuôi một cách thắm thiết trong khi không muốn công nhận bà mẹ đẻ của mình. Như thế là vì trong cuộc đời ấu thơ của chúng, trong những lúc đau khổ của chúng, bà mẹ nuôi đã đến như một dòng suối ngọt, như một bóng mát Khổ đau, ngọt bùi, ân nghĩa và kỷ niệm đã là miếng đất trong đó hạt thương yêu đã được gieo và được mọc. Tình thương rõ rệt là một nhu yếu. Sở dĩ lắm lúc con người tỏ ra bất nghĩa, vô tình là vì có những cái màn vô minh nào đó, hoặc một tâm trạng u sầu, lo lắng, bực rọc hay đam mê nào đó tới che lấp đi mà thôi. Những tâm trạng đó lắng xuống, những tấm màn kia lột đi thì nhu yếu thương yêu nọ lại được phát hiện rõ ràng trở lại.

Có người nói rằng hạnh phúc chỉ là một danh từ hoa mỹ không có thực chất, người ta chỉ có thể ao ước mà không bao giờ đạt tới được. Tôi thấy điều đó là *không đúng* và tôi nghĩ rằng chỉ vì quá tham lam quá dại khờ và quá vô minh cho nên người ta mới không thấy được hạnh phúc, hạnh phúc ngay trong giây phút hiện tại. Trong chúng ta bất cứ ai cũng đã có trong tầm tay mình một số lượng hạnh phúc nào đó, nói đúng hơn là một số điều kiện nào đó của hạnh phúc mà ta có khi không biết. Cố nhiên là trong lúc ấy chúng ta cũng có thể có những niềm đau khổ của chúng ta, những niềm đau khổ phần nhiều do nhận thức của chúng ta tạo nên. Chỉ cần *mở mắt* ra, chỉ cần *nhận thức* cho chính xác, chỉ cần *có ý thức* về những hạnh phúc mà chính ta đang có thì ta đã trông thấy được diện mục của hạnh phúc rồi. Một bà mẹ ngọt ngào như giòng suối, một buổi mai thơm mát và lành mạnh, một mầu xanh của núi rừng, ruộng đồng hay biển cả, một buồng phổi tốt không nám cũng không có lỗ thủng, một bàn tay có thể làm phát ra bất cứ một âm thanh nào hoặc trong suốt như ngọc thạch hoặc cao vút như sao trời, một người bạn có thể trao đổi tâm tình, một cuốn sách chứa đầy một kho hiểu biết, một tờ lá thắm, một dòng nước trong... và nhiều nữa, nhiều không đếm xiết, tất cả đều có thể là những nguồn hoan lạc chỉ chờ ta mở rộng tâm hồn đón lấy. Yếu tố lớn nhất để tạo nên hạnh phúc là ý thức về hạnh phúc. Có những kẻ sống trong thiên đường mà không biết mình sống trong thiên đường, cứ dại dột tạo cho mình một thế giới bất mãn bực rọc — thế giới của cố chấp, hẹp hòi, tham lam và vội vã. Yếu tố thứ nhì của hạnh phúc là biết rõ được con người của mình có những nhu yếu nào trong lãnh vực khám phá và thương yêu và hưởng về sự thực hiện những nhu yếu ấy, những nhu yếu đích thực là nhu yếu, nghĩa là những nhu yếu bảo vệ và bồi đắp sự sống, sự vươn lên của mình. Như thế, sức khoẻ, trí tuệ và tình thương những hoa trái gặt được sẽ là dấu hiệu của hạnh phúc chân thực.

CÀNG khám phá càng hiểu biết con người càng thoát khỏi cái vỏ bản ngã chật hẹp và nghèo nàn của mình để vươn tới thể nhập với những hiện tượng khác trong vũ trụ, cùng có tính cách phóng khoáng bao la như vũ trụ Trong ngôn ngữ Pháp, chữ *comprendre* có mang ý nghĩa ấy. *Com* là cùng với mình, *prendre* là nắm lấy, và như thế hiểu biết một vật gì là mình cùng đồng nhất với vật ấy—cũng có nghĩa là nới rộng bản ngã của mình ra tới vật ấy. Thương yêu cũng vậy, càng thương yêu con người càng thoát khỏi cái vỏ bản ngã chật hẹp và nghèo nàn của mình để vươn tới thể nhập với những hiện tượng khác trong vũ trụ, cùng có tính cách phóng khoáng bao la như vũ trụ. Thương yêu cũng là nới rộng bản ngã mình tiến tới đồng nhất với đối tượng. Và đối tượng càng to rộng thì mình càng trở thành to rộng.

Nếu khám phá và hiểu biết là một nguồn hạnh phúc thì thương yêu cũng là một nguồn hạnh phúc — hạnh phúc trong ý nghĩa thỏa mãn được nhu yếu của mình. Hạnh phúc, về phương diện tình cảm, là yêu thương và được yêu

thương...Được thương yêu là ngọt ngào nhưng thương yêu không phải chỉ là ngọt ngào. Yêu thương cần nhiều nỗ lực, cần nhiều cam đảm, cần nhiều chịu đựng. Yêu thương là chịu trách nhiệm, là che chở, là hy sinh: tất cả những thứ đó đều là những yếu tố cần thiết để thương yêu, nghĩa là để thỏa mãn nhu yếu thương yêu, nhu yếu vươn tới đồng nhất với đối tượng. Người đầu tiên dạy cho ta yêu thương là bà mẹ. Ta sinh ra đời nhỏ bé, mong manh, yếu đuối, không có khả năng tự vệ. Những cảm giác đói, khát, đau đớn, thiếu thốn của chúng ta được mẹ hiểu, được mẹ lo lắng, được mẹ đối phó. Ta cần mẹ, ta thiếu mẹ và ta yêu mẹ. Khi ta cần mẹ, thiếu mẹ ta chỉ cần mở miệng khóc. Mẹ xuất hiện liền bên nôi như một thiên thần. Ta cảm thấy đầy đủ, sung sướng. Vậy tình yêu phát xuất từ sự cần thiết, từ sự thiếu thốn, từ sự đau khổ. Tình yêu được thành hình rồi lớn lên trong đắng cay trong ngon ngọt, trong kỷ niệm và trong ân nghĩa. Sự ngọt ngào tự nó không thể hiện hữu. Sự ngọt ngào phải nương trên sự đắng cay sự khao khát. Một ly nước chanh không thể ngon nếu không có sự khát nước. Khi ta lớn lên, mạnh chân khoẻ tay, có đủ sức tự vệ, ta ít cần đến cha mẹ hơn, và theo lý ta ít yêu cha mẹ như xưa. Nhưng mà cái nguồn suối ngọt ngào ấy ít khi khô cạn. Nếu ta trở về, ta vẫn cảm thấy nó còn là một kho tàng hạnh phúc của ta. Khi con khôn lớn, mẹ vẫn cần con dù con đã ít cần tới mẹ. Con có những thứ *cần* mới, và con không tập trung cái nhìn nơi mẹ, nơi bầu sữa mẹ nữa. Và nhiều bà mẹ cũng thấy khổ đau vì sự kiện tầm thường nhưng hiện thực đó.

NHƯNG trong tình yêu ngoài sự ngọt ngào, còn có kỷ niệm, còn có ân nghĩa. Vì vậy cho nên tình yêu cha mẹ của một kẻ lớn khôn vẫn có thể còn đậm đà, tha thiết, tuy bản chất đã không thể còn giống như bản chất của nó hồi con còn thơ ấu vụng về. Tình yêu ấy, kỷ niệm và ân nghĩa ấy lắm khi đậm đà thiết tha khiến cho nhiều lúc đứa con tuy đã khôn lớn vẫn không chịu nhận mình là khôn lớn trước người đã thương yêu mình, đã là nguồn suối ngọt ngào cho mình từ khi mình còn măng sữa. Dù lớn bao nhiêu, tôi vẫn là con của mẹ. Có khi những bực dọc những lo lắng những bận rộn những phiền muộn của cuộc đời làm lu mờ mọi kỷ niệm buồn vui, mọi ân nghĩa thâm sâu, và người con có thể trong những lúc đó nhìn người thương yêu của mình như nhìn người xa lạ. Điều ta có thể trách cứ là sự dại dột mà không phải là sự bội bạc. Bội bạc thật ra chỉ là hậu quả của một sự mờ ám, dại khờ. Chỉ cần một sự lắng lòng, chỉ cần một sự trở về là lòng ta lại tràn ngập yêu thương, và ta lại tìm thấy nguồn hạnh phúc. Em đã bận rộn quá, em đã phiền muộn quá, tôi biết điều đó. Nhưng bận rộn và phiền muộn để làm chi, nếu không phải là để mất hết những gì quý giá nhất trong đời em ? Em than phiền rằng các bậc cha mẹ hiện giờ không hiểu thấu được lòng em và có cảm nghĩ là không thể bắc được một cây cầu cảm thông. Có cây cầu cảm thông nào mà không cần đến chất liệu thương yêu. Em như thế, thái độ em như thế, tâm

hồn em ơ thờ lạc lõng nguội lạnh như thế, làm thế nào mà cảm thông.Cha mẹ có thể không hiểu ta mà vẫn cứ tưởng là hiểu ta. Thì ta cũng có thể không hiểu được cha mẹ mà ta vẫn giản dị nghĩ rằng ta hiểu cha mẹ. Tôi chắc các bậc cha mẹ có cố gắng và nhẫn nại về phần họ. Chúng ta nên có cố gắng về phần ta. Em nóng nảy, bực dọc và phiền muộn làm chi. Nên lắng lòng lại, đi tìm yên tĩnh mà nghĩ đến ân tình và kỷ niệm. Niềm thương yêu sẽ trở lại, rồi em sẽ cố gắng về phần em. Không nên thất vọng, không nên càng lúc càng vùng vẫy một cách tuyệt vọng. Các bậc cha mẹ cũng đã trải qua nhiều đau khổ, thắc mắc và lo âu của họ. Đôi khi những thứ đó là vì ta, dù là đau khổ thắc mắc và lo âu không đúng cách, không có hiệu quả. Nghĩ đến điều đó, nghĩ đến những nếp nhăn trên trán họ, nghĩ đến những ngày tháng sắp đến của cha mẹ, đến sự vắng mặt vĩnh viễn của cha mẹ sau này, nghĩ đến ân tình kỷ niệm trong suốt một thời gian thương yêu lo lắng khổ đau mà phát lòng hối hận, rũ bỏ bớt bận rộn phiền não, trở về thương yêu lấy người đã sinh dưỡng mình. Tôi biết trong lòng em có thương yêu, nhưng bề ngoài em lại có vẻ ngủng ngẳng, bất cần, đôi khi tàn nhẫn nữa. Tôi cũng biết rằng cái bề ngoài ấy là biểu lộ của những khắc khoải, đau xót, oán hờn và cô đơn mà thời đại đã ghi đậm nét trong tâm em. Và chính những thứ đó đã không cho em tĩnh tâm nhìn thấy sự thực cũng như mặt hồ nổi sóng không phản chiếu được hình ảnh tròn trịa của mặt trăng đêm rằm. Tình yêu là thần dược mầu nhiệm có thể chữa lành những thương tích tâm hồn của em. Tôi nhớ cái lần đầu tiên đọc xong bộ sách *Lý Thường Kiệt, lịch sử ngoại giao triều Lý,* của Hoàng Xuân Hãn, tôi bỗng thấy tâm hồn rung động và tràn đầy cảm thương. Tiền nhân của chúng ta đã khai sơn phá thạch đem xương máu tâm huyết bảo vệ từng tấc đất, phấn đấu bằng trăm mưu nghìn kế để chiếm lại từ Bắc phương những dãy đất nhỏ xíu, hiểm trở, giữ gìn những miếng đất ấy dù phải bỏ xương tàn nơi chốn rừng thiêng nước độc. Tiền nhân đã tổ hợp lại, tự lực tự cường giữ gìn phương Bắc và bành trướng về phương Nam. Sau được nghe những câu ca dao miền Nam, đọc truyện của Sơn Nam, tôi cũng thấy cảm thương khi gợi lại hình ảnh của những con người phấn đấu với sình lầy, với muỗi mòng, với bệnh rét rừng và muôn ngàn tai nạn khác để mở rộng đất sống về phương Nam. Giải đất cẩm tú ngày nay đã là công trình xây đắp của bao nhiêu thế hệ đi trước. Chúng ta sinh ra trên mảnh đất này, ăn, chơi, ca hát, ngủ nghỉ, làm việc trên mỗi tấc đất đã từng thấm mồ hôi, nước mắt và xương cốt của những thế hệ trước. Nếu chúng ta quên lãng quá khứ, quên lãng lịch sử, quên lãng những hy sinh những khổ đau những kỷ niệm vui buồn những ân nghĩa tổ tiên và giống nòi, thì cũng giống như những cái cây không đâm rễ sâu được xuống lòng đất, càng ngày càng héo khô lạc lõng, thiếu chất liệu tình cảm cần thiết cho một cuộc sống. Có những miếng đất tuy nghèo nhưng không ai muốn bỏ để đi làm ăn nơi khác chỉ vì một lý do duy nhất là tổ tiên ông bà cha mẹ đã ở tại

đó lâu đời, miếng đất đã chôn dấu bao nhiêu khổ vui bao kỷ niệm bao ân tình bền chặt. Lại có những miếng đất trên đó người tứ xứ đến làm ăn thịnh vượng, buôn bán, trao đổi gặp gỡ nhau trong một thời gian rồi ai về xứ đó. Như Dalat, như Vũng Tàu chẳng hạn người ta đổi chác làm ăn với nhau trên bề mặt, không ai có gốc rễ sâu xa ở những nơi như thế, không ai bị ràng buộc vào miếng đất ấy với tất cả tiềm thức sâu xa của họ, cho nên cũng như hoa anh đào nở rồi tàn, tình người ở các nơi ấy rất mỏng manh và thay đổi. Không nhà văn hóa nào lại có thể muốn chọn những nơi ấy làm thủ đô văn hóa của một dân tộc có lịch sử, phải không em.

NHẤT định là tình yêu đất nước và dân tộc nằm sẵn trong em, trong xương tủy em, trong mạch máu em. Nhưng ma những hình ảnh của khổ đau, của máu xương của kỷ niệm của ân tình rất cần thiết để gọi những gì tiềm tàng trở thành hiện lực. Những cuốn sách như cuốn Lý thường Kiệt chẳng hạn, không phải được viết nên để phô bày một cai biết của tác giả. Người viết cũng được thúc đẩy bởi thương yêu, rung cảm; người đọc cũng nhờ đó mà đánh thức dậy tình yêu đất nước dân tộc... Văn hóa dân tộc chắc chắn là văn hóa của tình yêu, tình yêu đất nước, tình yêu quê hương, tình yêu tổ tiên, tình yêu đã nuôi dưỡng chúng ta và sẽ còn nuôi dưỡng chúng ta.

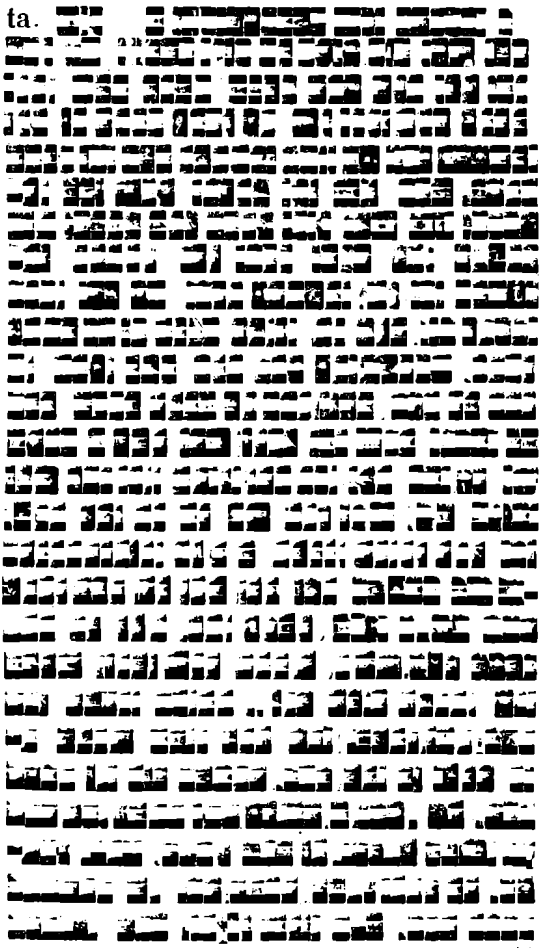

Thương yêu như tôi đã nói, không phải chỉ là ngọt ngào. Thương yêu còn là nỗ lực, nhẫn nhục, can đảm, hy sinh Và bởi vì thương yêu như thế cũng là một nhu yếu lớn của bản thể em cho nên em không thể không thương yêu, không thể không chấp nhận một sự dấn thân cần thiết.

giữ thơm quê mẹ
NGUYỆT SAN PHÁT HUY VĂN NGHỆ DÂN TỘC
càng ngày càng khởi sắc
số 10 phát hành 1-4-1966

erskine kaldwell

KHI EM NGHĨ ĐẾN TÔI

MẢNH đất mùa xuân ẩm ướt trôi ngang khung cửa như một con sông rộng đang cuồn cuộn chảy.

Ngồi nghiêng mình trên toa xe lửa chật hẹp, Ted Burton nóng nảy chờ xe đến bến Khuôn mặt rám nắng của chàng căng thẳng vì kích thích. Chàng hít một hơi thuốc khác và tì vừng trán suy tư vào khung cửa kính Chàng vừa ngắm nhìn giải đất phẳng ấm áp trước mắt vừa mấp máy môi một cách xúc động. Chàng có thể trông thấy từng vũng nước mưa lóng lánh trong những ruộng mới cấy, những cây ăn trái đang nở hoa và những bụi cây xanh trong các dãy hàng rào; tuy nhiên, chàng khó mà tin rằng, cuối cùng, hiện giờ chàng đang từ trận chiến trở về nhà.

Người phu da đen mang hành lý của chàng ra cửa xe.

« Chúng ta còn cách Ridgeway bao xa ?». Đây là lần thứ ba Ted hỏi câu này trong buổi sáng đó.

«Không xa đâu», người phu liếc nhìn ra khung cửa đáp. Đằng kia là giải ruộng ngô rộng lớn. Ở đó dường như người ta trồng tất cả ngô trên thế giới. Khi đi qua đó, chắc chắn Ridgeway sẽ hiện ra trước mặt chúng ta. Có phải Ridgway là nơi ông sống không thưa Hạ Sĩ ?»

«Dĩ nhiên !», Ted trả lời. Chàng ngắm nhìn giải ruộng ngô trong giây lát. «Không biết thành phố có thay đổi nhiều không kể từ khi tôi đi.»

«Không đâu, thưa ông! Thành phố không thay đổi đâu. Trong vùng này không có gì thay đổi nhiều đâu. Theo tôi nhớ thì thành phố hiện vẫn như trước và sẽ như thế mãi. Chắc chắn là tôi ghét sống nơi này nếu phải thấy nó thay đổi dù tốt dù xấu Nếu có thay đổi thì chỗ này không còn là một nơi như trước nữa ».

« Tôi thiết tưởng bác đúng, » Ted đồng ý « Tôi cũng hài lòng là thành phố không thay đổi. »

« Hạ sĩ đã xa Ridgeway và vùng này lâu rồi phải không ? »

« Bốn năm », Ted đáp lời bác phu với một cái gật đầu. « Và khoảng thời gian ấy cũng khá dài rồi. »

« Suốt thời gian đó ông ở dâu ? Tận một nơi ở bên kia bờ thế giới phải không ? »

« Đúng đấy. Phi châu, Ý, Pháp. »

« Ối chào ! Bây giờ có thể ông sẽ không hài lòng ở lại cư trú trong một xứ nhỏ như Ridgeway sau khi được qua những nơi rộng lớn của hoàn cầu. »

« Đừng bận tâm đến điều ấy », Ted nói với một cái lắc đầu nhanh. « Tôi đã sẵn sàng chịu sống an phận rồi, và chỉ có quê nhà là nơi hợp ý nhứt »

Ted quay nhìn ra cửa lần nữa. Lần này chàng có thể nhận rõ những dấu vết quen thuộc của mảnh đất chàng ở — những dấu vết mà chàng thường nghĩ đến và sợ không được nhìn lại. Kìa là giòng suối Churchman ! Và trại của Palmer ! Và ô kìa, con đường mòn dẫn đến nhà của Jim Foster !

Chàng nín thở, tim chàng đập một cách đau đớn. Phong cảnh chuyển động linh hoạt mờ dần. Chàng lấy tay dụi mắt.

« Jim », chàng thì thầm nói, « Jim, tao ghét trở về như thế này mà không có mày. »

Cuối cùng chiếc xe lửa chạy chậm lại. Ted sửa lại y phục đang mặc, say sưa nhìn những căn nhà rải rác hiện ra ở nơi miền ngoại ô. Rồi đột nhiên thành phố hiện ra.

Kìa là kho thóc xơ xác — cái sân nuôi bò với dãy hàng rào cao — những thảm cỏ vén khéo sạch sẽ quanh các bồn xăng to lớn. Mọi vật đều ở nguyên chỗ cũ mà suốt trong bốn năm qua chàng đã hồi tưởng đến hàng mấy trăm lần.

Tiếng thắng nghiến trên bánh xe và người phu nhẹ dẫy chàng ra khỏi cửa toa. Sau lưng chàng tụ tập nhiều chiến sĩ cũng từ trận chiến trở về mà hầu hết chàng chỉ hơi quen mặt. Một lát sau xe ngừng và mùi gay gắt ấm ám của đất bay ngược vào mặt chàng khi cửa mở. Không để ý đến hai bậc thang cuối, Ted nhảy xuống đất và cảm thấy gót chân mình chạm phải mặt đất rải rác sỏi xám. Từ trong đám đông của những bộ mặt xa lạ trước mặt chàng hiện ra bốn con người mà chàng có thể dễ dàng nhận ra ngay, bất cứ gặp nơi nào trên thế giới. Em gái và em trai chàng mừng rỡ ngả mạnh vào chàng, quàng tay quanh người chàng làm chàng suýt ngã. Những người lính khác cũng nhảy ra khỏi xe và khắp nơi xung quanh chàng nghe tiếng kêu gọi inh ỏi.

Chàng thấy mẹ chàng chạy đến với chàng. Bà nức nở khóc vì vui mừng xúc động.

« Teddy ! Ồ Teddy ! » Chàng nghe mẹ chàng kêu lên.

« Mẹ », chàng thì thầm và nghe giọng mình trở thành ấm ức nghẹn ngào. Chàng biết lệ đã tuôn trên mặt chàng nhưng lúc nầy chàng không thẹn vì nó. « Mẹ, con rất mừng được trở về nhà » — Đến đây chàng nức nở hơn nên không thể nói trọn câu.

« Phải đấy, Teddy ạ ! » Mẹ chàng lập lại nhiều lần, «Phải đấy».

Khi chàng nhìn lên, nhấp nháy mắt trong ánh mặt trời rực rỡ buổi sáng thì ông Henry Burton đã đứng cạnh chàng

cười vui vẻ. Cha chàng trông già hơn trước và tóc ông đã bạc, tuy nhiên ông không thay đổi nhiều.

«Cha» Ted kêu lên, choàng tay ôm cha chàng. «Ồ, cha ơi»

Chàng muốn nói thêm điều gì — để tỏ cho cha chàng biết là chàng vô cùng sung sướng được gặp lại người sau suốt thời gian xa cách.

«Ồ, cha ơi!» — chàng nói lần nữa.

Một nhóm phụ nữ bồng bột đổ xô đến bên Ted và chìa cho chàng cả một ôm hoa. Chàng lúng túng nhận lấy.

«Xin chào mừng những vị anh hùng của chúng tôi với hoa này!», một người trong đám phụ nữ nói. «Chào mừng hạ sĩ Burton!»

«Nhưng tôi không thích như thế này» — chàng cố phản đối.

Nhóm phụ nữ đã rời bước đi nơi khác trước khi chàng có thể từ chối và trả lại hoa cho họ. Chàng để ôm hoa vào tay mẹ chàng.

«Mẹ ơi, họ nhầm rồi!», chàng nói một cách nặng nề, «con không thể để cho họ đối xử với con như một vị anh hùng được, họ không biết họ đang làm gì cả. Những người khác kia, mẹ ơi. Họ không trở về. Họ mới là những anh hùng — Những người ấy kia. Jim Foster»

«Teddy, đừng quá ưu phiền, con» mẹ chàng nhỏ nhẹ an ủi. Bà đặt bàn tay lên trên tay chàng. «Mọi người đều có ý tốt cả. Họ chỉ muốn tỏ lòng biết ơn đối với tất cả trai tráng trở về nhà. Ai cũng đều biết có vài người không trở về»

«Nhưng họ không hiểu, mẹ ơi. Những người xứng đáng với tất cả cái này — họ đều chết cả! Mẹ không hiểu sao, hở mẹ? Những người thật xứng đáng đều chết cả! Mẹ không hiểu sao, hở mẹ? Những người thật xứng đáng đều chết cả! Nói cho họ biết điều đó đi mẹ! Đừng để cho họ tiếp tục như thế! Ngừng họ lại đi mẹ!»

Nắm lấy tay chàng, bà nhè nhẹ dẫn chàng đến chỗ đậu xe hơi cuối ga. Nước mắt rơi xuống mặt chàng và người chàng run lên vì nức nở. Chàng bước đại vào chỗ ngồi phía sau, và trong chốc lát, Towser con cho giống Husky to lớn đã nhảy chồm vào người chàng, Con chó Towser liếm khuôn mặt đầy lệ của Ted và chàng choàng tay ôm nó.

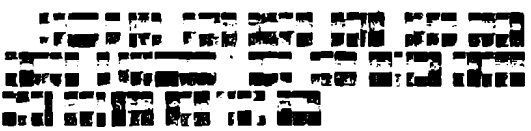

Con chó sủa lên, giọng nói quen thuộc của chàng càng làm nó mừng rỡ.

«Mày thằng ăn hại!» Ted nói, chàng ôm chặt thân con chó vào hai cánh tay. «Mày thằng lộn xộn! Làm sao mày nhớ tao sau suốt thời gian xa cách?»

Chàng có thể cảm giác được rằng: Sis và Tommy đang quây quần ngồi hai bên chàng.

«Tao thật nhớ mày quá!» chàng nói với Towser, «tao mong mầy ở cạnh tao. Ở những nơi vừa qua nhiều lúc tao cảm thấy cô độc quá. Mày hiện đang làm gì lúc ấy hở! Rượt bắt thỏ khắp nơi trong vùng, phải không?»

«Teddy, con biết vài cô gái», chàng nghe mẹ chàng nói.

«Con còn nhớ Florence Warren không? Mẹ vừa gặp Nancy Glennon trước khi

chuyến xe đến. Con không muốn nói với họ à !»

Lắc mạnh đầu, chàng dúi mặt sâu vào bộ lông dày của con Towser. Chàng cảm thấy mẹ chàng kéo tay chàng. Chàng ngồi dậy và nhìn xung quanh.

«Teddy, đây là ông và bà Foster—song thân của Jim, bà nói. «Hai ông bà muốn bắt tay chào con.»

Chàng trố mắt nhìn ông và bà Foster. Hai người đang mỉm cười vui vẻ với chàng, chàng cảm thấy họ nắm chặt tay chàng.

«Chúng tôi rất sung sướng vì cháu đã trở về, Teddy», bà Foster nói. Chàng thấy lệ trào ra khóe mắt bà và cố nhìn bà «Tôi biết cha mẹ cháu rất hãnh diện và sung sướng vì cháu đã về».

Mẹ chàng hối hả đóng cửa xe lại, cha chàng rồ máy. Họ đi qua một công viên nhỏ trước tòa án và lái lên một con đường có bóng cây. Trước khi Ted nhận định được điều gì đã xảy ra, chiếc xe đã ngừng trước một chòi tranh trắng nhỏ. Sis và Tommy mở cửa và nhảy ra ngoài.

«Tại sao chúng ta lại ngừng đây, cha ?» chàng thắc mắc hỏi.

«Tại sao, Teddy, đây là nơi chúng ta sống hiện tại», mẹ chàng nói. «Đây là nhà chúng ta».

«Nhà ?» chàng lập lại, lắc đầu.

«Phải đấy Teddy» bà nói khẽ. «Hiện chúng ta sống trong thành phố. Từ hai năm nay».

«Nhưng con đâu có biết» — chàng nói ngập ngừng.

«Phải đấy, Teddy. Chúng ta đã sống ở đây khoảng chừng hai năm rồi. Mẹ có viết cho con về tất cả việc nầy lâu rồi. Con không nhớ sao, Teddy ?»

«Không», chàng nói trong buồn thảm Chắc con không nhận được bức thư ấy. Có lẽ nó lạc đâu mất. Và lúc nào con cũng nghĩ đến cái trại».

«Cái trại vẫn ở chỗ cũ, con ạ», cha chàng nói cho chàng tin hơn. «Mọi vật đều như xưa kể từ khi con đi. Không có gì thay đổi cả. Mọi vật đều như xưa. Cha lái xe ra đó hầu như mỗi ngày để xem sự vật thế nào. Mọi vật đều tốt đẹp cả con ạ».

Ted ra khỏi xe, con Towser theo sau gót chân chàng, chàng đi vào một căn nhà trông xa lạ với cha mẹ chàng, Sis và Tommy. Chàng không thể nói cho mọi người biết là chàng rất thất vọng vì chàng sợ họ sẽ không hiểu.

« Con sẽ quen sống nơi đây » cha chàng vừa nói vừa dẫn chàng vào một căn phòng nhỏ. «Ở đây, nơi thành thị, mẹ con được nhiều sự tiện lợi hơn và mấy em con được gần trường. Ở đây thuận tiện cho mọi người.»

«Con biết, ba à, nhưng...»

«Nhưng sao, con ?»

«Đây không phải là... là...»

« Nói cho cha biết, điều gì thế ? » — cha chàng nói.

«Cha ơi, đây không phải là nhà — đối với con, con không thể quen sống nơi đây được ».

Ba chàng dẫn chàng đến cái ghế to cạnh cửa sổ và đẩy chàng ngồi vào đó. Ông dứng đấy vỗ vai Ted và cười vui vẻ.

«Con mệt quá vì bị xúc động đấy, con ạ,» ông nói. «Cứ ngồi đó nghĩ trong giây lát. Vào giai đoạn cuối mọi vật sẽ trở nên tốt đẹp. Bây giờ con đừng nên lo lắng về các sự vật».

Trong khi cha mẹ kể cho chàng biết điều gì đã xảy ra khi chàng đi xa, Ted nhìn ra cửa sổ. Thay vì trông thấy những cánh đồng ruộng màu sẫm tối trải dài vô hạn đến chân trời, tất cả cái gì chàng có thể thấy là những căn nhà san sát nhau trong các dãy chật hẹp và nhiều người lạ đi trên đường phố. Chàng cảm thấy buồn khổ Chàng nhớ cái vựa lúa cao chọc trời, mùi vị của những cánh đồng ẩm ướt khi gió xao xác những lá cây sồi, những dãy ngô bất động dài vô tận — Chàng nhớ tất cả các vật chàng đã nghĩ đến trong những năm xa cách.

Theo như mẹ chàng nói thì gia đình Norris đã dời về thành phố Kansas và gia đình Cusler đã tậu một thửa ruộng rộng. Cô Sally Dowell đã thành hôn với Frank Jones và đã có hai con. Tommy thì làm thủ quân trong đội đá cầu thiếu niên ở trường, và đã chiếm giải thưởng trong kỳ hội chợ nội trợ ở thị trấn trong vùng. Fred Maxwell trước kia cùng học một lớp với chàng ở trung học, nay là giám đốc ngân hàng.

« Nhưng còn cái trại thì sao ? » Không thể chờ đợi được nữa, Ted nóng nảy hỏi. « Thưa trại không bị xảy ra chuyện gì, phải không cha ? »

« Sao vậy ? Teddy ! » Mẹ chàng ngạc nhiên nói. « Chuyện gì thế Teddy ? Cha con đã nói rằng các trại vẫn còn như xưa mà. Con đừng bận tâm về việc đó. »

« Xin lỗi mẹ », chàng an lòng nói. « Con không thể chịu được. Con muốn ra ngoài đó ngay lập tức. » Chàng hoang mang đứng dậy. Con không thể chịu được nơi đây. Đông người quá. Nhà cửa lại san sát vào nhau. Những người đang đi ngoài đường kia — họ đều là những người lạ cả. Họ không biết chuyện gì đã xảy ra. Họ dường như không biết chuyện gì đã xảy ra ! »

« Đã xảy ra ở đâu vậy Teddy ? » Mẹ chàng hỏi một cách sốt ruột. « Con có định ý gì thế ? »

« Xảy ra ở nơi con ở trước kia ! »

Ba chàng nắm lấy tay chàng.

« Dĩ nhiên con không thể ra ngoài trại được, con ạ », ông khẽ nói. « Ăn cơm tối xong chúng ta sẽ ra đó ngay. Ba chắc chắn là con thèm ăn các món mẹ con nấu sau suốt thời gian xa cách. »

« Phải đấy, mẹ », chàng nói và mỉm cười với mẹ. « Thì đã hẳn là thế rồi ».

•

CHIẾC xe hơi rẽ vào trong con đường mòn dẫn đến vựa lúa cao màu nâu và căn nhà trắng to lớn dưới đám cây sồi. Ted ngả người về phía trước, ngắm nhìn những cánh đồng rộng trải dài ra khắp hướng.

« Đây rồi con », cha chàng nói. « Chốn cũ này có khá hơn theo ý con nghĩ không ? »

« Khá hơn, cha à ! » Ted gật đầu đáp. « Còn đẹp hơn là con nghĩ nữa. Đó là một cảnh vĩ đại nhất thế giới ».

« Có lẽ con nói đúng », cha chàng đồng ý. « Cha cũng ghét dời khỏi nơi đây một mình. Nhưng mẹ con phải làm nhiều việc quá ngoài nầy. Mẹ con bây giờ không còn trẻ như ngày đó, con xem. Cha phải nghĩ

đến mẹ, và vì thế cha đã quyết định là chúng ta phải dời về thành phố ».

« Đúng đấy » Ted nói — « mẹ không nên làm việc nặng nhọc nữa. Bây giờ mẹ phải làm những việc nhẹ nhàng hơn ».

Xe ngừng dưới những cây sồi cao và Ted bước ra, con Towser sủa cho đến khi Ted mở cửa xe sau cho nó nhảy xuống đất mới thôi. Trừ ra tiếng sủa Towser, mọi vật đều yên lặng và nghiêm trang.

Ed Fuller đã ở lại đây từ trước để giúp việc coi sóc trại, từ vựa thóc hối hả chạy đến. Khi nhận ra bộ quân phục của Ted, ông càng đi nhanh hơn.

« Thật may quá !» Ed nói vừa siết chặt tay Ted. « Tôi biết cậu sẽ trở về, Teddy à ! Bộ tôi không nói điều nầy với cậu khi cậu đi hay sao ? Tôi đã chẳng nói rằng không việc gì có thể ngăn cản cậu trở về nhà mà ! »

« Bác nói đúng đấy », cha chàng nói.

« Cháu mừng gặp lại bác », Ted nói. « Cháu đã mong điều này đến sớm hơn ».

« Ồ cháu nhầm đấy », Ed nhanh nhẩu nói. Ông vẫn là ông lão Ed Fuller già mồm và thích lý sự như trước. « Nếu chiến tranh chấm dứt sớm hơn thì sẽ không tốt đẹp lắm đâu. Điều quan trọng trong khi đánh nhau là phải biết làm cho chiến tranh tiếp tục bao lâu, chớ không phải chấm dứt nó sớm. Bây giờ chúng ta hãy lấy ví dụ các đại tướng phe mình. Họ biết việc họ, được lắm, vì họ không nhầm khi họ không bỏ việc [redacted]

Khi cháu đánh nhau với ai, cháu phải cầm cự cho đến khi hắn không muốn đánh nữa. Nếu hắn chịu thua mà cháu để hắn chạy đi thì cháu phải đập hắn lại lúc khác. Cũng như tôi đã nói, cầm cự cho đến khi hết cần thiết mới thôi là đường lối khôn ngoan để đấu với một người hay một triệu người, đó là nguyên nhân mà các vị đại tướng của chúng ta đã là những tướng lãnh khôn ngoan nhất thế giới. Nếu cháu hỏi các nơi quanh nhà họ thì sẽ biết rằng họ đã biết cào khi họ còn là trẻ con vật nhau sau một ngôi trường học vào giờ chơi. Tôi còn nhớ có một lần khi tôi cào một anh chàng kia... »

Buổi chiều sau đó khi đến giờ lái xe trở về thành phố, Ted ngỏ ý với ba, chàng muốn ở lại trại đêm ấy. Ba chàng dành lòng chịu và không quên nhắc Ted là ở đó sẽ không có các món ăn của mẹ nấu.

«Chỉ có đậu của Ed là món duy nhất con sẽ ăn ở đây. Và nấu món đậu là điều cực nhọc lắm. Ba biết thế vì ba đã thử nấu rồi».

«Nhìn đây mà xem», Ed cãi lại. «Đậu là món ăn tốt nhất cho bao tử con người. Nếu ăn không được một bữa ăn có món đậu thì tôi không thể làm việc quanh đây được. Và nếu tôi phải ngừng không được ăn đậu nữa thì các người phải sẵn sàng tìm người giữ trại khác làm việc».

Mặt trời lặn xuống khi Henry Burton rời khỏi trại và lái xe trở về Ridgeway. Ngay sau đó Ed vào bếp nhóm lửa trong lò. Ed lấy ra một hủ đậu thật to ngay sau khi Ted theo ông vào bếp. Họ ngồi nơi cái bàn ở bếp và trò chuyện về thửa trại một lúc lâu trong khi chờ đậu sẵn sàng để ăn.

«Tôi không hiểu sao cháu lại thích sống ở đây khi chung quanh không có phụ nữ quê nào», Ed ngờ vực nói khi họ bắt đầu ăn. «Một thanh niên ở tuổi cháu rất dễ bị cô độc ở đây. Nếu muốn ở lại đây tại sao cháu không nghĩ đến việc hôn nhân, Ted. Tuy vậy lẽ dĩ nhiên nếu cháu đem một phụ nữ về đây thì cháu phải nhớ rằng tôi không phải là người muốn thay đổi những thói quen ăn uống của tôi. Lúc ấy tôi vẫn phải ăn đậu mỗi ngày ba lần».

«Cháu sẽ để ý đến việc ấy và bác sẽ có rất nhiều đậu», Ted hứa. «Bác đừng bận tâm về điều đó».

« Như thế có nghĩa là cháu thật đang nghĩ đến hôn nhân, phải không Teddy ? » ông lão hỏi. «Nếu thế tôi phải tìm ra xem sẽ là ai thế. Đó là cô gái Lennon ở đằng kia sau lưng nhà thờ Creek. Tôi nhớ cháu đã ngọt ngào với nàng là dường nào trước khi cháu đi bốn năm về trước, và tôi tưởng cô ấy cũng không quên điều này đâu. Kể từ khi cháu đi, cô ấy không có anh chàng nào đâu, đó là điều tốt nhất đấy. Khi điều ấy xảy ra, thì như thế có nghĩa là có người đang chờ đợi một người nào đó. Thỉnh thoảng tôi có gặp nàng cưỡi ngựa quanh trại có vẻ cô đơn lắm thì phải. Chắc chắn cô ấy đã lớn, rồi trở nên một cô gái đẹp, Teddy à. Có thể nàng là cô gái đẹp nhất quanh vùng và như thế có nghĩa là nàng đẹp về nhiều phương diện chớ không phải chỉ đẹp không mà thôi đâu.»

Ed vẫn nói khi Ted đứng dậy rời khỏi nhà bếp.

Sáng hôm sau Ted dậy sớm. Chàng thay bộ quân phục, xếp lại kỹ lưỡng và lấy giấy gói lại để giữ khỏi bụi. Sau đó chàng tìm thấy vài hộ quần áo cũ trong phòng rửa mặt và mặc vào. Bộ quần này chật nhưng tạm mặc được đến khi chàng có thể mua vài bộ mới.

Khi Ted đến nhà bếp, Ed đưa chàng một dĩa đậu hầm lớn, chàng ngồi xuống và nhìn Ed ngang qua bàn. Sau khi ăn xong một ít đậu Ted đẩy ghế ra sau làm Ed để ý.

« Có lẽ cháu thích đậu này hơn nếu đổ thêm tương bên trên », Ed bèn đưa chàng chai tương.

« Không đâu », Ted nói. « Không thấy đói sáng nay.»

« Có lẽ trong quân ngũ cháu đã ăn chán món này rồi, » Ed lắc đầu nói. « Và nếu cháu không muốn ăn đậu này thì chỉ có một điều phải làm mà thôi. »

« Điều gì thế »?

« Cháu hãy lập gia đình đi để có được

các món ăn do một người đàn bà nấu. Đừng nên nghĩ rằng tôi sẽ nấu ăn cho cậu vì tôi không sành nghề đó. Nấu ăn phải do một phụ nữ thì mới được.»

Khi ăn sáng xong họ tưới cây, bóc vỏ ngô trong vựa và lấy thức ăn bằng cỏ khô trên gác trộn cho súc vật. Sau đó Ted kiếm được một ít sơn trong tiệm và bắt đầu sơn dọn nhà cửa. Chàng đang làm việc lúc giữa sáng khi một chiếc xe hơi ngừng ở ngoài đường. Chàng leo xuống thang và khi đặt chân xuống đất chàng nghe giọng nói của Nancy Glennon. Chàng quay lại thấy nàng đang chạy đến.

«Ted !» nàng ngừng thở và mừng rỡ quá la lên. «Ted ! Em đây ! Nancy đây !»

Tay chàng bắt đầu run, chàng phải đặt lon sơn xuống đất.

«Anh không nhớ ra em sao, Ted ?» nàng khẩn cầu hỏi. «Em là Nancy, Ted ơi ! Em đây !»

Nàng chậm chậm đi về phía chàng. Khi nàng dừng lại trước mặt chàng, Ted đưa tay ra thay vì choàng cả hai cánh tay ôm chầm lấy nàng như nàng tưởng. Nancy bối rối nhìn xuống tay chàng.

« Sao thế Ted ? Nàng khẩn nài. «Chuyện gì đã xảy ra thế Ted ?»

Chàng nhìn đi nơi khác khi thấy nét thất vọng hiện lên mặt nàng. Chàng cắn môi một cách khó chịu.

«Tôi sung sướng được gặp cô, Nancy», chàng nói, vẫn nhìn xuống đất.

«Em không hiểu, Ted à,» nàng nói buông xuôi.

Chàng đau đớn vì biết rằng Nancy cảm giác được khi chàng cố ngửa mặt lên nhìn thẳng vào mặt nàng lần đầu tiên.

«Đáng lẽ em phải biết chuyện gì đã xảy ra», nàng nói. «Đáng lẽ em phải biết thế khi không nhận, được thơ anh trong sáu tháng. Có phải vì một người nào khác không Ted ? Đó có phải là điều đã xảy ra không ? Nói với em sự thật đi Ted ! Em cần phải biết !»

«Khó giải nghĩa quá, Nancy à». Chàng e dè nói. «Tôi không biết làm thế nào »

«Có phải vì anh bị đau đớn về một điều gì đó, phải không Ted ? Có phải vì thế mà anh đã quên».

« Không đâu », chàng mạnh dạn nói. Tôi không quên một phút nào cả, Nancy à. Không phải như thế đâu. Tôi nhớ tất cả mọi vật không phải chỉ những điều về chúng ta mà thôi đâu — còn nhiều điều khác nữa. Cô còn nhớ Jim Foster không, Nancy ? Phải rồi, Jim Foster — »

« Dĩ nhiên còn nhớ Jim » nàng nói nhanh. Chàng biết nàng cố giúp chàng, nhưng chàng không muốn sự giúp đỡ nào lúc này. «Nhưng Ted à, anh mới là người mà tôi nói đến. »

«Nhưng Jim liên hệ nhiều đến việc này, Nancy à. Cô không hiểu ».

« Hãy nhìn em đây, Ted », nàng khẩn cầu. Chàng có thể trông thấy cái mỉm cười tươi tắn trên mặt nàng và cảm giác được cái ấm áp của đôi cánh tay mềm yếu của nàng quanh cổ chàng. « Anh có còn nhớ cái gì đã xảy ra ngay trước khi anh đi không, Ted ! » nàng nói. «Chúng ta đã ở gần nhau cả ngày ở nhà thờ Creek —chỉ có mình anh và em thôi Em đem theo một giỏ chứa các thứ cần cho cuộc đi chơi ngoài trời ấy và chúng ta...»

Họ ngồi dưới một cái cây rợp bóng mát trên bờ sông Churchman và thỉnh thoảng chàng choàng tay quanh nàng và hôn nàng một lúc lâu.

«Sẽ không bao giờ có một người nào khác. Nancy — chỉ mình em thôi», chàng nhỏ nhẹ nói với nàng. Dầu chuyện gì có xảy ra đi nữa thì em cũng phải luôn luôn ghi nhớ điều này. Anh yêu em, Nancy, khi anh từ trận chiến trở về chúng ta sẽ thành hôn. Em sẽ chờ đợi anh, phải không, Nancy ! Nói đi em ! »

«Anh yêu quí ơi, dĩ nhiên em sẽ chờ anh». Nàng nói với chàng, kề sát thân nàng vào chàng. Anh đừng bao giờ nghĩ đến điều gì dù chỉ trong giây phút. Em luôn luôn là của anh, Ted ơi. Luôn luôn và luôn luôn của anh».

Sau đó vào buổi chiều, một trận giông mùa hạ thình lình làm tối bầu trời Trước khi nhận định được điều gì đã xảy ra, áo quần họ đều đầm ướt vì cơn mưa to Vài phút sau mặt trời chiếu sáng lại, họ [redacted] giăng phơi khô trên các bụi cây.

« Trong khi chờ đợi mà bơi lội trong giòng suối thì thú lắm », Nancy nói.

«Và chúng ta nên coi chừng áo quần», Ted nói. « Nếu có ai đến lấy quần áo của chúng ta đi thì sẽ rắc rối vô cùng».

Sau khi tung tăng bơi lội trong nước đến khi mệt nhừ, họ ra khỏi giòng suối và nằm dài trên cỏ trong ánh mặt trời.

« Em có biết chúng ta sẽ làm gì khi anh trở về không Nancy ? » Một lát sau chàng hỏi.

« Gì thế Ted ! »

« Làm lễ cưới trước nhất, dĩ nhiên. Và rồi thì... »

« Và rồi thì gì nữa ? » nàng nói với một nụ cười như trêu ghẹo chàng.

« Anh nôn nao lắm, Nancy à ».

« Và gì nữa », nàng nói và bóp chặt lấy tay chàng. «Nói cho em biết đi anh».

« Chúng ta sẽ có trại chăn nuôi xinh nhất chưa ai hề thấy. Hầu hết là ngựa. Ngựa tốt. Loại ngựa nòi».

« Không có bò sao Ted ? »

« Có lẽ một vài con. Chúng ta sẽ cần đến bò sữa và bơ cho « cái đó đó...»

« Cái đó đó là gì thế anh ? » nàng mỉm cười hỏi.

Những con chập chửng mà em thấy quanh nhà đó mà ».

« Vịt ? ».

« Vịt đâu có đi chập chửng. Vịt đi lạch bạch mà».

« Ồ, em biết rồi ! Anh đã cố ý nói những con bê và con ngựa đấy mà ! »

« Có lẽ ».

Chàng lấy một cộng cỏ ngoáy vào mũi nàng đến khi nàng cong người vào đôi cánh tay chàng. Hai người cùng nằm trong khi mặt trời chậm chậm lặn khuất.

Lúc họ đứng dậy [redacted] thì trời gần tối. Khi họ đi về phía nhà Nancy, Ted quàng tay quanh nàng.

« Anh sẽ đi lúc sáu giờ sáng », chàng nói. «Anh sẽ không gặp em nữa, Nancy à» Thất vọng, nàng quàng tay quanh chàng, theo sát chàng hình như không bao giờ để cho xa nhau.

«Xin anh đừng nói điều đó, Ted ! »

nàng thỉnh cầu trong giọt lệ. «Xin anh hãy nói rằng anh sẽ trở lại ! Hãy hứa với em là anh sẽ không để chuyện gì xảy ra cho anh — vì tương lai chúng ta anh à !»

«Anh đâu có ý nói thế, Nancy à. Dĩ nhiên anh sẽ trở về. Điều anh sẽ trở về chắc chắn như mặt trời sẽ mọc mỗi buổi sáng khi anh xa em. Em không thấy sao ? Mỗi lần mặt trời ló dạng buổi sáng sẽ là dấu hiệu sự trở về của anh ».

«Đúng đấy, Ted à. Em sẽ nhớ điều ấy Em sẽ nhìn vào mặt trời mỗi buổi sáng và nhớ rõ điều anh nói. Khi trở về anh sẽ yêu em nhiều như lúc này không anh ?»

«Đây chỉ là lúc bắt đầu mà thôi, Nancy à,» chàng nói .«Em cứ chờ sẽ thấy. Cách anh yêu em chỉ là một ví dụ mà thôi. Em sẽ tìm thấy ý anh khi anh trở về.»

«Phải đấy, anh yêu quí ơi, »nàng nói, [redacted] «Phải đấy anh yêu quí».

•

KHI chàng mở mắt ra và nhìn Nancy Glennon đang đứng trước mặt chàng, miệng chàng khô và mắt chàng mờ. Chàng đặt tay lên mặt và dụi mắt thật mạnh. Chàng không ngạc nhiên thấy nước mắt chảy xuống má nàng, chàng không thể nào làm khác hơn và cũng không ôm choàng lấy nàng vào lòng mà xin nàng tha lỗi vì đã làm nàng đau khổ.

Nancy quay lại và đi chầm chậm ra chiếc xe của nàng trên đường. Chàng chờ đến khi nàng mở cửa, hy vọng nàng sẽ quay đầu nói với chàng điều gì — nói điều gì, chớ không bỏ đi như thế. Chàng chạy đến cổng khi nghe tiếng máy rồ và thấy chiếc xe quay lại trên đường.

«Nancy!»chàng gọi khi xe chạy«Nancy».

CHIỀU hôm ấy ba mẹ chàng cùng Sis và Tommy trong ghế ngồi sau xe, lái xe lên con đường mòn. Ted đến gặp họ khi xe ngừng. Ba chàng đem một cái giỏ lớn đến mái hiên, mẹ chàng tay ôm đầy những tấm màn đem vào trong nhà.

«Mẹ có nướng cho con vài cái bánh Teddy à,» bà nói. «Bánh, gà quay và vài khoanh bánh mì mẹ làm cho con ở trong giỏ ấy. Mẹ biết con sẽ đói bụng. Ai cũng đều đói bụng nếu phải sống nhờ mỗi ngày ba bữa ăn dậu của Ed Fuller».

Ted mở giỏ ra và lấy một miếng gà quay Trong khi chàng ăn, mẹ chàng treo màn vào các cửa sổ và phủi bụi các đồ vật. Ted vì mãi ăn nên không để ý đến sự thay đổi trong phòng cho đến khi chàng ăn xong.

« Tại sao mẹ lại làm hai việc ấy ?» chàng hỏi, mắt nhìn quanh phòng. «Ba mẹ không dời về trại, phải không mẹ ?»

«Không, Teddy,» bà lắc đầu nói.

«Thế tại sao mẹ lại bận tâm vào những việc đó ?» chàng hỏi. «Ed và con có thể chăm sóc nhà cửa. Mẹ không nên làm việc như thế này.»

«Mẹ phải sửa soạn nhà cửa, Teddy à», bà nói với chàng. «Mẹ không muốn để ai đến đây thấy chỗ này bẩn thỉu.»

« Ai đến vậy mẹ ? »

Bà quay lại ngạc nhiên nhìn chàng.

«Ai đến à ?» Bà lập lại «Tại sao vậy Teddy ! Con cũng biết như mẹ cơ mà».

Chàng bối rối lắc đầu. « Con không biết mẹ đang nói gì thế.»

«Nancy, dĩ nhiên rồi ! Nancy Glennon. Con và Nancy sắp làm lễ thành hôn, phải không Teddy ?»

Chàng lắc đầu ngay lập tức. «Không».

Mẹ chàng rơi xuống ghế một cách nặng nề.

«Chuyện gì xảy ra thế, Teddy? Kể từ khi con đi bốn năm trước kia, nàng bất cứ giây phút nào cũng đeo nhẫn của con. Đừng nói với mẹ là Nancy đã thất ước ! Nhưng chỉ vì tuần trước nàng có nói với mẹ — »

« Nancy không thất ước đâu mẹ à, chính con đây. »

« Con à ! Tại sao con lại — »

« Con phải làm thế, mẹ à. Đó là điều phải xảy ra. Nhiều chuyện đã xảy ra.»

«Nhưng làm sao con có thể làm thế sau suốt thời gian ấy ? Nancy thật là một cô gái đáng yêu — và nó đã chờ đợi suốt thời gian ấy. Nancy sẽ làm gì đây Teddy?»

« Con sắp có thửa trại xinh nhất mẹ chưa từng thấy trong đời, mẹ à,» Chàng tin tưởng nói. « Con sắp đặt một con đường mòn dọc theo bờ suối và một dãy hàng rào mới và vài con vật giống tốt, và...»

« Có phải con định hoạch định để làm mọi việc đó và vẫn không chịu thành hôn với Nancy Glennon à ? » Bà nhìn chàng như muốn tìm hiểu. « Con định ở lại nơi trại này một mình à — chỉ một mình con với Ed Fulleir sao ? »

« Con thiết tưởng sẽ phải lập gia đình, mẹ à. Với một con người khác. »

« Một người khác ? »

Chàng gật đầu.

« Ai thế, Teddy ? Ai thế ?»

« Florence Warren ».

Mẹ chàng trố mắt nhìn chàng, mắt bà nhấp nháy liên hồi.

« Florence Warren », bà lập lại. « Mẹ không hiểu — »

« Dĩ nhiên là mẹ không hiểu », chàng nói. « Đây là điều mà mẹ không biết gì cả. »

«Nhưng Florence Warren đã đính ước với Jim Fostẹr, và đáng lẽ hai người đã làm lễ thành hôn nếu Jim không chết trong chiến tranh — »

« Có lẽ vì thế mà con muốn nàng thành hôn với con, mẹ à. Bởi Jim đã bị giết chết — »

«Nhưng mẹ vẫn không hiểu, Teddy à !»

«Con cho rằng trừ Jim và con ra thì không ai hiểu được».

Mẹ chàng im lặng nhìn chàng một hồi lâu, rồi bà đứng dậy dọn đồ đạc.

«Florence Warren có biết đến ý định kỳ quái nầy của con không ?» bà nghiêm nghị hỏi.

«Chưa, mẹ à, » chàng đáp lời. «Con vẫn chưa có dịp hỏi cưới nàng.»

«Con có chắc rằng con cảm thấy trong mình dễ chịu không Teddy ? » bà chau mày lo lắng hỏi.

«Thì đã hẳn rồi, » chàng đáp bằng một câu ngắn ngủi. «Con cảm thấy khoẻ».

●

Sáng hôm sau khi cha chàng và Ed đang lột vỏ ngô trong vựa thì Ted cho chàng biết về ý nghĩ muốn biến nơi đây thành một trại chăn nuôi. Ed giữ vẻ mặt thản nhiên trong khi Ted nói. Thỉnh thoảng ông lại lắc đầu mà không nói gì cả đến khi Ted nói xong.

«Bác nghĩ thế nào về việc này ?» chàng hỏi. « Bộ điều này không làm cho ta chú

trọng đến hay sao ? »

«Cháu sẽ phải kiếm người khác thế tôi Teddy à », Ed cương nghị trả lời.

«Tại sao thế bác ? »

«Bởi vì tôi không phải là hạng trại chủ sẵn lòng từ bỏ việc trồng ngô để biến chỗ đất này thành nơi chăn nuôi đàn ngựa vô dụng. Khi trồng ngô tôi muốn nó hữu dụng cho thế gian như làm thức ăn như bánh hoặc trộn cho heo ăn mau mập. Tôi không bao giờ chịu phí thì giờ vào việc trồng đầy một vựa ngô để rồi xem mấy con ngựa lười biếng ăn hết. Thử hỏi xem loài ngựa ấy có lợi ở chỗ nào? Chúng không làm một chút việc gì cả. Ngày nay người hiểu biết chỉ thích máy kéo và xe hơi. Người khôn không chịu tiêu tiền vào những con ngựa chỉ để chưng bày mà thôi còn ngoài ra không lợi gì cả».

«Nhưng cháu sắp nuôi ngựa để cưỡi kia mà. Một cái chợ luôn luôn bán ngựa để cưỡi mà. Chúng ta sẽ mua vài con ngựa nguyên giống và vài năm sau sẽ được những con ngựa tốt nhất chưa hề có ở vùng nầy. Bác không hãnh diện vì có những con ngựa tốt nhứt hay sao ?»

«Không».

« Bác không thể làm trại chủ suốt đời đâu bác à. Thế giới đã có nhiều trại chủ rồi. Nếu bác nghe cháu thì chúng ta sẽ nổi tiếng nhờ những con ngựa cỡi ấy Chúng ta sẽ thắng các giải thưởng ở hội chợ và trong các cuộc chưng bày súc vật hoặc các dịp khác như thế. Bác không thích thế à ? »

«Không. »

«Được lắm. nếu bác cứ nghĩ như thế thì cháu tưởng phải kiếm một người phụ việc khác. Tuy cháu không thích bác đi, nhưng vì cháu cứ cho rằng sẽ có bác là người phụ việc.»

Ed đá vào đống hạt ngô làm tóe ra trên sàn nhà.

«Ai nói là tôi sẽ đi?» Ông giận dữ hỏi. « Tôi đã làm cho ba cháu gần suốt đời và chưa có người con nào của ông ấy yêu cầu tôi ra khỏi trại nầy. Cháu cứ nuôi những con ngựa phá rối vô dụng ấy đi. Tôi sẽ trồng ngô ở một nơi trên thửa trại miễn sao không dính líu gì đến những con ngựa xinh đẹp của cháu thì thôi. Nhưng tốt hơn tôi không bắt được con nào nhảy qua hàng rào ăn hết giàn đậu và những cây bắp đã lớn. Nếu bắt được con nào làm thế tôi sẽ bắn nó chết và đem xác đến nơi tiêu thụ.»

«Có thể còn hơn thế nữa, bác à,» Ted nói. «Bác đã làm cháu lo trong giây lát.»

Sau khi lột vỏ ngô xong, Ted sửa soạn yên một con ngựa và cưỡi chạy băng qua cánh đồng. Chàng đi đến bờ bên kia thửa ruộng và nhìn ngắm giải đất nơi chàng định đặt hàng rào cho con đường mòn. Trên đường về, chàng cỡi chầm chậm dọc theo dãy rào phân ranh giới thửa ruộng của Burton. Trên bờ bên kia dãy hàng rào là thửa ruộng của Glennon.

Ted ngừng cương ngựa lại nhìn quanh khi chàng nghe tiếng chân ngựa gần đó. Cách đó khoảng trăm thước chàng thấy Nancy tiến về phía chàng. Ted quay ngựa lại chờ.

Vừa nhận ra chàng, nàng lật đật quay ngựa lại chạy thật nhanh. Ted thúc ngựa đuổi theo nàng ở bờ bên kia cánh đồng.

Nancy không chịu ngừng, để nói với chàng cũng không, vì thế chàng phải với tới dây cương kéo ngựa lại. Rồi chàng nhảy xuống đất.

«Nancy, anh muốn xin lỗi vì đã đối với em như thế,» chàng nói. «Tôi tưởng lúc ấy tôi quá khích động và không biết đang làm gì cả.»

«Anh không có lỗi gì với tôi cả, Ted Burton à», nàng nói ngay lập tức. «Và như thế là được rồi » Nàng cố giật cương ra khỏi tay chàng đang nắm, nhưng Ted không chịu thả ra. «Bây giờ tôi không nghĩ gì xấu về anh cả, xin anh thả giây cương ra để tôi đi »

«Nhưng em phải nghe anh đã, Nancy à », chàng tha thiết nói. «Xin hãy nghe anh, Nancy à».

«Tại sao tôi phải nghe anh ? » nàng lạnh lùng hỏi.

«Anh chỉ muốn em nghe anh thôi em à ».

Nàng nhảy xuống dất và đứng cạnh bên con ngựa của nàng. Ted đứng rất gần nàng muốn ôm nàng vào đôi cánh tay, nhưng chàng cảm thấy mình không có quyền đụng tới nàng bây giờ.

«Anh không biết rõ phải nói thế nào Nancy à», chàng hoang mang bắt đầu nói «Đó là điều khó nhất — muốn nói với em nhưng lại không biết nói thế nào.»

«Anh không cần phải nói với tôi điều gì cả ,Ted à», dịu bớt cơn giận, nàng nói. Lần đầu tiên trên nét mặt nàng hiện lên một nụ cười lại. « Tôi có thể thấy là tôi có định nghĩ xấu gì về anh đâu. Anh còn muốn nói gì nữa ? »

«Nhưng điều đó không đúng, Nancy» chàng phản đối.

«Thì ra anh kiếm cách kỳ lạ để diễn tả điều anh muốn nói. Tôi tưởng thời gian bốn năm nơi trận chiến đã làm anh như thế. Tôi nghe người ta nói rằng một số đàn ông không bao giờ còn như xưa sau khi ở trong quân ngũ ».

«Nhưng Nancy à, em không hiểu anh ».

«Tôi tin rằng tôi hiểu rất rõ », nàng nói nhanh. «Có một người khác. Một cô gái khác ».

«Phải, nhưng... »

«Tôi không tin rằng tôi thích nghe những chi tiết thầm kín này», nàng quay lại và đặt một chân lên miếng sắt xỏ chân nơi yên ngựa trước khi chàng có thể cản ngăn nàng. Chàng nắm lấy vai nàng và quay nàng lại. « Xin đừng đụng tới tôi, Ted », nàng hờn giận nói.

« Đến anh nói cho em biết một điều đã » chàng cương quyết nói. « Anh yêu em, Nancy. Trong khi xa em anh yêu em từng phút từng giây. Em tin anh không ? »

Nancy lấy tay che mặt. Chàng có thể thấy nàng lắc đầu như vì yếu và mệt.

«Nhưng em phải tin anh, Nancy» chàng khẩn cầu « Em cần phải tin anh ! ».

« Tôi không phải tin bất cứ người nào nói rằng yêu tôi nhưng lại công nhận rằng có một người khác...» nàng nói. «Tôi chưa bao giờ nghe đến chuyện như thế ! Tôi cho rằng đó là một trong những ý tưởng anh nhặt được trong các cuộc du hành quanh thế giới. Tuy nhiên dù có thế nào đi nữa thì tôi cũng không muốn liên can gì đến việc ấy ».

« Có lẽ điều ấy nghe có vẻ kỳ lạ nơi đây » Ted nói. Chàng nhìn qua cánh đồng đen tối. «Có lẽ những người ở quê nhà đây sẽ không bao giờ hiểu được một việc đã xảy ra trong chiến tranh, nơi đó trong một giây phút nào đó cười đùa với các bạn hữu, rồi thình lình em sẽ nhìn quanh thấy họ đổ máu chết và biết rằng họ đang ở xa nơi cứu thương nên chỉ có thể ở lại với họ đến khi họ chết. Vào lúc đó tôi tưởng em sẽ có được những ý niệm kỳ lạ về cuộc sống, nhưng không hề gì nếu những ý niệm ấy nghe có vẻ kỳ lạ đối với những người ở tận quê nhà. Họ sẽ không bao giờ hiểu được em đã gặp phải điều gì vào lúc như thế. Tất cả điều gì mà em biết, là bạn em sau khi bị đạn đã chết. Điều nầy làm người ta có một ý nghĩ kỳ dị » Nancy ngồi xuống cạnh dãy hàng rào. Hai con ngựa hiện đứng cạnh nhau bắt đầu ngoạm cỏ.

«Đó là điều đã xảy đến cho Jim Foster» Ted nói. « Trước khi vào quân ngũ, chúng tôi đã cùng nhau đi học, vật nhau trong vựa thóc vào ngày thứ bảy và tức giận nhau rồi lại cùng nhau đi câu cá vào những ngày chủ nhật. Jim là người bạn tốt nhất của tôi. Có một lần tôi bị nguy hiểm, Jim cứu tôi. Tuy không cần phải làm thế, nhưng Jim đã cứu tôi. Anh ấy đã cứu tôi sống và phải trả giá bằng sanh mạng mình. Nếu điều đó không xảy ra cho Jim Foster thì bây giờ tôi đâu còn sống nữa. Không còn ở đây nói chuyện với em. Người ta không thể hiểu được những chuyện như thế. Vì thế họ cho rằng những người trở về là anh những vị anh hùng. Những anh hùng đã không trở về. »

Ted lấy ra trong túi một điếu thuốc lá và châm lửa với những ngón tay run rẩy.

« Tại Ý Đại Lợi đêm ấy, » chàng thở dài nói. « Đó là lúc xảy ra câu chuyện. Chúng tôi đã ở tiền tuyến một tuần rồi và lúc ấy vào giữa mùa đông, tuyết dày bao phủ mọi vật. Jim nhận được lệnh truyền phải đem đội quân tuần tiễu năm người qua ranh giới bắt đem về vài tù binh để tra xét. Quan trọng là phải bắt được mấy tên tù để tìm biết xem bên kia đang dự tính việc gì. Anh đi với Jim... »

●

MÀN đêm rơi xuống khi họ rời căn cứ để bắt đầu bò qua lớp tuyết dày đặc, hướng về phía ranh giới quân Đức. Đó là vùng núi non hiểm trở, lớp tuyết có nơi sâu đến ba bốn tấc Anh. Những họng súng đại bác nổ rền trên sườn núi làm thành những đốm đỏ trong tuyết — giống như máu toé ra.

Khi đến cái thung lũng gần ranh giới Đức họ trượt xuống sườn núi và tiến lên phía trước mặt. Tiếng súng tiểu liên bắn không ngớt, họ có thể nghe tiếng đạn vù vù trên bầu trời không sao.

Họ tiến lên thêm vài trăm thước nữa về phía vị trí quân Đức, Jim Foster quyết định rằng họ đã đi khá xa rồi. Jim mất dạng trong gần nửa giờ, để đội quân kiểm soát cho Ted coi chừng. Khi trở về, Jim nói cho họ biết rằng Jim đã trông thấy một nhóm nửa tá quân Đức đang điều khiển một vị trí súng tiểu liên.

Đội quân kiểm soát vây quanh vị trí ấy và bất ngờ bắt được bọn lính Đức. Mấy tên lính Đức tưởng sẽ bị bắn, nhưng khi nhận được rằng mình chỉ bị bắt làm tù binh họ chịu đầu hàng bỏ khí giới và bắt đầu bò xuống sườn đồi.

Rồi đội quân kiểm soát và các tù binh lại rơi sâu vào trong một đội tuần tiễu Đức đông hơn nhiều. Một tá lựu đạn quăng ra. Jim, Ted cùng hai tên tù là những người duy nhất còn sống sót. Tuy biết rằng đội tuần tiễu Đức đông gấp mấy lần mình nhưng Jim lại quyết đưa hai tên tù còn lại qua ranh giới. Chàng ra lệnh cho Ted dẫn mấy tên tù binh qua phía cuối thung lũng trong khi anh ấy cầm cự với đội quân Đức. Giây lát sau một quả lựu đạn rơi gần đó, trúng nhằm Jim.

«Tao tưởng thế nầy là hết rồi đối với tao, Ted à,» Jim yếu ớt nói. «Tao bị trúng lựu đạn rồi.»

«Chúng ta sẽ chịu thua, Jim à», Ted nói «Mày sẽ được cứu chữa và sẽ lành vết thương. Làm tù binh chiến tranh ở Đức Quốc sẽ không quá khổ đâu.»

«Không được,» Jim nói. «Chúng ta không thể làm như thế. Mày phải đem hai tù binh đó về cho đại tá.»

«Nhưng mầy sẽ chết ở đây, Jim à. Máu chảy thế nầy sẽ không còn sống được nửa giờ nữa. Hãy đầu hàng và xin tiếp cứu trong khi còn đủ thì giờ.»

Trong khi nói chuyện, Ted xé binh phục mình ra từng mảnh và cố chận đứng không cho máu chảy nữa.

«Bây giờ hãy đi mau, » Jim ra lịnh. «Sẽ có nhiều lựu đạn khác bay đến bất cứ giây phút nào, và sẽ trúng nhằm chúng ta. Tao không muốn mấy tên tù binh ấy bị giết. Đại úy cần chúng nó. Tao sẽ tiếp tục bắn hết sức mới thôi, và đến lúc đó thì mày sẽ ra khỏi thung lũng, Bây giờ hãy theo lời tao nói, Ted à.»

«Jim, tao sẽ kêu to cho bên ấy nghe là chúng ta sẽ đầu hàng».

«Mày còn mở miệng ra nói nữa, tao sẽ bắn mày, Ted à. Xin chúa giúp con Tao sẽ bắn mày chết!»

«Nghe đây, Jim, » Ted khẩn cầu. « Chúng ta sẽ không thua trận chỉ vì hai đứa ta đầu hàng khi bị bao vây và mày bị chảy máu nhiều sắp chết. Mày biết đại úy sẽ nói gì mà. Hắn sẽ nói rằng chúng ta đã làm đúng. Họ không cho rằng chúng ta sẽ tự tử nếu không đem về được hai tên tù kia đâu.»

«Trong quân ngũ này chúng ta không đầu hàng dễ dàng như thế đâu, bạn ơi» Jim nói một cách yếu đuối. «Chúng ta sẽ thi hành sắc lệnh đến khi nó bị hủy bỏ mới thôi. Bộ mày không thấy những anh chàng hào nhoáng ấy trên mấy chiếc mô tô bóng láng đến thung lũng với lệnh truyền phạt chúng ta vì trở về mà không mang theo tù binh hoặc tên lính đầu hàng nào à? Không đâu, Trời ơi! Chúng ta được gởi ra đây để bắt càng nhiều tù binh càng tốt trong khoảng thời gian từ lúc mặt trời lặn đến lúc mặt trời mọc. Và theo như cảnh vật mờ mờ ấy thì đêm vẫn chưa tàn. Tao ở lại đây còn mày thì đem mấy tên tù ấy về cho đại úy. Hiểu chưa?»

«Nhưng chúng nó sẽ giết mày, Jim!»

«Cái gì? Nếu mày ở lại đây, chúng nó cũng sẽ giết mày nữa.»

«Rồi bọn tao sẽ đem mày về. Hai tên tù binh ấy có thể làm việc đó.»

«Không, bọn bây sẽ không làm thế được đâu. Lúc bọn Đức tìm ra rằng chúng ta đã đi, chúng sẽ đuổi theo và bắt tất cả chúng ta. Tao ở đây và bắn vào chúng cho đến khi hết đạn mới thôi.»

Nhiều quả lựu dạn khác nổ tung gần đó Lúc đó quân Đức ở khắp ba phía quanh họ rồi, và không bao lâu họ sẽ bị bao vây.

«Hãy làm cho tao một việc Ted,» Jim nói. «Tao chỉ muốn một đặc ân mà thôi».

«Chắc chắn, chắc chắn rồi! Cái gì thế Jim. Tao hứa danh dự là sẽ làm bất cứ việc gì trên đời này mày muốn.»

«Được rồi, tao có một người bạn gái ở quê nhà — Floren Warren. Mày biết tất cả việc đó. Nàng đã nhận của tao một chiếc nhẫn và đến giây phút tao đặt chân lên Ridgeway là chúng tao làm lễ cưới. Tao biết mày cũng có một nàng — Nancy. Nhưng Ted à... »

«Thế nào về Flo Warren, Jim? Cứ nói tao biết đi. Tao sẽ làm bất cứ điều gì mầy muốn. Tao thề tao sẽ làm bất cứ việc gì trên đời mày nói, Jim à.»

«Hãy săn sóc nàng dùm tao, tất cả là thế. Nàng là người yêu của tao, và khi chết tao vẫn yêu nàng. Mày hãy nói với nàng là tao đã có thể đổi về để cưới nàng, nhưng tao không thể làm thế được. Nói với nàng tao phải ở lại đây. Tao không tin rằng nàng sẽ thành hôn với người khác sẽ đối xử tử tế với nàng, Ted à. Tao không muốn việc ấy xảy ra khi tao chết và không thể làm gì đối với việc ấy. Vì thế tao muốn mày săn sóc nàng. Mày hãy trông nom nàng, Ted à. Coi chừng đừng để ai cưới nàng và sẽ xử tệ nàng. Nếu mày không có Nancy tao yêu cầu mày hãy thành hôn với Flo. Có thế tao mới yên lòng là nàng sẽ không bao giờ gặp phải khó khăn. Nếu việc ấy có thể xảy ra, tao sẽ rất vui lòng. Tao sẽ không bao giờ lo nghĩ nữa. Nhưng tao không thể yêu cầu mày làm thế được. Mày đã có Nancy đang chờ mầy ở nhà. »

Jim quì dậy và bắn về hướng quân Đức. Nhiều quả lựu dạn khác tung qua màn đêm và nổ gần họ. Hai tên tù binh Đức chen chúc đến gần Jim và Ted.

«Đi nhanh lên, Ted», Jim ra lệnh «Hãy rời khỏi đây. Nếu cái tao, tao sẽ quay súng về phía mày. Tao vẫn còn có quyền chỉ huy đội tuần tiễu này—vậy một là mày tuân lệnh tao, hai là tao sẽ bắn mày bây giờ. Đi đi! »

Jim đẩy mạnh súng chàng vào sườn Ted. Đến lúc Ted thấy không cần phải gây nhau với Jim nữa, chàng bò qua lớp tuyết hướng về phía cuối thung lũng thúc đẩy mấy tù binh đi trước.

Nghe tiếng súng của Jim phát lên một tiếng, chàng nhìn xuống thung lũng. Vào giây phút đó hàng tá lựu dạn nổ tung phát ra những chớp lửa ghê rợn, làm màn đêm sáng như ban ngày. Sau đó, súng của Jim trở nên yên lặng.

Thúc dục hai tù binh lên dốc thung lũng, Ted không nhìn ra sau nữa.

*

MẮT Nancy đầy lệ. Chàng cảm giác tay nàng chạm vào tay chàng.

« Em không biết nói cái gì Ted à». Giọng nàng thấp xuống và gần như không rõ. « Em biết anh cảm thấy thế nào rồi. Nhưng em không biết phải nói gì đây ».

Họ đứng dậy và đứng cạnh hai con ngựa.

« Anh đã suy tính rất nhiều về việc trở lại với em, Nancy à », chàng nói với nàng. « Không ai trên đời biết được nó nghĩa lý đến chừng nào đối với anh. Anh thường nghĩ đến việc cưới em và cùng nhau

sống trong trại, đó là tất cả những gì anh đã nghĩ đến. Nhưng anh không thể quên Jim Foster được. Nếu trong đêm ấy tại Ý Đại Lợi Jim không rời anh đi nơi khác thì bây giờ anh không có ở đây đâu. Và khi em nghĩ đến điều ấy nhiều như anh, em sẽ cho rằng Jim không phải chỉ là một người duy nhất đâu. Hàng ngàn những anh chàng đã chết theo lối Jim, và cũng nhờ thế mà anh còn sống trở về đây. Bây giờ anh không thể để Jim hờn tủi được. Anh không thể làm thế được.»

«Em biết mà,» Nancy gạt nước mắt, nhỏ nhẹ nói. «Bây giờ em hiểu rồi, Ted à. Dầu sao em cũng tin rằng em hiểu rồi.»

•

XẾ chiều hôm ấy mặt trời rọi sáng trên chiếc thảm dưới chân Floren Warren. Trong suốt thời gian mà Ted cứ dặm chân lên sàn nhà, nàng vẫn không nhúc nhích. Khi nói cho nàng biết về cái đêm ở thung lũng xong, chàng bóp dẹp điếu thuốc và dừng lại trước mặt nàng.

«Jim là anh chàng vĩ đại nhất đời, Flo à». Ted nghiêm nghị nói. «Jim có thể để cho chúng tôi đầu hàng quân Đức, nhưng anh ấy biết đại úy cần tin tức của mấy tù binh. Anh ấy có thể để chúng tôi đem anh ấy ra khỏi thung lũng, nhưng anh ấy biết quân Đức sẽ bắt được chúng tôi và giết chết cả hai. Jim muốn một trong hai đứa chúng tôi trở về nhà, anh ấy nhận thấy rằng tôi mới có thể ra khỏi nơi ấy mà còn sống.»

Chàng ngồi xuống cái ghế nệm dài cạnh nàng, nóng nảy măn mó mấy ngón tay, nhìn chúng như có ý định muốn nghe chúng nói những điều chàng muốn nói.

«Sau khi biết Jim, tôi sợ cô sẽ không được hạnh phúc với tôi» chàng nói, vẫn nhìn xuống hai bàn tay mình.

Flo quay nhanh đầu nhìn chàng.

«Nhưng tôi sẽ không thành hôn với anh dâu Ted,» nàng nhẹ nhàng nói. «Dù có thế nào đi nữa tôi cũng không chịu làm thế.»

«Nhưng Jim đã nói—»

Nàng lắc đầu đứng dậy và đi đến bàn viết phía bên kia phòng. Nàng mở ngăn kéo lấy ra một bó thơ gói kỹ. Khi kiếm xong một lá thơ đặc biệt, nàng đem đến cái ghế đệm dài.

«Không đâu, Ted à», nàng nói. «Em biết Jim mà, và dần dần em đã bắt đầu biết anh ấy nhiều hơn — nhiều hơn cả anh biết nữa. Đây là lá thơ Jim đã viết cho em lâu rồi, sau khi anh ấy vừa mới đặt chân đến Ý Đại Lợi. Anh ấy có viết cho em rằng dù có gì xảy ra — dù anh ấy có chết ngoài chiến trận — anh ấy vẫn muốn em lúc nào cũng là bạn — đó là điều chàng nói — bạn của anh và Nancy Lúc ấy em tưởng anh ấy nói như thế là điều kỳ lạ. Hoặc có lẽ tại vì em không muốn biết anh ấy định ý gì. Có lẽ em cũng không muốn nghĩ rằng anh ấy có thể — có thể...»

«Có thể cho rằng sẽ xảy ra như thế?» Ted nói thêm vào.

Nàng gật đầu.

«Phải đấy. Thật đúng như thế. Em cũng không muốn nghĩ rằng anh ấy có thể cho rằng em biết anh ấy định ý gì. Nhưng đó là điều anh ấy muốn em hiểu. Jim muốn rằng nếu không có anh thì Jim mong em sẽ là bạn của anh và Nancy. Jim không muốn em trở thành cay đắng thù oán đối với anh và Nancy nếu em biết được anh ấy đã hy sinh đời mình để cứu anh. Jim không muốn sự thù oán của em làm hại cuộc đời của người nào trong ba đứa chúng ta. Và điều này sẽ không xảy ra đâu, Ted à. Xin anh hãy tin em. Jim biết rằng sẽ có lúc em hiểu được — và anh ấy đã viết như là em phải biết — phải làm điều gì. Vì thế anh ấy đã yêu cầu anh đến với em, Ted à. Anh ấy biết em có thể giải nghĩa mọi điều rõ ràng hơn anh ấy có thể làm vào lúc như thế.»

NANCY chờ Ted lái xe vào trong con đường lái xe ở trại Glennon và chạy ra. Nàng chạy đến chàng, hai người cùng đến cổng một lúc. Vừa thấy mặt chàng, nàng biết ngay là chàng không cần phải nói là chàng đã trở về với nàng. Chưa ai nói được lời nào, chàng đã chạy qua cổng choàng tay ôm lấy nàng.

«Nhiều người trong thành phố này sẽ không bao giờ nhận thức được Jim Foster đã làm gì cho họ», chàng nói. «Anh ước sao có cách làm cho họ hiểu — như Flo Warren làm. Họ cho rằng anh ấy chỉ là một trong những anh chàng bị giết trong chiến tranh vì bất cẩn hoặc vì đó là một tai nạn. Họ không biết rằng trong chiến tranh có những cách chết khác. Jim đã chết, được rồi, nhưng nếu họ dựng lên một đài kỷ niệm cao chọc trời thì vẫn chưa xứng với một anh chàng như Jim. Chúng ta sẽ nhớ điều ấy, Nancy à, cho đến khi chúng ta chết.»

Bản dịch của THỊNH

HÃY ĐỌC
Nguyệt san VAN HẠNH
cơ quan phát huy văn hóa Phật giáo

vương pền liêm

GIÁO DỤC QUẦN CHÚNG tại Việt Nam

TRONG một văn kiện cải tổ hệ thống tổ chức mới đây, Bộ Giáo dục thiết lập thêm « Nha Sư phạm, Tu nghiệp và Giáo dục Tráng niên». Nha này gồm có bốn phòng, trong ấy có phòng Giáo dục Tráng niên và phòng Bình dân Giáo dục. Như vậy, phòng Bình dân Giáo dục thuộc Nha Tư thục và BDGD cũ đương nhiên giải tán.

Theo tinh thần trên, hai tổ chức mới của phòng GDTN và phòng BDGD đưa đến cho chúng ta một nhận định về vấn đề Giáo-dục Quần chúng tại Việt nam. Trước hết, người ta tự hỏi không biết giới hữu trách quan niệm thế nào về hoạt động Giáo dục Tráng niên và Bình dân Giáo dục khi phân nhiệm cho hai phòng liên hệ đó? Hơn nữa, hai vấn đề có khác biệt với nhau không và nó đã đóng vai trò nào trong khuynh hướng Giáo dục quần chúng ? Chúng tôi xin phân tích vấn đề để tiến đến việc đặt lại tổ chức Giáo dục Quần chúng.

A.— Xác định danh từ.

Giáo dục quần chúng nói chúng, là một nhu cầu cấp thiết đối với những quốc gia chậm tiến. Hình thức và phương pháp có khác nhau giữa nước này với nước kia nhưng mục đích cuối cùng của nó vẫn là nhằm xây dựng một công dân tiến bộ thích nghi với đời sống mới. Về danh từ, chúng ta thấy nói đến Giáo dục quần chúng (Trung Hoa), Văn hóa bình dân (Pháp), Giáo dục công nhân (Anh), Giáo dục xã hội (Ấn Độ), Văn hóa đoàn (Mễ Tây Cơ), Đại học dân chúng (Úc Đại Lợi), Chương trình mỹ hóa (Hoa kỳ) v.v... Khi tổ chức UNESCO ra đời lại có thêm một số danh từ : Giáo dục căn bản, Giáo dục Tráng niên, Giáo dục cộng đồng (khác với đường lối GDCĐ của Việt nam). Và chính Phi luật tân đã sử dụng danh từ Giáo dục Tráng niên để chỉ đến những hoạt động liên quan đến Giáo dục dân chúng. Riêng ở nước ta, cho đến nay phát sinh thêm

hai danh từ mới Giáo dục tráng niên, Giáo dục quần chúng cọng với danh từ cũ Bình dân giáo dục rất được thông dụng trước đây.

1) Bình dân giáo dục : Từ ngữ này dùng để chỉ một đường lối giáo dục sơ đẳng dành riêng cho những người dốt nát, không biết chữ, có một trình độ hiểu biết thật thấp. Đường lối này được thực hiện chính thức ở nước ta vào năm 1956 bắt đầu bằng một chiến dịch « thanh toán nạn mù chữ» do Bộ Quốc gia giáo dục phát động rầm rộ từ trung ương xuống đến tỉnh, quận, xã, ấp. Các lớp bình dân được mở ở khắp nơi nhằm chống giặc dốt, nghĩa là dạy cho người chưa biết chữ, đọc kha khá các sách báo, truyền đơn, bích chương, biểu ngữ và viết thư, ghi chép điều cần thiết trong đời sống hằng ngày. Ngoài ra chương trình học 4 tháng còn dạy cho dân chúng làm được bốn phép tính, các ý niệm thường thức về vệs inh, công dân giáo dục, sử địa... Dần dần về sau, có nhiều địa phương mở thêm các lớp bổ túc văn hóa cho những người đã biết chữ và có trình độ hiểu biết khá muốn trau dồi thêm kiến thức. Công việc này ngày càng làm phát sinh thêm các lớp đặc biệt chuyên môn khác như lớp dạy nghề đan, may, đóng giầy, làm đồ gỗ, sửa chữa máy móc... như bách khoa bình dân.

Ngày nay, nếu chú tâm một chút, chúng ta nhận thấy có khuynh hướng khác thường trong đường lối giáo dục bình dân, các lớp thanh toán nạn mù chữ ngày càng khó tổ chức và không kết quả, trái lại các lớp huấn nghệ ngày càng tiến triển hơn lên.

2. Giáo dục tráng niên : Phải chăng khuynh hướng nói trên đưa đến danh từ giáo dục tráng niên ? Giới hữu trách giáo dục chỉ nói đến chữ giáo dục tráng niên trong các văn kiện chính thức mới đây mà thôi, nhất là đề cập tới việc thành lập thêm phòng giáo dục tráng niên. Nhưng phòng Bình dân giáo dục vẫn còn duy trì ở Nha này. Thế là Bộ Giáo dục đã phân biệt đường lối hay ngành Giáo dục tráng niên với Bình dân Giáo dục.

Đại hội Giáo dục tháng 10-1964 đã đưa ra phần đúc kết của Tiểu ban Bình dân Giáo dục cho ta thấy sự ấm ớ trong lúc thảo luận về Bình dân Giáo dục và Giáo dục tráng niên như sau :

« Đa số các câu đáp ***đều không đồng ý rằng : mục tiêu của Bình dân Giáo dục gồm hai điểm :***

« a Chống nạn mù chữ,

« b— Bổ túc : bằng một hay nhiều hình thức đề nghị sau đây :

« Bách khoa bình dân

« Bổ túc những thiếu sót của trẻ em không học hết tiểu học

« Giúp học viên có kiến thức thông thường

« Học nghề

« Biết dùng thời giờ nhàn rỗi (vấn đề giải trí) » (1)

. . . . . .

« . . . Mục tiêu chánh yếu của nền *Giáo dục tráng niên* vẫn chưa đạt được, *xét cả về hai phương diện* : chống nạn mù chữ và bổ túc văn hóa, nghề nghiệp cho những người mù chữ thiếu học... » (2)

Như vậy thì còn ai xác định được vấn đề nữa.

Trong tài liệu giáo dục số 8, sở nghiên cứu và kế hoạch của Bộ Giáo dục đề cập

(1) Văn hóa Nguyệt San tập XIV quyển 3 và 4 tháng 3, 4-1965

(2) Trang 531 và 534

đến mục đích Giáo dục tráng niên như sau : *Những lớp Giáo dục tráng niên mở trên toàn cõi Việt Nam tự do nhằm mục đích:*

— dạy đọc, viết, tính toán cho tất cả công dân mù chữ từ 16 tuổi trở lên.

— dạy bổ túc những người đã biết đọc, biết viết, muốn trau dồi thêm văn hóa và nhất là về nghề nghiệp để sản xuất.

Theo đó, Giáo dục tráng niên bao gồm cả Bình dân Giáo dục hay Bình dân Giáo dục theo quan niệm mới là Giáo dục tráng niên.

Quan niệm vừa nêu có lẽ gần đúng với những ý kiến đã phát biểu trong Hội nghị địa phương Châu Á về Giáo dục tráng niên mở tại Saigon vào khoảng tháng 4-1962. Ở đây, các chuyên viên đã phân tích các hình thức có tính cách Giáo dục tráng niên như Giáo dục bổ túc, Giáo dục thường xuyên, Giáo dục căn bản, Giáo dục cộng đồng... để đi đến kết luận là nên theo khuyến cáo của ông Tổng Giám đốc Unesco xác định danh từ *Giáo dục tráng niên,* chỉ những thứ Giáo dục ngoài học đường (vào năm 1952).

3) *Giáo dục quần chúng :* Chúng ta vẫn thấy còn nhiều thiếu sót trong đường hướng Giáo dục cho dân chúng như ý nghĩa của « tráng niên » có lẽ hẹp hòi quá. Vì lẽ, Giáo dục chỉ có tác dụng xây dựng *con người* (không riêng gì tráng niên) về mọi phương diện vẫn chưa đủ mà phải thích nghi hóa con người với đà tiến triển của xã hội và nhất là phải kết hợp được hai đường hướng vừa chỉ dẫn *cải tiến cá nhân vừa chỉ dẫn góp phần phát triển địa phương một cách tích cực.* Đó mới là đích điểm của nền giáo dục dân chúng, nhất là dân chúng ở một quốc gia chậm tiến. Theo quan niệm rộng rãi này, chúng ta không thể không đồng ý với danh từ GIÁO DỤC QUẦN CHÚNG. Chúng ta sẽ xem mục tiêu của thứ giáo dục này ra sao ?

B. - Mục tiêu của giáo dục quần chúng :

Chúng ta có thể xác định một số mục tiêu chính yếu của giáo dục quần chúng liên quan đến bốn lãnh vực: văn hóa, xã hội, y tế và kinh tế.

1) *Nâng cao trình độ văn hóa :*

— Dạy cho dân chúng biết đọc và hiểu được các thứ giấy tờ bằng chữ in như sách báo, đặc san...

— biết đọc và thuật lại các bích chương, biểu ngữ, thông cáo cho người khác nghe

— biết đọc và định giá các thứ tiền bạc, ngân phiếu ...

— biết diễn tả ý tưởng trên giấy tờ, đơn từ.

— biết viết và trả lời thơ từ của người thân

— Dạy làm được ít nhất bốn phép tính trong các vấn đề liên quan đời sống hàng ngày

— Bổ túc kiến thức mới cho những người có trình độ hiểu biết cao ...

2) *Phát huy các đức tính và bảo vệ luật lệ quốc gia:*

— Dạy những nét đại cương về đức hạnh

— Làm mở mang óc nhận xét và phân tích

— Dạy họ biết tuân hành và tôn trọng luật lệ

— Tìm cách phát triển tinh thần hợp tác và cộng đồng

— Dạy họ biết tham gia hoạt động của chính phủ

— Dạy họ biết chính nghĩa quốc gia

— Dạy họ biết quyền lợi và nghĩa vụ công dân trong đời sống dân chủ.

3) Tăng gia sản xuất và phát triển nghề nghiệp :

— Giúp họ biết tăng năng suất bằng cách canh tân phương pháp trồng tỉa, chăn nuôi hành nghề

— Giúp họ loại trừ các mê tín trong việc làm mùa, trồng tỉa, chăn nuôi, chuyên chở

— Giúp họ làm nảy nở chí hướng trau dồi nghề nghhiệp

— Giúp khuyến khích khuếch trương thủ công nghệ gia đình và địa phương như thêu thùa, đan, làm đồ gốm v.v...

— Hướng dẫn gây tình thân thiện giữa chủ với thợ, giữa chủ điền và tá điền, kẻ mua với người bán, giới tiêu thụ với giới sản xuất và các đoàn thể khác.

— Khuyến khích làm lợi cho nền kinh tế bằng cách lập hợp tác xã tiêu thụ và thương mãi.

4) Gây ý thức vệ sinh và sức khỏe :

— Chỉ dẫn các thói quen tốt về ăn uống sạch sẽ như lựa chọn và chế biến thực phẩm

— Phát triển các thói quen về sự sạch sẽ cá nhân.

— Chỉ dẫn cách dùng nước tinh khiết

— Tiêu trừ các mê tín về việc chữa bệnh và biết giúp nhân viên y tế bảo vệ sự sạch sẽ

— Chỉ dẫn cách giữ gìn sạch sẽ các cơ sở chính quyền địa phương.

— Phát triển thói quen tốt về vệ sinh cá nhân và công cộng.

5) Nâng cao điều kiện sinh hoạt gia đình và đời sống cộng đồng :

— Chỉ dẫn cho dân chúng biết các chất bổ dưỡng trong thực phẩm : rau cải, trái cây cá thịt, bơ sữa ....

— Cải thiện điều kiện gia đình như giữ gìn sạch sẽ chỗ ở, phòng tắm, nhà bếp, nhà vệ sinh ; trang hoàng nhà cửa bằng tranh ảnh, dây leo sống ; sử dụng cẩn thận các vật dụng, bàn ghế.

— Chỉ dẫn hiệu quả công việc nội trợ như sửa soạn bữa ăn, tổ chức giải trí, dưỡng trị bệnh, săn sóc trẻ con ở gia đình.

— Biết bảo vệ và chỉnh trang khung cảnh chung quanh như trồng cây cối, hoa kiểng, rau cải trước sân và làm hàng rào vén khéo.

— Duy trì niềm hòa khí trong gia đình và tình thân thiện với láng giềng.

— Khuyến khích sự hợp tác giữa dân chúng với địa phương để cùng nhau giữ gìn sạch sẽ nơi công cộng ; bảo vệ đường sá, công viên...

6) Tổ chức các hoạt động giải trí :

— Tham dự các trò chơi có tính cách thể thao.

— Tập ca, hát, đóng kịch...

— Tham gia chương trình văn nghệ các buổi lễ...

7) Thắt chặt mối liên lạc với các dân tộc trên thế giới :

— Phổ biến tin tức thời sự cho các quốc gia láng diềng.

— Trao đổi tin tức về vấn đề sản xuất với nước bạn.

— Loan báo tin tức về công chức xuất ngoại.

— Tìm hiểu cuộc đời các bậc vĩ nhân thế giới, phong tục, sự giàu mạnh của các dân tộc qua sách báo, vô tuyến truyền thanh, truyền hình, phim ảnh...

C. — Hình thức Giáo dục quần chúng :

Thông thường, người ta hiểu Bình dân

giáo dục là mở lớp dạy dân chúng cho biết đọc, biết viết, biết tính toán ; Giáo dục tráng niên cũng chỉ là huấn nghệ cho một số thanh niên lớn tuổi, có nghề sinh sống. Còn giáo dục quần chúng thì rộng rãi và phức tạp hơn, ngoài hai ý nghĩa trên còn bao hàm việc bổ túc văn hóa, nâng cao trình độ hiểu biết về các lãnh vực xã hội, y tế, canh nông nhất là hướng dẫn mọi tầng lớp dân chúng (thiếu nhi, tráng niên, bô lão) xây dựng bản thân và cải thiện hoàn cảnh xã hội địa phương. Gây ý thức cho mọi người dân sẵn sàng góp phần làm phát triển xã hội chính là vai trò quan trọng và cần thiết của Giáo dục quần chúng. Vì nó rộng rãi và phức tạp nên được thể hiện bằng nhiều hình thức khác nhau. Chúng ta xét đến một số hình thức dưới đây :

1) *Chống nạn mù chữ* : Coi như giản dị và cần thiết nhất trong công tác giáo dục quần chúng. Từ trước tới nay, biết đọc biết viết được coi là nhu yếu ưu tiên của dân chúng mù chữ. Trong giai đoạn khai tâm và chính quyền cho đó là công việc cưỡng bách đối với mọi công dân.

Đối với nước ta, vấn đề thanh toán nạn mù chữ vẫn chưa kết thúc mặc dù từ năm 1954 đến năm 1961, theo bản thống kê chính thức số người mù chữ giảm xuống rất nhiều :

2.284.144 — 1.675.100 = 609.044.

Hình như trên thực tế con số ấy còn lớn hơn và từ đó đến nay, nạn thất học ngày càng gia tăng. Như vậy, các lớp chống nạn mù chữ được đặc biệt lưu tâm trong khi nói đến giáo dục dân chúng.

2) *Bổ túc kiến thức* : nhằm nâng cao trình độ hiểu biết của dân chúng khi đã qua giai đoạn khai tâm và bổ túc thêm những điều thiếu sót ngoài học đường. Phần thứ nhất có tính cách giáo dục phổ thông tương đương với chương trình bậc tiểu học gồm các môn : vệ sinh, khoa học thường thức, công dân giáo dục, tập đọc, tập làm văn, ngữ vựng, toán học, sử địa v.v...và các lớp khuyến học bổ túc chuyên khoa trình độ từ trung học trở lên : toán học, khoa học thực nghiệm, văn chương và sinh ngữ v.v... Phần thứ nhì có tính cách hướng nghiệp tổng quát gầy dựng thêm những kiến thức chuyên môn để cải tiến nghề nghiệp và phát triển xã hội. Hình thức giáo dục này không bắt buộc tổ chức những lớp học chính thức mà cán bộ có thể chỉ dẫn cá nhân hoặc tập thể tại nhà, tại nơi dân chúng làm việc để vừa trình giảng vừa thực nghiệm. Nhưng cũng có địa phương người ta cố gắng mở các khóa huấn luyện đặc biệt có giờ giấc nhất định. Công tác này đã vượt khỏi phạm vi nhà giáo đến quyền hạn của các cán bộ chuyên môn. Và hình thức này tiến dần đến hình thức dạy nghề.

3) *Dạy nghề* : Khóa học đặc biệt mở ra để rèn luyện cho dân chúng (phần nhiều là thanh, tráng niên) thông thạo một nghề. Đối với hạng người nửa thầy nửa thợ việc học lấy một nghề rất cần thiết trong xã hội mà sinh kế ngày càng trở nên khó khăn. Chương trình huấn nghệ này có tính cách địa phương và đặt nặng về phần thực hành. Dân chúng sẽ thích học nghề nào khi thấy cần thiết cho nhu cầu hiện tại, nghĩa là khi học xong họ có thể kiếm được việc làm ngay.

Những nghề được đem ra giảng dạy cho dân chúng hay dân chúng tự động xin học thường nằm trong lãnh vực thủ công nghệ, tiểu công nghệ hay thương mãi như nghề đan, dệt, mộc, rèn, nữ công gia chánh đóng giầy, lái xe, đánh máy, sửa tháo ráp loại máy nhẹ v.v... Nếu dưới hình thức bổ túc kiến thức, giáo dục dân chúng nhằm

tổng quát vào việc cải thiện nghề nghiệp để phát triển địa phương thì ở đây dạy nghề cốt sao cho dân chúng biết rành một nghề để dễ tìm sinh kế.

4) *Giải trí* : Giải trí cũng là một hình thức giáo dục không kém phần quan trọng và cần thiết. Đa số dân chúng đã dùng gần hết số giờ trong ngày để làm lụng ; còn số người khác lại không biết xử dụng các giờ nhàn rỗi. Cả hai trường hợp đều thiếu sự giải trí. Vấn đề này chẳng những giúp vui cho dân chúng mà còn có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống sinh hoạt hàng ngày, vật chất lẫn tinh thần. Bởi lẽ, người ta sẽ khéo léo làm cho các cuộc giải trí có tính cách giáo dục, nghĩa là nhờ vào tổ chức giải trí mà dân chúng lần lần ý thức được các điều xây dựng và cải tiến mà không ai có thể phủ nhận. Trình diễn văn nghệ, chiếu bóng, truyền hình, tổ chức thể dục thể thao như bóng chuyền, bóng tròn, đua xe đạp v.v... là những thứ giải trí lành mạnh.

Tùy theo hoàn cảnh và nhu cầu địa phương, hình thức giải trí sẽ được tác động thế nào cho hữu hiệu. Càng ngày người ta càng tổ chức các công tác giáo dục dưới hình thức giải trí, nhất là giáo dục quần chúng. Sử dụng hình ảnh, dụng cụ thính thị cũng là một khía cạnh của vấn đề.

5) *Những hình thức thuộc về tâm lý* : Bốn hình thức giáo dục nêu trên rất cụ thể và rõ rệt. Tuy nhiên giáo dục quần chúng chỉ được thể hiện dưới bốn hình thức ấy thì thật thiếu sót. Trên thực tế, còn quá nhiều vấn đề cũng có tính cách giáo dục nhưng không thuộc vào bốn hình thức đơn giản đã mô tả. Thí dụ muốn tổ chức một cuộc bầu cử Quốc hội, hội đồng hàng tỉnh hay ủy ban hành chánh xã, chính quyền phải áp dụng một số hình thức giáo dục như tuyên truyền, cổ động loan báo và gây ý thức, tổ chức học tập cho dân chúng về thể thức sử dụng lá phiếu... Trước một công tác phát triển cộng đồng hay trang bị nông thôn, cán bộ liên hệ cũng cần đến các hình thức vừa nêu nhằm mục đích *khích động* tâm lý, gây *nhận thức* cho dân chúng để họ *chấp nhận* và rồi đi đến *thực hiện* vấn đề...

D.— Tổ chức giáo dục quần chúng :

Ở nước ta, các tổ chức sau đây thường đứng ra đảm nhận công việc giáo dục quần chúng :

1) *Tổ chức tư nhân* : Những cơ quan từ thiện, đoàn thể tư, các tôn giáo luôn luôn tự thấy có trách nhiệm đối với sự tiến thoái của xã hội, trong đó có vấn đề xây dựng con người, cải thiện đời sống và phát triển quốc gia. Những công tác này được gắn liền với giáo dục quần chúng như mở lớp bình dân, hướng dẫn dân chúng cải tiến nghề nghiệp hay tổ chức các cuộc giải trí, công tác xã hội... Kết quả rất đáng kể.

2) *Tổ chức bán chính thức* : Các Bộ chuyên môn đã tham dự vào công việc giáo dục quần chúng gồm có Bộ xã hội, Y tế, Lao động, Canh nông, Xây dựng nông thôn Tâm lý chiến, Chiêu hồi... Hoạt động của các cơ quan này nhằm vào các lãnh vực chuyên môn riêng biệt bằng những chương trình qui mô, kế hoạch rộng lớn với những phương tiện dồi dào.

Thí dụ : Bộ y tế hướng dẫn dân chúng ý thức và thực hiện về vệ sinh cá nhân, công cộng, cách phòng ngừa và chữa trị bệnh, phép dinh dưỡng, dưỡng nhi... Bộ canh nông giúp dân thực hiện các phương thức cải tiến nghề nghiệp, làm tăng năng suất, bảo vệ mùa màng...

3) *Tổ chức chính thức* : Nói về chiến dịch thanh toán nạn mù chữ trước đây thì mỗi

địa phương có một « ủy ban thanh toán mù chữ » cấp tỉnh, quận và xã điều khiển trực tiếp. Thành phần của ủy ban cấp tỉnh gồm có

— Chủ tịch : Đô trưởng hay Thị trưởng Tỉnh trưởng.

— Phó chủ tịch : nhân sĩ hay thân hào

— Thủ quỹ : do Tỉnh trưởng đề cử chịu trách nhiệm

— Một số ủy viên : đại diện phụ huynh đại biểu các cơ quan, đoàn thể.

— Thư ký : Trưởng ty tiểu học.

Tại trung ương, Nha Tư thục và Bình dân giáo dục có nhiệm vụ theo dõi, đôn đốc và hướng dẫn các ủy ban địa phương cho tới nay, các ủy ban lần lần biến mất và phòng BDGD hoạt động không hiệu quả vì lý do chiến tranh. Đó là lãnh vực chống nạn mù chữ. Còn các hình thức bổ túc kiến thức. dạy nghề, giải trí vẫn được duy trì ở các tỉnh thành và có chiều hướng đi lên nữa.

Ngoài Nha Tư thục và Bình dân giáo dục, Nha Tiểu học cũng đã hoạt động tích cực cho đường lối này nhất là ở các địa phương, giáo chức tiểu học đã tham gia vào chiến dịch chống nạn mù chữ rất đắc lực. Từ khi đường lối giáo dục cộng đồng có mặt ở Việt nam, trường Tiểu học cộng đồng đương nhiên có trách nhiệm trong công cuộc giáo dục quần chúng. Theo đường lối GDCĐ, trường cộng đồng ngoài nhiệm vụ đào tạo trẻ con ở học đường còn tham dự vào công tác giáo dục dân chúng ngoài địa phương vì là đối tượng của trường này là trẻ con và dân chúng. Những hình thức giáo dục quần chúng trình bày ở đoạn trên đã được trường tiểu học cộng đồng đem vào chương trình hoạt động cùng với sự cộng tác của các cơ quan bạn.

CHO đến nay, không ai còn có thể phủ nhận vai trò trọng yếu và tính cách cấp thời của vấn đề giáo dục dân chúng. Đó là một đường lối hữu hiệu nhất trong việc xây dựng con người, giúp đỡ họ có phương tiện và ý thức trách nhiệm để tham dự xào công tác cải tiến xã hội. Kinh nghiệm cho thấy tính cách kém hiệu năng của một Nha Tư thục và BDGD, nên chúng ta không thể chấp nhận một cơ quan độc quyền hay đơn phương điều hành đường lối giáo dục dân chúng. Dù trong tổ chức mới, Bộ Giáo dục đã phân nhiệm mở lớp bình dân cho phòng BDGD, tổ chức và phát triển ngành giáo dục dân chúng cho phòng GDTN nhưng chỉ hai phòng này thì tương lai cũng chưa khả quan lắm. Theo hệ thống tổ chức; hai phòng BDGD và GDTN của Nha sư phạm, Tu nghiệp và GDTN làm sao phối hợp vơi Nha Tiểu học cho kết quả trong việc giáo dục quần chúng nói chung ? Vả lại, Nha Tiểu học không có trách nhiệm gì về giáo dục tráng niên và bình dân giáo dục (nói như danh từ của Bộ Giáo dục). Nếu các trường học nhất là trường cộng đồng có lo lắng tới dân chúng thì đó là một việc khác. Trong quá khứ, chúng ta chỉ thấy các giáo chức tiểu học mở lớp chống nạn mù chữ nhiều hơn cán bộ BDGD mà trên nguyên tắc các Nha Tiểu học, Trung học hay viện Đại học không có nhiệm vụ này.

Chúng tôi thiết nghĩ, *tại mỗi ngành học*

nên có một cơ quan tổ chức và điều hành vấn đề giáo dục quần chúng (Tiểu học, Trung học và Đại học). Tùy phương tiện điều kiện và nhu cầu *các hình thức giáo dục quần chúng được cơ quan liên hệ phát động và thực hiện* (Nha Tiểu học, Nha Trung học, Nha Cao Đại học). Từ trước tơi giờ hai Nha sau nầy không để ý đến vấn đề giáo dục dân chúng. Đó là điều thiếu sót trong chính sách giáo dục dân chúng rộng lớn và thiết yếu. Còn vấn đề cán bộ, người ta nghĩ dễ dãi rằng hễ là nhà giáo tức nhiên giáo dục dân chúng được. Khả năng thì có song phương pháp dạy là điều cần đặt lại. Dạy người lớn đâu phải giống như dạy trẻ con. Chúng tôi đề nghị *các lớp sư phạm và khóa Tu nghiệp nên thêm vào chương trình phần huấn luyện về phương pháp giáo dục dân chúng đủ các hình thức.* Những phần quá chuyên môn như dạy nghề, bổ túc kiến thức về nghề nghiệp kỹ thuật, nên dành cho cán bộ chuyên môn. Giáo chức sẽ hợp tác với cơ quan chuyên môn về vấn đề này nếu cần tổ chức để thỏa mản nhu cầu dân chúng.

Nói tóm lại, muốn cho ngành giáo dục quần chúng phát triển mạnh mẽ và tốt đẹp thì *mỗi bậc học nên có cơ quan điều hành trung ương như ở Nha Tiểu học, Trung học và Cao Đại học. Còn phần tổ chức và thực hiện chương trình giáo dục dân chúng là nhiệm vụ của giáo chức trung, tiểu, đại học tại các trường học.* Và để việc làm này có kết quả thì trong lúc đào tạo và tu nghiệp cũng phải đặt nặng phương pháp giáo dục dân chúng cho họ.

Đó là một kế hoạch hay chính sách giáo dục hệ trọng không thể xao lãng và sai lầm nữa được.

ANH HAY CHỊ ĐÃ MUA

MƯỜI BÀI TÂM CA

Của Phạm Duy

ĐỂ VỀ HÁT CHƯA ?

chín

VIẾT LIỄN

MỚI hai mươi tết chú Tâm Thái đã hối thúc tôi mua giấy hồng điều về viết liễn tết cho bà con trong làng. Chú mặc chiếc áo nhật bình màu đất có một miếng vá trên vai, chiếc áo nhật bình nâu đọc nhất của chú. Chiếc áo chẳng có vẻ Tết chút nào, cả tuy nhiên tôi vẫn thấy Tết trong mắt chú, hai con mắt thật sáng như mắt của mấy đứa học trò tớp dệ thất mà chú dạy. Tôi thương chú như em không phải vì chú làm việc giỏi, một mình làm giám học coi sóc cho cả 8 lớp của Trường Trung Tiểu học Chim Sơn Ca mà vì chú có những tánh trẻ con dễ thương như các em học sinh lớp đệ Thất.

Một « cậu trẻ con » cai quản một lũ trẻ con, vậy mà công việc cũng êm xuôi. Lâu lâu chị hiệu trưởng mới phải về một lần dàn xếp một vụ xích mích của dám phụ huynh nọ, một vụ «làm nũng» của cô giáo kia. Việc của chị ấy chỉ là lo thu xếp những việc đối ngoại như chuẩn bị khai sinh cho các em thi tiểu học, đi xin hồ nước cho học trò uống v.v. Còn nội bộ của trường thì được giao cho chú hết.

Tôi ngồi im lắng nghe chú nói chuyện, xếp đặt về việc Tết, chú căn dặn tôi phải chữa bài Việt văn cho kịp để các em viết vào bích báo, đề nghị cách trình bày, đề nghị huấn luyện các em như thế nào để sau này có thể thay mình, trở nên những người điều khiển trường v.v. Tôi chăm chú nghe, cố gắng thực hiện những đề nghị

của chú, trừ dề nghị mua giấy hồng điều về viết đối liễn cho cô bác trong làng như chúng tôi đã làm mọi năm.

Khi tôi còn ở xa, các bạn tôi viết thư khoe: « chiều qua cả nhà đi viết đối liễn tết cho tất cả bà con trong làng người nào cũng cảm động lắm. Có người đòi cho tiền công viết.

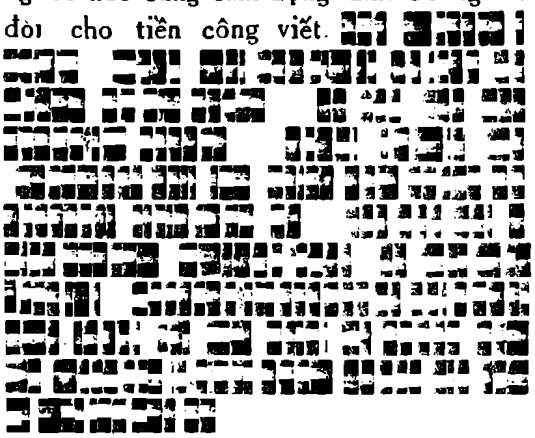

KHI nào viết thư cho tôi các bạn cũng thuật dủ chuyện từ chuyện thầy bị con rít cắn nhứt dúng ba tiếng đồng hồ ở nhà mới trong làng, cho đến những dự tính lớn lao như thành lập phong trào T N. [illegible] nhắm đến sự cải tiến thật sự cho xứ sở. Vì vậy việc viết liễn Tết là một chuyện nhỏ nhặt rơi vào giữa những việc quan trọng khác. Thế nhưng hình ảnh những câu đối viết trên giấy hồng điều dán trước các nhà miền quê trong ngày Tết gợi lên trong tôi tất cả những hình ảnh thân thuộc của quê hương. Đêm đó tôi nằm mơ thấy toàn là chuyện được về nước, đi chân không trên những con dường đất cát miền quê, ngắm những cây mai vàng, những câu đối đỏ, rồi lại được ăn dưa hấu đỏ với cơm. Thật là sung sướng.

Đến khi choàng tỉnh dậy mới biết mình vẫn nằm ở quê người và Việt Nam thân yêu ở mãi tận bên kia quả đất.

Cho đến Tết Ất tỵ tôi mới được dích thân đi làm công việ dán liễn cho bà con ở làng với các bạn tôi. Năm người chia nhau thành hai toán. Một toán đi viết mừng cho các nhà ở làng I. Thầy C.T. và tôi đi làng II.

LÀNG I là một làng ở thật xa, chúng tôi mới quen trong vòng vài tháng. Vì thế việc chúng tôi đến từng nhà viết liễn chúc mừng họ là một điều hơi lạ đối với dân làng. Sáng hôm đó là ngày hai mươi tám Tết, nắng dịu và bầu trời xanh xanh. Ruộng hai bên đường vừa được gặt xong, chỉ còn trơ mấy gốc rạ. Chúng tôi dựng xe gần một cây rơm cao ở đầu cổng. Mùi rơm mới thơm nhẹ, thật dễ chịu. Tôi mở giỏ ra lấy những đồ nghề cần thiết. Thầy C.T. đi trước, tay trái cầm bình mực tàu, cẩn thận dưa lên ngang ngực vì sợ đổ, tay phải cầm cây bút lông, buông thỏng theo nhịp đánh đồng xa. Vạt áo nhật bình nâu bay phần phật dưới chân thầy. Trông thầy oai phuông như ông tướng sắp ký một sắc lệnh ban hồng ân cho dân chúng. Tôi vừa đi vừa chạy theo sau, tay cắp chồng giấy hồng điều đỏ, cắt sẵn thành miếng vuông hình miếng chả, tay dơ cao một hủ keo dán giấy. Các em học trò của chú Tâm Thể chạy ra khoanh tay chào chúng tôi rồi lặng lẽ đi theo sau. Dáng điệu thầy C.T. khiến các em cảm thấy việc làm của chúng tôi có vẻ nghiêm trọng. Thằng Bu tròn quay và đen bóng trong bộ pyjama rằn, mở to mắt, tròn miệng lại mà nhìn. Thằng Nữa thọc tay vào hai túi áo bà ba đen giương mắt và há miệng chạy theo coi. Con Phó con Vân, con Gái cũng chạy theo và hỏi lẫn nhau : « Cái gì vậy hén, cái gì vậy

hén ? » Chúng tôi bước vào nhà bác Ba ở đầu xóm. Tôi nhỏ nhẻ thưa :

— Thưa bác, để mừng năm mới, thầy con muốn viết mừng bác hai chữ để cầu chúc bác những điều bác ước ao. Thí dụ như HẠNH PHÚC, PHÚ QUÍ, AN LẠC ..

Bác Ba chắc chừng vừa thổi lửa, nấu cơm ở dưới bếp lên nên đưa cánh tay lên quệt mặt như muốn lau lọ. Tay kia bác kéo vạt áo bà ba nâu xuống. Bác vừa cười nhe cả hàm răng hô nhuộm nước cốt trầu và nói :

— Dạ, cám ơn thầy quá. Thầy viết cho chi cũng được.

Tôi nhắc lại :

— Nhưng thưa bác, bác thích hai chữ nào vậy bác ? Hạnh phúc hay phú quí ?

NÉT mặt bác Ba hơi nghiêm lại. Những nét nhăn trên trán biến mất. Bác dấn đo một lúc rồi trịnh trọng nói, in như là nếu chúng tôi biên chữ gì thì bác sẽ được như nguyện chữ đó :

— Thôi thì xin thầy chữ gì mà cho trẻ nhỏ nó mạnh giỏi, trong nhà hòa thuận vui vẻ là được rồi.

Thầy C.T. nói :

— Như vậy thì tôi sẽ viết chữ « hạnh phúc » cho bác nghe ?

Tôi vội vàng căng một miếng giấy đỏ cắt sẵn trên mặt chiếc bàn tròn nhà bác. Thầy C.T. ung dung chấm cây bút lông vào bình và hoa bút viết chữ HẠNH nét chữ bay bướm và tài hoa. Sau khi trao cho tôi giữ, thầy viết tiếp sang tờ khác chữ PHÚC.

ĐỢI chừng vài phút cho mực khô, tôi ra trước nhà tìm nơi để dán. Tôi vuốt tay nhẹ trên vách lá nhà bác Ba. Mùi lá thơm thơm dễ chịu nhưng nếu phết keo vào, dán sẽ chẳng được dính. Cuối cùng mọi người đồng ý dán trên hai cây cột vuông bé tí trước nhà. Bác Ba ra đứng trước cửa săm soi mãi mấy chữ nho huyền bí mà bác tin là sẽ mang đến cho gia đình bác điềm lành sang năm. Trong giây phút đó tôi bỗng quên hẳn những kiến thức về khoa học, về khoa tâm phân học, quên hẳn những điều học hỏi về Duy thức, về nghiệp lực và về loài người. Trong giây phút đó tự nhiên tôi cũng thấy rung động và hồi hợp như bác Ba, tôi cũng đứng ngắm nghía những chữ huyền bí đó để mà ước mơ và hy vọng. Tôi cũng ước ao được hai chữ đen thắm viết vào nền giấy đỏ tươi tắn kia để dán trước cửa nhà tôi. Hai chữ đó sẽ là AN LẠC, an lạc trong lòng người. Có an lạc trong lòng người thì mới có hòa bình thế giới mới có tình thương và hiểu biết chân thật. Mà có những thứ đó rồi thì ta sẽ có tất cả cơm áo, tiện nghi trong đời sống vật chất và tiến triển về phương diện tinh thần. Giã từ bác Ba, chúng tôi lần lượt đến từng nhà, cố gắng thực hiện những điều họ ước mơ trên những miếng giấy thắm màu hy vọng. Bác Năm ước mong cho đất nước thanh bình để bác về sống trong ngôi nhà cũ của bác ở Ấp dưới. Chú Bảy hy vọng sang năm sẽ ngưng giặc giã để thằng con trai độc nhứt của chú đang đi lính được sớm trở về.

CHÚNG tôi đến nhà má thằng Câu lúc chị đang vá lại mấy cái áo để cho mấy đứa nhỏ có áo lành ăn Tết. Chẳng có một thứ thực phẩm nào chuẩn bị cho ba ngày Tết trừ nửa thúng gạo đỏ để ở góc nhà. Chẳng cần hỏi chị ước mơ chị thầy C.T viết liền hai chữ PHÚ QUÝ và nói :

— Tôi viết tặng chị hai chữ giàu sang để qua năm chị đỡ khổ hơn nghe.

Chị Tư nhìn chúng tôi mà nước mắt rưng rưng.

— Tết nầy ba thằng Câu đi lính không về được, em nghỉ gặt từ hôm 23 Tết nên tiền công gặt xài hết rồi. Chạy lắm mới đủ mua năm lít gạo đỏ cho tụi nhỏ nó ăn trong ba ngày Tết đó Chín.

Chị nhìn quanh nhà rồi tiếp :

— Chẳng có được trái dưa để trước cúng ông bà sau là dãi Thầy và Chín ăn.

Thầy C. T xua xua tay, mỉm cười, cảm động. Trong khi tôi bế em gái út lên tay. Chúng tôi ngồi im lặng một lúc lâu với chị rồi mới kiếu từ ra về.

Đó là căn nhà cuối cùng ; xem lại đồng hồ thấy gần hai giờ trưa, chúng tôi đi lần theo con đê con để trở ra cổng làng.

Tôi ôn lại những điều mơ ước của đồng bào trong ấp. Phần đông những ao ước đều giống nhau :

Con đường đê dưa về cổng ấp sao như dài thêm ra. Nắng trưa chói chang trên đầu mà tôi cứ ung dung thong thả. Tôi lạy Phật cho sang năm tôi được trở về đây để nghe cô bác hề hả thuật chuyện thanh bình, chuyện thằng con trai của chú Bảy, chuyện ba thằng Câu và biết bao người con trai khác trong làng

Ba thằng Câu nghe dâu cuốc đất trồng trọt giỏi lắm, thế nào cũng có trái dưa xẻ mừng thầy và Chín khi đến thăm.

Nhưng cho đến ngày hai mươi chín Tết rồi tức là ba trăm sáu mươi lăm ngày đã qua mà đất nước vẫn chưa ngưng tiếng súng. Tôi làm sao dám về dán liền Tết và chúc mừng cho bà con ? Các bạn đều hối thúc tôi mua giấy hồng điều, cuối cùng tôi cũng phải đi mua nhưng mà tôi cắt phần cho họ đi chúc mừng các làng khác. Chiều hai mươi chín Tết, Tâm, Uyên và chú Tâm Thể đã đi dán xong cho mọi nhà ở một làng mới nữa. Chắc là các bạn tôi cũng mơ ước như tôi nhưng tôi lạy Phật họ sẽ may mắn hơn, nghĩa là sang năm họ có dịp trở lại nơi nầy mà hãnh diện rằng các điều họ chúc mừng dân làng đều được thực hiện.

nẻo về của ý

Truyện dài

NHẤT HẠNH

IX

NHỮNG dòng chữ này có lẽ sẽ đến tay Nguyên Hưng vào những ngày cuối năm, trong khi ở các chợ Saigon thiên hạ đang tấp nập mua bán. Tôi có thể tưởng tượng được những núi dưa hấu cao ngất, những trái dưa hình thật tròn, da thật xanh và ruột đỏ thắm. Mùa này, ở đây, không sao tìm ra được một trái dưa hấu. Nếu có thì chắc thế nào tôi cũng mua một vài trái và gọt thành những cái đèn dưa thật đẹp rồi. Hôm qua tôi có nhận được từ bên nhà gửi qua một gói quà tết, trong đó có mấy miếng trầm, mấy cây đèn bạch lạp, một hộp trà, một ít mứt gừng, một ít mứt trái tắc, và hạt dưa... Tôi mừng lắm. Tối qua, như một người rất nhàn rỗi, tôi đun nước, pha trà, thắp bạch lạp và ngồi cắn hạt dưa một mình. Steve không chịu cắn hạt dưa, nói cho đúng là không biết cắn hạt dưa. Steve cũng không thể ăn mứt gừng ; chú ta có nếm một tí, và nhăn mặt kêu là cay quá. Cậu chỉ uống được trà và nhấm nháp ít trái tắc.

Steve hỏi tôi ăn cái thứ hạt dưa ấy thì có ích lợi gì. Tôi nói : có nhiều cái lợi lắm chứ. Ở đây tuy người ta *ăn* rất nhiều trong các cuộc lễ, lễ giáng sinh, lễ tạ ơn, vân vân... nhưng người ta không nói đến tiếng ăn. Còn bên xứ chúng tôi người ta nói thẳng thắn là *ăn*. Ăn Tết, ăn lễ sinh nhật, ăn cưới, ăn hỏi, ăn khảm tháng, ăn ngũ tuần, ăn lục tuần, ăn thượng thọ, ăn giỗ, vân vân... Mà Tết

thì kéo dài những ba ngày ; trong ba ngày liền phải ăn luôn miệng. Đi đâu, gặp ai mời, cũng ăn, cũng phải ăn. Mà thức ăn cũng mau no, chỉ có hạt dưa là ăn mãi cũng không no. Như vậy cái lợi thứ nhất là được ăn mãi mà không sợ phải no. Cái lợi thứ hai là tuy ăn hoài nhưng mà không sợ hại cho sức khoẻ. Ăn cái gì nhiều cũng có thể đau bụng, đau gan, trúng thực nhưng mà ăn hạt dưa thì không sao; vì tuy cái miệng ăn hoài mà cái dạ dầy không bao giờ đầy. Cái lợi thứ ba là đỡ phải nói chuyện, nhất là khi ta không biết chuyện gì mà nói. Dù sao thì cái miệng tôi cũng đang làm việc mà; tôi ít nói tại vì tôi đang vui miệng ăn hạt dưa, chớ không phải là tôi không biết nói chuyện. Cái lợi thứ tư là tránh được cái hại đa ngôn đa quá. Hạt dưa dạy người ta ít nói, dạy người ta im lặng để suy nghĩ về những điều mình muốn nói, dạy người ta biết nghe những người khác Từ đứa trẻ năm tuổi cho đến ông già tám mươi ai cũng có thể dạy cho ta được nhiều điều bằng các câu chuyện của họ — người ta thường nói như thế. Hạt dưa khiến cho ta chín chắn hơn, và giúp ta tránh được những câu nói vô ích, lầm lỡ, nhất là những câu tuyên bố bừa bãi không dựa trên một căn bản suy tư và nhận xét nào cả. Trong trường hợp này, biết thì thưa thốt, không biết thì « cắn hạt dưa» mà nghe. Khỏi phải dựa cột. Steve cười ngất khi nghe tôi nói như vậy và bảo rằng tôi có thể viết những ý đó thành một bài nói về cái triết học của hạt dưa đỏ.

Ở nơi Nguyên Hưng ở, bây giờ trời đã bớt rét chưa ? Bên này cố nhiên là trời cũng còn rét lắm. Còn độ hai tháng nữa mùa Đông mới qua. Tôi chắc ở chùa Từ Hiếu, các đồi thông đã bắt đầu xanh mướt rồi. Các đọt thông ở đấy vào mùa Xuân sao mà thẳng và dẹp đến thế. Tôi biết thế nào Nguyên Hưng cũng để rất nhiều thì giờ đi giữa những cây thông xanh mướt. Tôi chưa bao giờ nỡ bẻ một cành thông, thế nhưng tôi biết những đồi thông sẽ mang nhiều thương tích vào những ngày đầu Xuân khi thiên hạ đi hái lộc. Một cái vườn chùa đẹp đến mấy mà sau một buổi hái lộc cũng trở thành xác xơ. Tôi nhớ có một năm nọ, chùa Xá Lợi phải trồng một ít cành thông làm cây thông để cho tín đồ đến hái lộc, như vậy đỡ hại cho những cây cảnh mà chùa đã phải chăm sóc hết hơi mới có lên được. Tôi không biết cái gì đã xảy ra vào ngày chủ nhật. Không lý chùa phải yết thị rằng hái lộc thì chỉ được hái cây thông còn các cây khác thì chừa ra. Nếu thế thì sẽ không ai hiểu tại sao. Mà nếu hiểu tại sao thì có lẽ người ta sẽ không hái lộc nữa, bởi vì người ta nghĩ rằng những cành thông kia không thực sự hút nhựa từ đất Phật, không thực sự mọc lên từ đất Phật. Cái tục hái lộc thì thật đẹp nhưng mà đông người hái lộc quá thì không còn đẹp nữa. Tôi nghĩ đến những buổi cầu nguyện đông đảo những buổi thuyết pháp đông đảo và tôi ước ao chúng ta còn có thể duy trì được những cảnh chùa thật thanh tịnh, những buổi gặp mặt truyền tâm giữa một thầy một trò. Tôi ưa đi vào một chính diện thanh tịnh và nhỏ bé, một chính điện dành cho sự đối thoại cá nhân giữa con người và đức Phật. Sự đối thoại ấy mới dễ trở thành một sự đối thoại tâm linh, và gặp gỡ đức Phật như

thế cũng là gặp gỡ tâm linh của chính mình. Chùa chiền và giáo đường bây giờ có khuynh hướng xây cất cho sự cầu nguyện tập thể. Đó là nhu yếu. Tôi cũng khát khao sự truyền tâm giữa một thầy một trò trong đó trò biết là tất cả con người của thầy đang hướng về mình, kêu gọi sự thức tỉnh và đáp ứng nơi mình, và thầy cũng biết là trước mặt mình chỉ có một trò với tất cả con người trọn vẹn và đặc thù của nó. Trong đại hội Linh Sơn, khi Phật đưa cành hoa lên thì chỉ có một mình Ca Diếp mỉm cười. Đột nhiên đại hội Linh Sơn biến mất, sự có mặt của mọi người trở nên không có. Chỉ còn có hai người : Phật và Ca Diếp là những người thực sự có mặt. Đám đông Nguyên Hưng ơi, trong những trường hợp như thế, chỉ là một con số không.

CÓ một buổi chiều đi bộ từ Nam Giao lên chùa tôi gặp một đoàn thiếu niên thiếu nữ Phật tử đi cắm trại từ các đồi thông Từ Hiếu về. Họ đi rải rác, người đi bộ, kẻ đi xe đạp. Người đầu tôi gặp cầm trong tay một cành thông. Người thứ hai cũng vậy. Rồi người thứ ban cũng vậy. Rồi đến cả đoàn. Tôi thấy xót ruột và đau xót cho những đồi thông. Có lẽ ngày Tết cơ sự cũng xảy ra tương tợ như thế. Tết này Nguyên Hưng nhớ « bảo vệ » giúp cho các đồi thông nhé.

Giờ mà Nguyên Hưng đón giao thừa bên đó thì bên này là giữa trưa. Nghĩ cũng là một điều hay. Năm ngoái tôi đón Giao Thừa ở Princeton vào lúc mười hai giờ trưa, cùng với một em bé Việt Nam mới được ở cách đó không xa. Giờ đó, thành phố đó, thời tiết đó mà trong phòng chúng tôi cũng có giao thừa. Thiên hạ bên này vẫn đi làm việc tám giờ một ngày, chẳng ai để ý rằng ở Việt Nam Nguyên Hưng đang đón giao thừa, đang ăn Tết. Tại vì tôi biết tôi còn ở đây cho nên tôi cũng biết Nguyên Hưng còn ở đó, Việt Nam còn ở đó, và đêm Giao thừa vẫn hiện hữu. Tất cả chỉ là vấn đề nhận thức, chủ thể nhận thức không rời đối tượng nhận thức. Tôi nhớ có một bữa trưa tôi vào đọc sách nơi phòng triết học của thư viện Butler. Khi vào, tôi chỉ thấy có hai người đang ngồi tra cứu, hai người đàn ông lớn tuổi. Bữa đó tôi đi tìm đọc một cuốn sách của giáo sư Sneider. Đọc được một lúc, không biết rõ là bao lâu, bỗng dưng tôi thoáng thấy mùi hoa bưởi. Ban đầu tôi ngạc nhiên hết sức vì tôi nghĩ rằng ở địa phương này làm gì có được hoa bưởi. Nguyên Hưng nên nhớ rằng tôi xa nhà đã lâu và bất cứ hình sắc âm thanh hương vị nào của quê hương đối với tôi cũng vô cùng quý giá. Cứ tưởng tượng ngồi tại một xứ xa thật xa, mấy năm trời tự dưng được ghe thấy mùi hoa bưởi kỳ diệu ấy :

Bông lài, bông lý, bông ngâu,
Chẳng bằng bông bưởi thơm lâu, dịu dàng.

Mùi hoa bưởi, mùi hoa của quê hương của ca dao. Tôi không đọc Sneider được nữa. Tôi suy nghĩ, và tôi kết luận rằng mùi đó không có thực, không phải là từ tánh cảnh, đới chất cảnh mà từ độc ảnh cảnh tới nghĩa là một ảnh tượng khứu giác được phát hiện trở lại từ tiềm thức. Như thế thì đã có một vài lần tôi trải qua

trường hợp ấy rồi. Tôi yên trí, tiếp tục đọc Sneider. Nhưng chỉ một lát sau, mùi hoa bưởi trở lại, hiện thực hơn nhiều, khiến tôi phải ngừng đọc, ngồi xét lại. Tôi nghĩ có thể có những người khác mới vào phòng đọc sách, trong số đó có thể có một cô nữ sinh có xức nước hoa mùi hoa bưởi. Kỳ thực tôi không biết có thể có thứ nước hoa chế tạo bằng hoa bưởi không. Nhưng tôi cứ cho là có. Và tôi nghĩ, trong lúc đầu vẫn cúi nhìn vào trang sách như từ khi mới ngồi xuống đọc, rằng người phụ nữ trang điểm bằng thứ nước hoa kia phải là một người thanh nhã, có dáng dấp Việt Nam, ít nhứt là dáng dấp đông phương. Có một cái gì thúc đẩy tôi nhìn lên coi ai mang theo mùi hoa bưởi thân yêu đó. Nhưng mà tôi vẫn không ngửng đầu lên. Tôi tinh nghịch tự nhủ rằng nếu ngửng đầu lên và tìm thấy một người không giống gì hết với sự tưởng tượng, nghĩa là một người không trang nhã, không có tính cách đông phương, một người béo tốt dầy dà phấn son trát đầy đầu đầy cổ thì tôi sẽ bị nếm một thứ thất vọng nào đó. Như vậy mà tôi ngồi cho tới năm phút, không ngửng đầu lên nhìn, cũng không đọc Sneider. Rồi kết cuộc thì ra làm sao, tôi biết Nguyên Hưng sẽ hỏi. Nhưng mà tôi không nói đâu, Nguyên Hưng tự đoán lấy. Ai dại gì mà nói điều ấy ra cho Nguyên Hưng nghe. Tôi mắc cở lắm. Chỉ khi nào Nguyên Hưng giỏi thật giỏi không cần biết tới cái kết thúc của câu chuyện thì tôi mới nói cho Nguyên Hưng nghe mà thôi.

NGUYÊN Hưng, tôi đã phải học Duy Thức từ lúc mười sáu tuổi và cái tuổi còn non nớt đó không cho phép tôi hiểu thấu được những cái như kiến phần tướng phần, sơ sở duyên duyên. Rất khó mà hiểu được tại sao kiến phần và tướng phần là những cái không thể rời nhau mà hiện khởi, tại sao mà chủ thể không thể tồn tại biệt lập ngoài đối tượng. Ấy thế mà hồi đó tôi cũng biết đàm luận về duy thức cũng làm bài thi và cũng được điểm cao. Tôi lý luận như thế này: duy thức là *nhờ có nhận thức thì vạn hữu mới trở thành thực hữu*. Không có nhận thức thì do đâu mà biết là có với không, và không có cái biết về có với không tức cũng như không có gì cả. Đó, tôi chỉ cắt nghĩa ngây thơ như vậy, còn các lối giải bày khác tôi không nắm được, hoặc tôi cho là vô lý không thể chấp nhận được. Những dòng nầy do tôi viết và Nguyên Hưng sẽ đọc Những dòng nầy hiện giờ Nguyên Hưng chưa đọc. Vậy thì những giòng nầy, kể cả bản chất tư tưởng, tình cảm, giấy, mực, thời gian, không gian, nét chữ vân vân.. chỉ nằm trong nhận thức tôi. Và cả Nguyên Hưng nữa, Nguyên Hưng đối tượng của những dòng chữ này, cũng nằm trong nhận thức tôi. Mà tất cả mọi hiện tượng khác như quê hương Việt Nam với những cây cam cây bưởi đầy hoa, những cây dừa duyên dáng, những cây cau cao vút và thẳng băng, cũng như thành phố náo nhiệt tôi ở đây, cũng như mặt trời, tuyết, mây trăng, sao... đều nằm trong nhận thức tôi. Tất cả đều là khái niệm và thế giới của tôi trong đó có Nguyên Hưng, có cây bưởi, cây chanh, cây khế, cũng là một thế giới khái niệm. Vài hôm nữa khi những dòng chữ nầy tới tay Nguyên Hưng, Nguyên Hưng sẽ thấy tôi hiện hữu trong đó, thành phố tôi hiện hữu trong đó, nét chữ, tình cảm, tư tưởng tôi hiện hữu trong đó, nhưng mà tất cả những thứ ấy

cũng trở thành khái niệm trong nhận thức Nguyên Hưng và không thể được đồng nhất đối tượng của nhận thức tôi. Vậy ta cứ cho rằng thực tại bản thân tánh cảnh vô chất nằm trong phần căn bản của nhận thức cọng đồng, hoặc có thể gọi là tự thể phần của thức hay của thức cọng đồng cọng biến; còn thế giới khái niệm, thế giới đới chất và độc ảnh, là thế giới được tạo tác nên do khuynh hướng biến kế chấp trong đó tương phần và kiến phần là hai mặt hiện tượng của một tự thể ... Điều nầy tôi thấy rõ trong một buổi khuya ở chùa Trúc Lâm cách đây chưa đầy hai năm. Đêm đó tôi thức dậy lúc hai giờ rưỡi khuya và không ngủ lại được nữa. Tôi nằm yên lặng cho đến khi chuông khuya bắt đầu ngân nga mới chổi dậy. Tôi đưa chân xuống tìm đôi dép nhưng không tìm ra, có lẽ đôi dép đã bị tôi đẩy vào gậm giường từ hồi tối. Tôi không tìm đôi dép nữa, cứ đi chân trên nền đất tìm ra cửa sổ. Nền đất lạnh gây cảm giác mát lạnh nơi gan bàn chân của tôi, và sự thấm lạnh ấy đột nhiên khiến tôi tỉnh táo và minh mẫn một cách lạ thường. Tôi đi từng bước tìm tới cửa sổ và tỳ tay nơi cửa sổ nhìn ra ngoài. Trời đất vẫn còn đen tối và tôi không nhìn thấy được gì cả. Tuy nhiên trong đêm đen, tôi vẫn biết cây lá trong vườn còn đó, và bụi trúc dào cũng còn đó ở góc bên kia. Cây hoa đại vẫn còn ở trước cửa sổ tôi. Mà sở dĩ như vậy là tại vì chủ thể nhận thức không thể tồn tại ngoài đối tượng nhận thức. Trong lòng đêm thâu hay trong lòng nhận thức cũng vậy, khóm trúc, cây hoa đại đang đóng vai trò đối tượng sở duyên. Và nhờ có sở duyên mới có được năng duyên chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức không thể rời nhau. Và ngoài kia, núi sông, trời đất, những ngôi sao lớn nhứt, và thực hữu, và mặt trời của tôi cũng chỉ nằm trong lòng nhận thức. Đột nhiên thời gian và khoảng cách tự tiêu diệt, tan biến. Đột nhiên năng và sở tan biến. Đột nhiên diệt và sinh tan biến. Dù em có cách xa muôn vạn do tuần thì muôn vạn do tuần ấy cũng được nối liền trong một lận hư trần. Dù cho bách thiên vạn kiếp thì bách thiên vạn kiếp ấy cũng trở về nối liền với hiện tại trong một sát na. Hiện hữu của em tự nhiên trở về bừng tỏa nơi nhận thức tôi. Đột nhiên tôi mỉm cười. Có lẽ lúc ấy mà có một người rình thấy được tôi đang cười trước một đêm đen không trông thấy gì không trông thấy ai mà cũng không có gì trông thấy mình không có ai trông thấy mình, người ấy sẽ ngạc nhiên, hoặc có thể hoảng sợ lạnh tới xương sống. Bởi vì cái cười của tôi đối với người ấy có thể có tính cách ma quái hoặc là của một người sắp sửa *điên* tới nơi rồi. Có chi mà đứng mỉm cười trước một cái màn đêm đen nghịt và vô nghĩa như vậy. Nhưng Nguyên Hưng biết rằng màn đêm tuy có đen nghịt thật nhưng không vô nghĩa chút nào. Nó trở thành rạng rỡ vô cùng trong nhận thức tôi. Và hiện hữu mầu nhiệm trở thành bừng tỏa nơi nụ cười huyền diệu ấy. Tôi biết là em còn đó vì tôi còn đây và tôi biết vì tôi còn đây nên em còn đó. Nếu có thì năng duyên và sở duyên cùng có, nếu không thì năng duyên và sở duyên cùng không. Cho nên chủ và khách cùng thuộc về một tự thể và trong chủ đã có sẵn khách.

TÔI biết rằng lát nữa khi bình minh về thì sẽ cũng không có gì khác lạ xảy ra trên

bình diện hữu thể. Mầu trời xanh biếc phương tây và màu chân trời hồng đỏ phương đông cũng chỉ là xanh là hồng trong nhận thức tôi. Xanh không phải thuộc về một tự thể xanh và hồng cũng không thuộc về một tự thể hồng. Xanh chỉ có nghĩa là xanh đối với tôi, trong nhận thức tôi. Cũng như hồng. Cũng như Sinh Cũng như Diệt. Cũng như Đồng. Cũng như Dị. Cũng như Lai. Cũng như Khứ Tất cả đều chỉ là hình ảnh nhận thức Nhìn vào mắt tôi đi và em sẽ thấy em trong đó. Em rạng rỡ thì mắt tôi cũng rạng rỡ. Em mầu nhiệm thì nhận thức tôi cũng thành mầu nhiệm. Và ngược lại, tôi xa xăm thì em hình bóng em và tự thể em, cũng trở nên xa xăm. Hãy nhìn vào mắt tôi em sẽ biết vũ trụ của tôi sáng hay tối, thiện hay ác, vô cùng hay hữu hạn, sinh tử hay niết bàn. Có lần Trụ Vũ nói :

Bởi vì mắt thấy trời xanh
Cho nên mắt cũng long lanh mầu trời
Bởi vì mắt thấy biển khơi
Cho nên mắt cũng xa vời đại dương

Nguyên Hưng, khi nụ cười trong đêm thâu bừng nở rồi thì tôi có cảm giác nhẹ nhàng như mây khói và tôi thấy tôi nằm ngửa bơi nhẹ nhàng trên một giòng suối trong mát lạnh. Đầu tôi gối trên những chiếc gối sóng nhỏ. Nhìn lên trời tôi thấy trời xanh mây trắng của ngày cũ. Mây vẫn trắng, trời vẫn xanh. Mây có thể lại trắng hơn và trời xanh hơn. Đó phải chăng là dấu hiệu của thực tại bất sinh bất diệt ? Tôi nghe lá thu khô xao xác trong rừng cây, tôi ngửi thấy hương thơm ngất ngây của cỏ rơm đồng nội. Nhưng cảm giác ấy thoáng qua mau khi tôi trông thấy một ngôi sao trên trời. Ngôi sao đưa lối cho tôi trở về trước cửa sổ, hai chân trên nền đất mát và bàn tay tỳ trên song cửa Tôi còn đây, tôi hiện hữu cho thế giới hiện hữu, cho em hiện hữu. Cũng như hòn sạn kia, cũng như đám mây kia. Sự hiện hữu của chúng kéo theo sự hiện hữu của tôi. Và nếu viên cuội kia mà không thật sự hiện hữu thì tôi đây làm sao hiện hữu được ? Đã có thì có từ hạt bụi. Mà hạt bụi đã không thì tam thiên đại thiên thế giới cũng không. Tôi cũng không. Em cũng không.

NGUYÊN Hưng, tôi thấy tôi rất bằng lòng cái quê hương nầy của chúng ta. Dòng sông kia là hình bóng trôi chảy dịch hóa của vạn tượng. Nhờ có sự trôi chảy mà có sự Sống. Sự chết cũng nằm trong sự Sống bởi vì không có chết thì không thể có sống. Hoan nghênh sự trôi chảy. Hoan nghênh vô thường vô ngã Bởi vì có vô thường vô ngã mới có thế giới đẹp đẽ của thi ca của thiền. Và còn vườn chuối mướt đồng bằng kia nữa. Hình bóng của êm mát, ngọt ngào, hiền lành. Và cũng còn những hàng cau thẳng tắp vươn lên mặt trời. Hương cau thơm ngát... Mặt trái đất sở dĩ đầy tràn cát bụi, chân chúng ta dính vào cát cụi, mắt chúng ta thấy toàn cát bụi, là tại vì chúng ta chỉ nhìn xuống cát bụi. Không, tôi không muốn rời bỏ chốn này để đi về cực lạc hay thiên đường. Quê hương của tôi là ở đây, ngay trên mặt trái đất. Chỉ cần ngửng đầu nhìn lên là tôi trông thấy trăng sao của đêm rằm, của tâm linh. Chính vì được ở đây, vì

được đứng đây nên tôi mới thấy được như thế. Điều quan yếu không phải là từ giã, chối bỏ, trốn tránh. Điều quan yếu là nhận thức ra rằng hễ mắt ta mở thì ta trông thấy ... Cảnh giới niết bàn quyết định có đủ những thứ cây như cây bàng, cây cau, cây khế, cây chanh, cây bưởi ... tôi thấy như thế, và tôi buồn cười quá. Tôi buồn cười cho chính tôi, ngày xưa, đã đi tìm niết bàn như một cái gì cách biệt và trái chống với thế giới sinh diệt ... Chân như hiển hiện mầu nhiệm nơi tử sinh.

NGUYÊN Hưng chắc còn nhớ những cơn mưa lớn ở miền Nam đất nước ta. Có một lần tôi ngồi ở nhà một người bạn tôi trông thấy một cảnh tượng mà nhìn ngắm mãi không biết chán. Trời mưa lớn. Bên kia đường, đối diện với chỗ tôi đang ngồi là một tiệm bán chạp phô lụp xụp. Trong tiệm treo đầy những guốc, giầy thừng, dây kẻm, soong chảo, và bày biện một ngàn thứ lặt vặt khác như nước mắm, đèn cầy, tương, kẹo đậu phụng, vân vân ... vì vậy, tiệm tối om Lại thêm trời mưa to nữa. Tôi thấy một đứa bé chừng sáu tuổi đang ngồi ăn cơm một mình trước cửa tiệm ngay chỗ bậc cửa ra vào, gần sát giọt nước trên mái chảy xuống. Đứa bé ngồi trên một chiếc dòn thấp. Nó ở trần và chỉ mặc một chiếc quần cụt. Thân hình đứa bé đen nám, có lẽ tại nó hay chạy chơi ngoài nắng quá. Tay trái nâng một bát cơm, tay phải thì cầm dũa. Nó ăn rất dè dặt, mắt hết ngước nhìn những giọt nước rơi từ mái tôn lại theo dõi những chiếc bong bóng nước trước sân. Tôi ngồi cách nó chừng mười thước, nhưng tôi có thể biết được đứa bé đang ăn cơm với trứng vịt chan nước mắm. Những miếng trứng vịt nhỏ xíu chôn dưới đáy bát. Nó lấy dũa moi lên và ăn từng miếng với cơm một cách dè sẻn. Vừa ăn nó vừa ngắm mưa một cách thích thú vô cùng và cũng bình tĩnh vô cùng. Tôi ngắm nhìn nó và theo dõi nó trong từng cử chỉ từng cái nhìn. Thân hình nó vẻ rắn chắc, mạnh khỏe. Ngắm nó tôi thấy sự an lạc. Có lẽ cái chữ *le bien-être* của tiếng Pháp theo nghĩa chính xác nhất dùng vào đấy thì rất đúng. Và rất hay nữa Tôi thấy tim nó đập điều hòa. Phổi nó, dạ dày nó, ruột nó, gan nó, các hạch tiết tuyến của nó làm việc điều hòa. Cái gì cũng thông suốt, cái gì cũng không bị trục trặc. Giả dụ nó bị nhức răng thì cái diện mạo của nó sẽ nhăn nhó, sẽ khó chịu, nó không thể nào an nhiên hạnh phúc như thế kia được. Tôi ngắm nó như ngắm một sự toàn bích, như ngắm một bông hoa, như ngắm một cảnh bình minh. Và tôi chợt thấy chân như và niết bàn hiển hiện. Tôi bị thâu hút vào hình bóng đó và an nhiên trầm tĩnh ngắm nhìn đứa bé như biểu hiệu của pháp thân, của niết bàn, của sự an lạc. Tôi đọc thấy sự an lạc ấy nơi mỗi cái nhìn, mỗi cái và cơm, mỗi cái ngước mắt. Tôi biết chắc rằng lúc đó nó không có ý thức phân biệt rằng nó thuộc về giai cấp nghèo, nó không thấy cái quần cụt đen dúa của nó là xấu xí so với quần áo sang trọng của những đứa trẻ khác, rằng chân nó không có giày dẹp rằng ghế nó ngồi là một cái dòn khập khểnh nghèo nàn. Nó không phân biệt, nó không tủi thân, nó không ham muốn. Mà nó sung sướng hoàn toàn, an lạc hoàn toàn. Chỉ nhìn nó, tôi cũng thấy an lạc tràn ngập cả bản thể. Lúc đó có mấy cái bóng

đi qua đường,, mầu tím mầu đỏ. Tôi thấy nó ngước lên nhìn một chút — tôi theo dõi nó rất tỷ mỷ, — rồi lại dưa mắt trở về dám bọt nước trước sân, miệng vẫn nhai và cái đầu gục gặc có vẻ thích chí lắm. Tôi biết nó không mảy may chú ý nào về những người vừa đi qua đường mà tôi biết chắc là hai người thiếu nữ mang dù, vì tôi đã thoáng thấy những cái áo màu tím màu đỏ. Và chắc chắn cũng vì những cái mầu đó, những cái mầu chói lọi đó, mà nó ngước lên mà thôi Mặt nó không lộ một tý thay đổi nào khi nhìn lên. Bỗng tôi thấy nó dưa mắt về phía đầu đường và miệng nó nở một nụ cười rạng rỡ. Nó hoàn hoàn bị thu hút bởi cái cảnh tượng đầu đường. Thấy rõ sự sung sướng cực độ biểu lộ trên mặt nó, tôi cũng nhìn về phía đầu đường. Tôi thấy hai đứa trẻ đẩy một chiếc xe mây có bốn bánh gỗ đi lại, trên xe có một em bé ngồi. Tất cả đều ở truồng. Và cả ba đều nô đùa thích thú trong mưa. Những chiếc bánh xe gỗ lăn mau, thỉnh thoảng gặp những vũng nước trên đường bắn tung toé ra hai bên. Tôi nhìn trở lại đứa bé đang ăn cơm. Nó ngừng hẳn công việc ăn và theo dõi trò chơi của ba đứa trẻ ngoài đường. Hai mắt sáng như sao. Tôi không biết hai mắt tôi lúc đó có phản chiếu đôi mắt nó không, nhưng có một điều tôi biết rõ là lúc đó tôi cũng sung sướng cực kỳ. Có thể là không sung sướng bằng nó, cũng có thể là tôi sung sướng hơn nó, hơn ở chỗ tôi biết sung sướng.

BỖNG tôi nghe nó dạ một tiếng và ôm bát dũa vào nhà. Có lẽ cha mẹ nó gọi vào để bảo nó xới thêm một bát cơm nữa. Hồi lâu tôi không thấy nó trở ra. Nó có thể đã trở vào ngồi ăn chung với bố mẹ nó. Cũng có thể nó bị mắng là ăn một chén cơm lâu quá không xong chỉ lo ngồi chơi ở ngoài ngưỡng cửa. Nhưng mà bị mắng như thế thì tội nghiệp quá. Người ta không biết được rằng nó vừa sống ở thiên đường, ở niết bàn ở chân như. Người ta không biết được rằng những phân biệt, những mừng tủi, những toan tính giết chết thiên đường. Xin đừng la mắng ánh sáng, đừng la mắng suối trong, đừng la mắng những con chim mùa xuân bé nhỏ.

LÀM sao anh lên thiên đường được nếu anh không trở nên trẻ thơ. Làm sao anh thấy được chân như bằng con mắt phân tích và nhận thức khái niệm đầy dẫy phân biệt. Những hàng chữ này tôi muốn tự nhiên mà trở thành thơ dại. Tôi muốn dè cổ Nguyên Hưng xuống để xem cái xoáy tóc ở phía nào. Một xoáy ở với cha, hai xoáy ở với mẹ, ba xoáy ở với dì . . . mấy xoáy thì ở với quê hương nhỉ. Tôi đang ngồi đây, chờ Nguyên Hưng trả lời. Tuyết giờ này đang rơi. Tôi muốn liệng về cho Nguyên Hưng một nắm lạnh buốt.

Ngày xưa chúng ta đã từng ước muốn làm những chàng dũng sĩ cần thiết cho cuộc đời, «bể trầm luân lấp cho bằng mới thôi». Nhưng chúng ta không biết bằng những chất liệu nào người ta có thể tạo nên một chàng dũng sĩ. Chúng ta muốn được như những chàng dũng sĩ trong các truyện kiếm hiệp. Bây giờ ngồi đây, nhớ lại ước ao đó bất giác mà mỉm cười. Bộ mặt chúng mình không giống gì một dũng sĩ cả. Thà như ngày

xưa cầm kiếm tre đánh nhau và bắt chước y hệt những lời của các bậc kiếm khách. Bây giờ nơi thành phố náo nhiệt và lạnh buốt này viết cho Nguyên Hưng lòng tôi cũng vẫn còn đôi chút rộn ràng về cái mộng ngày xưa. Thì ra cuộc đời từ khi có cái mộng của chúng ta vẫn là một cuộc đời kiên nhẫn, kiên nhẫn chờ đợi những chàng dũng sĩ không thể không có trong cuộc đời. Nhưng mà các chàng dũng sĩ ngày xưa trước khi xuống núi cứu người giúp đời đều được huấn luyện võ nghệ trong một thời gian lâu dài với các bậc kiếm tiên sư phụ. Còn vốn liếng của chúng ta thì chỉ có một cuốn *Tỳ Nhật Dụng* và những cái tài nấu cơm, quét sân, gánh nước, bổ củi. Đã thế trong số những kẻ học làm dũng sĩ như chúng ta, có nhiều người không nắm được một kỹ thuật nào về sự nấu cơm, quét sân, gánh nước và bổ củi ấy. Rồi bị bắt buộc xuống núi, hoặc tình nguyện xuống núi. Tài nghệ không có, bản tính không có làm sao mà cứu người giúp đời. Ấy vậy mà một số trong chúng ta đã tưởng mình là những chàng dũng sĩ thực thụ. Những chàng dũng sĩ cần thiết cho cuộc đời. Và chính cuộc đời cũng nói như thế, cũng công nhận như thế ! Cuộc đời chỉ cần những chàng dũng sĩ giả hiệu, và các chàng dũng sĩ như chúng ta vì thế càng ngày càng tin chắc mình là dũng sĩ. «Cuộc đời nếu không có ta...» Nếu không có ta, chắc cuộc đời đã tàn rụi rồi nhỉ. Nhưng mà Nguyên Hưng ơi, trong những năm ở Phương Bối và chính ngay bây giờ nữa, cuộc đời đã tàn rụi đâu. Cuộc đời còn đó, kiên nhẫn chờ đợi mà. Chỉ sợ những người muốn làm dũng sĩ không chờ đợi được chính mình mà thôi. Chúng ta đã gặp những chàng dũng sĩ trên bước đi của chúng ta. Không có bản lĩnh thực của dũng sĩ, họ phải mượn tạm khí giới của cuộc đời. Họ xử dụng được tiền bạc, danh vọng và thế lực. Nhưng mà những khí giới ấy chỉ có thể đối phó với cuộc đời thôi chứ không thể đối phó với bản thân và bảo vệ cho đời sống thực của chính các chàng dũng sĩ. Để đối phó với vấn đề sinh tử của chính mình, các chàng dũng sĩ phải dùng sự bận rộn. Sự bận rộn, sự bận rộn. Ai chế tạo ra hóa phẩm kỳ diệu này mà sức tàn phá không kém chi bom nguyên tử, không khác chi khói thuốc phiện. Cái thế giới nội tâm trống trải quá, và con người bây giờ có thể đối phó với một cuộc chiến tranh dễ dàng hơn đối phó với cái trống trải của lòng mình. Bận rộn công việc thì than phiền là bận rộn chẳng có thì giờ nghỉ ngơi, mà khi hết bận rộn thì không thể nào nghỉ ngơi được Con người bây giờ không biết nghỉ ngơi Hoặc giả chỉ biết nghỉ ngơi bằng những loại bận rộn khác, cũng được gọi là bận rộn. Hễ có được một chút thì giờ rồi rải ngừng tay thì đã không chịu đựng nổi. Phải với tay vặn cái nút máy thu thanh. Hoặc phải vớ lấy một tờ báo, đọc bất cứ bài vở gì, tin tức gì. Đọc quảng cáo cũng được. Phải có một cái gì để nhìn, để nghe, để nói, để trấn giữ dừng cho cái đầu của sự trống trải xuất hiện. Mặt mũi của sự trống trải sao mà kinh khiếp quá.

NGUYÊN Hưng, hồi nhỏ tôi có đọc những câu chuyện nói về những kẻ ra ngoài thì tả xung hữu đột oai phong lẫm liệt nhưng đến khi về tới nhà là sợ vợ thin thít không dám cựa quậy. Thì những chàng

dũng sĩ của ta cũng thế đó. Nhìn qua cái bận rộn của họ, ta có nghĩ rằng họ là dũng sĩ thật nhưng đến khi theo họ trở về nội tâm thì ta thấy tình cảnh tan hoang bi thảm không cùng. Chàng dũng sĩ của chúng ta đi xuống núi là để chuyển hóa cuộc đời nhưng rốt cuộc lại bị cuộc đời chuyển hóa... âm binh ma Tay ấn không vững thì đã không trị được chướng mà còn bị âm binh ma chướng vật ngã nữa. Chàng dũng sĩ của chúng ta không có được một chút bản lĩnh tâm linh nào thì làm sao có thể là một chàng dũng sĩ thực sự ?

NGUYÊN Hưng cũng biết rằng cái cuốn *Tì Ni Nhật Dụng* ấy là một thứ sách «binh pháp nhập môn» của chúng ta ; khi thứ sách chúng ta mới được gia nhập thiền môn thì chúng ta phải lấy ngay nó làm sách gối đầu giường. Nó chỉ cho chúng ta nắm lấy tâm ý của chúng ta. Trong những phương pháp động tác thường nhật như ăn uống, đi đứng, nằm ngồi, làm việc... Chúng ta phải tự theo dõi chúng ta, dò kiếm những dấu chân và công việc đó khó khăn như công việc trâu để tìm ra một con trâu lạc. Dễ gì mà dò biết được lối đi nẻo về của tâm của ý. Tâm ý của chúng ta cũng như một con vượn chuyền cành. Nó chuyền từ cành này sang cành khác, thoăn thoắt mau lẹ. Bắt được nó không phải là chuyện dễ. Phải mau hơn nó, phải khôn hơn nó, và phải dự mà tính đường hướng những cành cây mà nó sẽ chuyền tới. Bắn chết được một con vượn là chuyện rất dễ, nhưng công việc ở đây không phải là công việc bắn chết. Công việc ở đây cũng không phải là công việc dọa dẫm, ép buộc. Công việc ở đây là biết được đường đi nẻo về của nó, để không cần dọa dẫm ép buộc mà vẫn cứ có thể đi sát với nó, có nó trong tay bất cứ lúc nào mình muốn. Cuốn sách mỏng đó cho ta những biện pháp đầu để đối phó, hồn nhiên mà vô cùng hiệu lực. Nó dạy ta quan sát và điều phục theo một đường hướng rất hợp thiên nhiên tất cả mọi động tác thân thể ngôn ngữ tâm lý của chúng ta. Khi ta đưa hai bàn tay vào chậu nước trong chẳng hạn, nó dạy ta làm phát khởi trong óc một tư tưởng trong sáng, tin tưởng và ý thức : « Khi tôi rửa tay bằng nước trong, tôi ước ao rằng mọi người trong chúng ta đều có được hai bàn tay tinh khiết để có thể tiếp nhận và duy trì chân lý .» Và trong tất cả mọi động tác, những tư tưởng trong sáng kia đến cùng với ý thức minh mẫn, để tạo nên chính niệm làm cho mọi động tác, kể cả những động tác thường được coi là tầm thường nhất như đi vệ sinh, hốt rác, chặt củi ... cũng trở nên thánh thiện, tràn ngập tính chất thi ca và nghệ thuật. Za-zen. Thiền thì đâu cần ngồi. Cuộc đời không phải để mà ngồi dù ngồi chín năm xây mặt vào vách cũng thế. Ngồi chỉ là những bước đầu. Cũng vì vậy mà chúng ta đã được hướng dẫn nấu cơm, rửa bát, quét sân, gánh nước và nhặt củi. Chúng ta đã được dạy rằng nấu cơm không phải chỉ là để có cơm, rửa bát không phải chỉ là để có bát sạch. Nói cho đúng mức ngôn ngữ, thì nấu cơm không khải để có cơm, rửa bát không phải để có bát sạch. Và *nấu* là *nấu* chứ không phải là *nấu cho xong*, *rửa* là *rửa* chứ không phải là *rửa cho xong*

với ý định là làm cho xong kẻo mệt, làm cho rồi bổn phận để mà nghỉ, để mà tham thiền, thì việc làm ấy sẽ là hư công, vô ích, không có nghĩa gì đối với thiền học. Rửa bát, quét lá trước sân, những việc làm ấy phải là thiền, là tu, là con đường thành Phật. Thành Phật không do sự lễ lạy, cúng vái, ngồi « thiền » Thiền là ăn, là thở, là nấu cơm, là gánh nước, là chùi cầu tiêu vệ sinh Thiền là rọi ý thức minh mẫn vào mọi động tác thân khẩu ý, là làm cho rạng rỡ những chiếc lá khô, những viên sạn nhỏ, những đống phân bón, những cành củi mục ... làm cho rạng rỡ tất cả mọi đường đi nẻo về của tâm, của ý. Cho nên Nguyên Hưng biết rằng nắm được cái kỹ thuật nấu cơm, rửa bát, quét sân và nhặt củi ấy thì mới mong xuống núi làm chàng dũng sĩ. Một chàng chàng dũng sĩ như thế sẽ có thể cười đùa trước các vũ khí của cuộc đời như tiền bạc, danh vọng và quyền thế. Một chàng dũng sĩ như thế thì sẽ có thể ngồi trên các đợt sóng thành bại mà không bị đưa lên và dìm xuống bởi những đợt sóng thành bại và một chàng dũng sĩ như thế ít ai biết là một chàng dũng sĩ.

Nguyên Hưng, dù sao mùa Xuân cũng đã thấy thấp thoáng ở quê nhà. Dù cho quê nhà đang lâm vào tình trạng khốn khổ đau thương đi nữa mùa Xuân cũng nên trở về để trao cho Việt Nam khổ đau bức thông điệp hy vọng của sự sống mầu nhiệm, để tất cả chúng ta đặt niềm tin ở tương lai mà vững lòng đi tới. Tuyết đang rơi trước cửa sổ tôi mầu xanh còn vắng mặt. Nhưng thiều quang sẽ đến, và hàng cây trụi lá khô hạnh kia cũng như những bãi cỏ chôn vùi dưới tuyết kia sẽ lấy lại được mầu xanh mơn mởn của mùa Xuân thịnh vượng.

CÒN NỮA

HỘP THƯ TÒA SOẠN

Toà soạn Giữ Thơm Quê Mẹ vừa nhận được các tác phẩm sau đây của các bạn :

— Vĩnh biệt và Hồn Trăng thơ của N.Y.T.Q.V.A.A.N.Y.

— Xuân quê tôi thơ của B. C.

— Cụm mây xám đen, truyện của C.T.V.

— Nói với loài chim, thơ của V. Q.

— Tình la mã, Hạ màn, Sau cánh cửa, thơ của Q. T.

— Làm một vì sao, truyện của P.X.T.

— Đalat, Đêm tóc rối, thơ của H. L.

— Hư vô, Chiếc lồng, thơ của L. M. T.

— Cho em, Thư cho em, Tháng Hạ, Di cả, thơ của T. Y. D. Đ.

— Đoạn cuối, Vì em và nhân loại, thơ của N. V. P.

— Lạnh đêm, Trời cao, thơ của H.T.B.N.

— Buổi học đầu tiên, Gà trống nuôi con, truyện của V. B.

— Đoản ca nguồn nước, thơ của U. A.

— Mưa trên số phận, Tuổi thơ sa mù, thơ của T. T. T. T.

— Tư duy, thơ của Q. H.

— Con Bướm Bạc, nguyên tác Pearl Buck bản dịch của P. X. T.

— Quê hương và Thân phận, Lòng thành thơ của A. C. L.

Tòa soạn Giữ Thơm Quê Mẹ trân trọng cảm tạ các Bạn và xin các Bạn vui lòng đừng gửi các tác phẩm kể trên (trong thời hạn ba tháng) đến các báo khác, để tránh việc đăng trùng phiền phức. Một lần nữa, kính chúc các Bạn vui, mạnh và sáng tác thật phong phú dồi dào.

NHẮN TIN.— Các bạn Nguyễn văn Xuân Phong Sơn, Hoàn Vũ, Hữu Hoàng và các «anh em» khác. Mong bài của các bạn.

T.V

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO MỚI

Tòa soạn « Giữ Thơm Quê Mẹ » vừa nhận được các tác phẩm sau đây do tác giả hoặc nhà xuất bản gửi tặng :

— *HÁN VĂN TINH TÚY*, biên khảo của Lãng nhân, Nam chi Tùng thư xuất bản, dày gần 100 trang . Bản đặc biệt không đề giá.

*

— *PHẬT HỌC TINH YẾU* (thiên thứ nhất) biên khảo của Thích Thiền Tâm, do Phật học viện Huệ Nghiêm xuất bản, dày 436 trang. Bản đặc biệt không đề giá.

*

— *THƯ MỤC VỀ NGUYỄN DU*, biên khảo của Lê Ngọc Trụ và Bửu Cầm, tủ sách Viện khảo cổ Bộ giáo dục ấn hành, dày 140 trang. Không đề giá.

*

— *TẠP CHÍ VẠN HẠNH*, nghiên cứu phát huy văn hóa Phật giáo dân tộc, Thích Đức Nhuận chủ trương. Giá mỗi số 18 đồng.

*

— *ĐẠI CƯƠNG TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC* (quyển thượng), biên khảo của Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, Cảo thơm xuất bản, dày trên 800 trang. Giá 380 đồng.

*

— *KHUNG CỬA HẸP* (La Porte Étroite), nguyên tác của André Gide do Vận Mồng dịch, An tiêm xuất bản, dày 182 trang. Giá 45 đồng.

*

— *ĐÊM TÓC RỐI*, truyện của Dương Nghiễm Mậu, Thời Mới xuất bản, dày trên 200 trang. Giá 70 đồng.

*

Xin chân thành cảm ơn các tác giả và nhà xuất bản kể trên, và trân trọng giới thiệu cùng độc giả G.T.Q.M.

GIỮ THƠM QUÊ MẸ

VIET NAM HANG KHONG

AIR VIET NAM

TRONG ĐÔNG-NAM Á

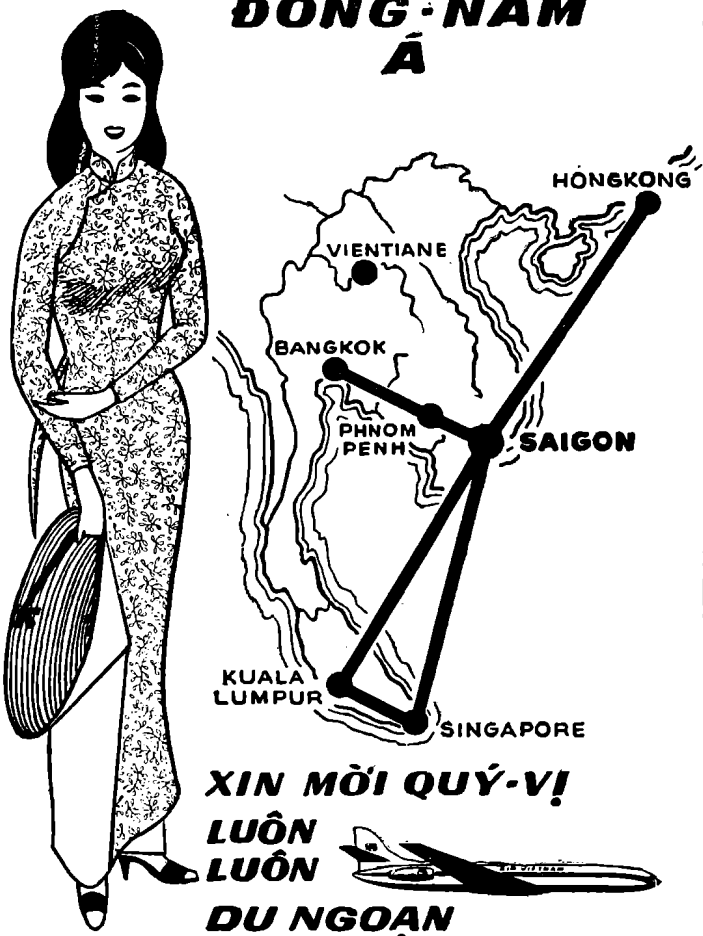

XIN MỜI QUÝ-VỊ LUÔN LUÔN DU NGOẠN

bằng **Caravelle**
PHẢN-LỰC CƠ TRÁNG LỆ NHỨT THẾ-GIỚI
của
ĐƯỜNG BAY **Hoa sen** VIỆT-NAM

★ NHANH CHÓNG: 800 CÂY SỐ NGÀN MỘT GIỜ
★ ÊM-ÁI_MÁT-MẺ_ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN_ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Ngoài ra, trên tàu Quý-vị sẽ thưởng thức những món ăn đặc-biệt do các nữ tiếp-viên xinh-lịch niềm-nở tiếp đãi

* * *

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

AIR

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG

116, NGUYỄN-HUỆ SAIGON - 21.624-625-626